

PHẠM CAO CỬNG
VẾT TAY
TRÊN TRẦN

TRINH THĂM



**THĂM
Ử KỲ
PHÁT**



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

GIẤU ĐẦU HỞ ĐUÔI

Bạn tôi vào, kéo ghế ngồi, rút thuốc lá ra châm hút, rồi nhìn tôi mà cười. Tôi vẫn vờ mãi miết xem nốt trang truyện trinh thám, nhưng trộm liếc cái cười tinh quái chế nhạo của bạn, tôi thấy khó chịu vô cùng. Hẳn thở hơi thuốc dài, mơ màng nhìn theo làn khói, rồi bỗng hỏi tôi rằng:

- Anh xem sắp xong chưa, nhanh lên để tôi đổi cho quyển khác?

- Anh để tôi còn phải xem chứ, ai xem nhanh được như anh! Càng xem càng thấy ly kỳ, đọc mãi không chán. Đêm qua tôi thức đến non ba giờ đêm mới đi ngủ.

- Làm gì mà thức khuya thế?

Tôi cố làm ra bộ tự nhiên, cười bảo:

- Thế mà cũng học đòi làm trinh thám Sherlock Holmes, thức để “đọc truyện” chứ thức để làm gì!

- Ấy thế mà tôi cứ tưởng anh thức để “tán chuyện” cơ đấy. Anh bắt tất phải đổi quanh nữa; tôi hỏi, anh nói cho thực: từ chín giờ tối đến ba giờ đêm hôm qua, anh “tán chuyện” hay “đọc truyện” trong nhà cô đầu trên Ổn Rợp*.

Tôi giật mình, không hiểu ông bạn thân sao biết rõ mọi hành động của mình như thế, nhưng xem chừng giấu nữa cũng vô ích, chi bằng cứ thú thực là hơn. Tôi bèn mạnh bạo gấp hẳn cuốn sách lại, giơ tay ra bắt tay bạn rồi nói:

- Tôi xin phục tài anh, không dám che mắt nhà trinh thám nữa, nhưng tại sao anh lại biết tôi tối qua đi hát trên Ổn Rợp, nhất là tại sao anh lại biết rằng đi từ chín giờ tối; không lẽ anh lại theo rình tôi mãi?

- Ai thèm rình anh. Tôi biết thế chẳng qua cũng là theo phương pháp suy luận của Conan Doyle viết trong bộ Sherlock. Khi tôi vào, anh vờ xem sách, bộ dạng anh tự nhiên lắm, nhưng anh đã muốn giấu mà đuôi cứ thò ra. Cái đuôi ấy là mẫu giấy đỏ kia, mẫu giấy anh đánh dấu để nhớ trang anh đã xem. Tôi nhận thấy lúc anh xem, mẫu giấy ấy gấp ở những trang anh chưa xem. Nếu anh xem thực thì mẫu giấy ấy anh phải gấp ở những trang anh xem rồi. Do đó, tôi đoán rằng anh vội vàng mở sách vờ xem khi tôi lại. Tại sao tôi biết anh lên Rợp? Khốn nạn, đôi giày lấm đầy bùn kia nó chứng cái gì? Sáng sớm hôm qua mưa to, đến trưa nắng. Đường các phố rải nhựa, buổi tối tất đã khô hết. Thế mà giày anh lấm bùn, vậy hẳn anh đi chơi tối, mò vào đường đất lội, tất chỉ có đi lu bù trong một nhà nào trên xóm Rợp chứ gì?

- Nhưng tại sao anh biết tôi đi từ 9 giờ?

Bạn tôi cười chỉ chiếc đèn cây để trên bàn mà bảo:

- Ấy, tôi cũng chỉ đoán. Chiều hôm qua tôi lại đây, nhận thấy phao dầu cây đèn này mới rót đầy. Bây giờ anh coi, nó đã cạn hết một phần ba, bằng ấy dầu anh chỉ thắp được ba tiếng đồng hồ, nghĩa là tự lúc lên đèn cho tới quãng chín giờ. Tôi đoán chín giờ là lúc anh mặc quần áo, tắt đèn bàn học để đi chơi! Anh đã hiểu rõ chưa?

- Tôi hiểu lắm rồi, anh Kỳ Phát ơi! Tôi càng chơi với anh lâu càng nhận thấy, anh thực là một người kỳ! Không nói đùa, giá anh đi làm trinh thám thì may ra anh cũng noi gương Sherlock Holmes, mà nếu anh chuyên nghề ăn trộm thì có lẽ cũng không kém Arsène Lupin là mấy. Nhưng còn cái án mạng này thì anh đoán ra thế nào?

Tôi vừa nói vừa đưa cho Kỳ Phát xem tờ thời báo ngày hôm nay, Phát tiếp lấy tờ báo, nhưng không xem. Hắn để trả báo lên bàn rồi nói:

- Có, tôi đã xem cái tin ấy. Chắc anh cũng cho cái chỗ đóng cửa kín hết mà người ở trong bị ám sát là lạ chứ gì?

Tôi ngắt lời:

- Thế anh đoán ra làm sao?

- Nếu tôi đoán được tôi đã đi làm thầy bói. Không vịn vào một cái gì hiển nhiên thì lấy đâu mà luận đoán. Tôi cần phải nhận xét ở một việc đã biết, suy luận rồi mới đoán ra được. Đó là việc cái phương pháp cốt yếu nhất trong khoa trình thám Âu Mỹ. Cái án mạng kỳ quái trong miền Thanh Hóa kia, nếu anh muốn hiểu rõ, thì hôm nào nhân ngày nghỉ, ta tiện dịp vào Thanh chơi, rồi tra xét cho ra manh mối.

CHIẾC Ô ĐÀN BÀ

Chuyến tàu Kỳ Phát và tôi xuất phát từ sáng sớm. Tuy sớm mà ánh nắng cũng đã gay gắt lắm. Từ Nam Định qua Trình Xuyên, núi Gôi, tôi để ý nhìn Kỳ Phát chỉ thấy hắt lim dim con mắt, thỉnh thoảng lại ngáp dài. Đến ga Cát Đằng, tàu vừa đỗ, một bà cụ tay phải cầm một gói bọc giấy báo, ngoài có giắt chực thẻ hương, vội vàng bước lên. Tay trái vừa buông cái vạt sau chiếc áo dài mà lúc nãy bà kéo lên để che nắng, bà cụ đã nhìn trước, nhìn sau như muốn tìm người quen biết.

Kỳ Phát bỗng đứng dậy. Hắt tươi cười chào bà cụ rồi nói:

- Mời cụ lên toa trên, ông phán ngồi ở toa đầu cơ ạ!

Tôi đợi bà cụ bước sang toa bên rồi mới quay hỏi Kỳ Phát:

- Ông phán nào anh quen biết mà lúc nãy không thấy anh chào?

Phát nhìn tôi một cách khinh bỉ:

- Anh tưởng hể tôi được quen với một ông phán thì khi gặp tôi phải chào mọp hay sao?

Hắn không đợi tôi trả lời, lại thản nhiên ngả lưng vào vách mà lim dim đôi mắt; một lúc sau ở toa bên bước sang một người trẻ tuổi, vận áo sa-tây. Tôi để ý thấy người ấy đi đi lại lại trên toa nhìn chúng tôi và nhất là nhìn Kỳ Phát một cách chăm chú lắm. Người trẻ tuổi bỗng tiến đến bên chúng tôi nghiêng mình chào, rồi hỏi Kỳ Phát:

- Xin lỗi ông, tôi nhìn ông ngờ ngợ mà lạ sao không nhận được ông là ai, không nhớ rằng đã được gặp ông vào hồi nào!

Kỳ Phát mỉm cười:

- Thưa, cũng không lấy gì làm lạ cho lắm, chỉ vì một cố là tôi chưa từng có hân hạnh được gặp ông bao giờ, mà lần này được tiếp chuyện ông là lần

đầu của tôi vậy.

- Thế sao lúc này...

- Lúc này tôi biết chỉ là vì tôi thấy bà cụ tìm ông, cũng như tôi biết ông hiện làm thư ký tòa án Nam Định, nhân ngày nghỉ về quê ăn giỗ.

Cắt nghĩa như thế, thì có trời hiểu. Bây giờ hồi tưởng đến thái độ ngạc nhiên của người trẻ tuổi lúc ở trên tàu tôi cũng vẫn còn buồn cười nôn ruột. Nói thực ra, thì ai mà không lấy làm lạ, nhưng chỉ mỗi tôi là thẹn vì lúc trước đã thốt ra câu hỏi ngờ nghệch kia.

Thấy tôi thần người ra nghĩ ngợi, Kỳ Phát vỗ vai tôi mà cười:

- Có thể mà mãi không nghĩ ra ư? Ninh Bình đây rồi này! Kìa anh trông!

Tôi nhìn theo tay Phát trở, thấy trên sân ga bà cụ lúc này tay cầm bọc, tay che ô đi bên người trẻ tuổi, áo sa-tây xách va ly, tay xách buồng chuối ngự.

Kỳ Phát nói:

- Anh nhận thấy chưa? Chính cái ô kia nó dẫn tôi từ bà cụ đến chàng trẻ tuổi. Lúc bà cụ lên, tay kéo vạt áo che nắng, tôi biết đó là một người quen đi ô, không nón. Mà bà cụ lại ra ý muốn tìm người quen, tôi sức nhớ đến chàng trẻ tuổi gặp lúc mới lên tàu, một tay chàng xách buồng chuối, một tay chàng xách va ly. Tôi để ý nhất là ở quai va ly có buộc một chiếc ô đàn bà. Thường ra một người trẻ tuổi không ai muốn mang theo ô, nhất là cái ô của đàn bà dùng, trừ ra trong khi bắt đỉ dẫm.

- Vì thế anh đoán ra rằng: người trẻ tuổi kia là con bà cụ?

- Tôi phỏng đoán chắc bà cụ đi trước đã mấy hôm nay vào Cát Đằng thăm bà con, nhân tiện ông con được ngày nghỉ vào Ninh Bình ăn giỗ một thế. Hai mẹ con đã hẹn nhau đi cùng một chuyến tàu, nhưng phiền nhất cho ông con là khi ở Nam đi bà mẹ lại bỏ quên chiếc ô ở nhà, thành ra chàng phải mang theo đi kéo sợ cụ già không quen nắng gió. Nhờ có thể hương ở bọc cụ già, và buồng chuối của người trẻ tuổi mà tôi đoán rằng: Hai mẹ con bà cụ vào Ninh Bình ăn giỗ.

Tôi cười bảo:

- Tôi cũng đoán cho anh xem: Tôi biết bà cụ tuy già nhưng tính lơ đãng tệ!

Phát cũng cười:

- Anh đoán giỏi đấy nhỉ. Có cái ô mà bỏ quên tất là lơ đãng hấp tấp, không biết chừng lúc nãy xuống vội vàng bỏ quên cái gì trên tàu cũng nên!

Kỳ Phát bỗng chạy bổ sang toa bên. Lúc hăn trở về tay giơ cao chực hương vừa đi vừa nói:

- Tức lạ, lúc nãy tôi chậm nghĩ quá. Đã để ý đến cái bọc bà cụ cầm không có thể hương mà tôi không nghĩ ngay đến tính lơ đãng. Thế mới biết làm cái nhỏ mọn thực dễ dàng mà nhiều khi ta không nghĩ tới.

Tôi cũng sức nghĩ ra:

- À, anh tại sao mà lại biết hăn làm tòa án tỉnh Nam nhỉ?

Kỳ Phát cười bảo:

- Câu anh hỏi lại chứng thêm cho lời tôi vừa nói là đúng. Thực những cái nhỏ mọn dễ dàng ngay trước mắt mà phần nhiều ta không nghĩ đến. Anh có muốn biết tên tuổi chức nghiệp cái lão to béo ngồi đối diện chúng ta không? Khó gì, anh nhìn mà đọc trên chiếc danh thiếp gài ở cạnh va ly kia kìa!

OAN THỊ KÍNH

Tàu đã sắp đến Thanh mà hăn vẫn điềm nhiên ngủ như thường. Tôi định sửa sang lại quần áo, sắp sửa hai chiếc va ly xong rồi đánh thức hăn dậy thì vừa. Lúc tìm đến vé thì mất, ấy mới rầy. Sờ hết túi trong đến túi ngoài, đâu cũng không thấy mà còi tàu đã rít lên mấy bận. Xe hỏa chạy từ từ, ga Thanh Hóa chỉ còn cách vài chục thước. Tôi đành lay Phát dậy. Hăn mắt nhắm mắt mở hỏi:

- Đến rồi à?

- Đến rồi, dậy đi! Quái, cái vé tàu mình bỏ đâu mất, làm thế nào bây giờ, không nó tính phạt từ Hà Nội thì “hao” quá!

Kỳ Phát nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi hăn đứng dậy, nắn các túi tôi như một người nhà đoan khám thuốc phiện lậu. Tàu đã dừng hăn, mà vé vẫn chưa thấy. Ấy mới nguy! Kỳ Phát cũng vục lại túi hăn xem, nhưng chỉ thấy mỗi chiếc vé của hăn.

Như sực nghĩ ra ý kiến gì, hăn mỉm cười, rút chiếc bút chì trong túi ra viết hí hoáy lên đằng sau chiếc vé. Rồi hăn xách va ly hất hàm bảo tôi cùng xuống.

Tôi bảo:

- Còn mất vé thì tính sao?

- Anh cứ mặc tôi!

Hăn vừa nói vừa đưa cho tôi chiếc vé, tôi cầm lấy nhìn xem thấy mặt sau có viết ba hàng chữ số của phép tính nhân $78,57 \times 9 = 707,13$ và chữ ký của Kỳ Phát. Tôi vẫn chưa hiểu ra sao thì Kỳ Phát đã kéo tôi xuống sân ga.

Hành khách vẫn xô đẩy nhau ra. Tôi thấy Phát thản nhiên xách va ly ra cổng, nhưng đến bên người thu vé thì hăn bỏ va ly xuống. Hăn móc túi lấy

ví ra.

Tôi bụng bảo dạ: “À, thằng cha nó chơi khăm mình, ra nó giữ cả hai vé!”

Nhưng không, Phát mở ví lục soát giấy má trong mấy ngăn rồi... rồi lại bỏ ví vào túi.

Rồi hẳn nhiên nhiên xách va ly ra. Người thu vé cản lại hỏi vé, Phát quắc mắt hỏi:

- Vé nào nữa, tôi vừa đưa cho ông thôi!

Thế là cãi nhau tíu tít, kẻ nói không, người nói có, duy chỉ tôi biết rõ: trong hai người kẻ nói dối tất không phải là người thu vé. Ông xếp ga ra, hỏi duyên cớ. Thế là lại cãi nhau tíu tít vẫn kẻ nói không người bảo có.

Kỳ Phát bỗng vỗ tay cười rầm lên, rồi bảo ông xếp ga rằng:

- À, tôi nhớ ra rồi. Lúc nãy ở trên tàu tôi không sẵn giấy, có lấy bút chì tính trên mặt sau chiếc vé. Đây tôi còn nhớ, tôi làm phép nhân $78,57 \times 9$, sau tôi buồn tay lại có ký cả tên vào nữa, ông thử lục tập vé xem có thấy không nào?

Lẽ tất nhiên là có thấy. Thế là Kỳ Phát đường hoàng xách va ly ra cổng, sau khi nghe lời ông xếp mắng người làm, và lời xin lỗi của người thu vé. Ra khỏi cổng Phát vỗ vai tôi cười bảo:

- Ta đi thôi chứ, đi mà tra xét cái án mạng kia, đẩy anh xem đọc truyện trinh thám có cái lợi nhõn tiền là như thế. Ở Club des Masques cũng có một chuyện tựa tựa như vậy. Tôi chỉ hơi tiếc một điều là chàng thu vé bị cái oan tày đình, cái oan Thị Kính. Tôi đoán chắc chàng thu vé tối hôm ấy về nhà sau khi kể chuyện lại cho vợ và con nghe sẽ nói: “Quái, tôi không lầm mà, rõ ràng hẳn để va ly xuống, rút vé ra định đưa vé nhưng không đưa mà lại bỏ ví vào. Ấy thế mà có vé của hẳn trong tay mình, ấy mới thực là lạ.”

Bây giờ hẳn chàng không lấy làm lạ nữa, mong chàng hãy đọc ở mấy hàng đây, lời xin lỗi trân trọng của Kỳ Phát và của người chép chuyện này.

CÁNH TAY ĐEN

Thấy chúng tôi nói là chỗ quen biết ngày xưa với ông cụ thân sinh, ông Nùng Chí tiếp đãi chúng tôi rất chu đáo. Sau bữa cơm gồm đủ các món sơn hào, ông buồn rầu mà kể lại cho chúng tôi nghe chuyện cái đêm ghê gớm.

- Các ông đã rõ, châu Lộc Sơn tuy cách xa tỉnh lỵ những hơn ba ngày ngựa, nhưng không hề có xảy ra sự gì ghê gớm bao giờ. Thế mà buổi tối hôm ấy, cũng bằng bây giờ, cha tôi đang ăn cơm nói chuyện vui vẻ, bỗng im bật, lắng tai, hình như nghe thấy một tiếng gì quái lạ. Tôi cũng để ý nghe thì ngoài những tiếng thú rừng bắt đầu đi kiếm mồi và tiếng gió đập cành cây xào xạc là những tiếng quen của dân miền núi, không có một tiếng gì lạ cả. Tự lúc ấy, cha tôi như có ý thấp thỏm, lo sợ điều gì. Ăn vội vàng cho xong bữa, cha tôi kêu trong mình khó ở, rồi thu xếp đi nằm. Cha tôi ngủ buồng bên cạnh, còn buồng này là buồng tôi ngủ. Đêm hôm ấy, tôi trần trọc mãi không chợp mắt được, vẫn ngạc nhiên về cái thái độ lạ lùng của cha tôi.

Kỳ Phát ngắt lời:

- Chắc ông nằm xem truyện cho qua thì giờ?

Tôi ngoảnh nhìn giường chủ nhân thấy đầu giường có kê một chiếc kỷ con, trên để mấy quyển truyện Tàu và chiếc đèn con.

Tôi gật đầu hiểu ý, nhưng Nùng Chí thì lấy làm ngạc nhiên hỏi:

- Quái lạ! Sao ông biết tôi hay xem truyện đêm?

Như không để ý đến câu hỏi, Kỳ Phát giục:

- Ông kể nốt cho chúng tôi nghe, sau rồi sao nữa?

- Sau tôi mệt quá nhưng vừa chợp mắt thì bỗng giật mình tỉnh dậy.

Kỳ Phát hỏi:

- Lúc ấy vào quăng mấy giờ?

- Lúc ấy vừa trống canh ba được một lát. Tôi tỉnh dậy vì nghe thấy một tiếng kêu dữ dội ở trong buồng cha tôi. Tôi bèn cầm đèn, xách ba toong chạy tới.

Tôi và Kỳ Phát đều quay nhìn chiếc can nhỏ nhắn, chỗ tay cầm có nạm vàng tây, dựng bên cạnh chiếc mắc áo.

Tôi nói:

- Cứ như báo đăng thì lúc ông sang, cửa buồng ông cụ khóa chặt.

- Vâng, buồng cha tôi khóa chặt ở phía trong, tôi cố đẩy vào cũng không được... mà bên trong tôi vẫn nghe hình như có tiếng rên rỉ. Tôi toan chạy xuống đằng cuối vườn gọi lão bộc Ty Khuông nhưng tôi thoáng thấy, cách đó hai thước trước mặt tôi thoáng thấy một bóng đen. Tôi nói thoáng thấy là vì, ngay lúc bấy giờ một cánh tay dài thườn, đen nháy, vươn lại phía tôi, giật đổ cái đèn, rồi ghì chặt lấy cổ tôi. Tôi bị vật ngã xuống dưới đất, tôi hết sức giãy giụa mà không sao gỡ được cái cánh tay đen, lạnh toát mềm nhũn đương bóp cổ tôi. Sau tôi bị tắc thở, ngất đi, lúc tỉnh dậy thì đã thấy lão Ty Khuông đương vỗ nước lã vào mặt tôi cho tôi hồi tỉnh. Ty Khuông kể lại cho tôi nghe rằng...

Kỳ Phát ngắt lời:

- Ty Khuông là người có thể tin cậy được không?

Nùng Chí gật đầu bảo:

- Lão ở hầu hạ nhà tôi được hơn hai mươi năm rồi, cha tôi coi lão như người nhà vậy. Lão kể lại rằng...

Tôi nói:

- Giá ông cho gọi Ty Khuông lên đây thì hay lắm. Chúng tôi được nghe chính mồm lão thuật lại thì có lẽ hơn.

Kỳ Phát gật đầu như cho cái ý của tôi là phải. Nùng Chí bèn cho người xuống gọi lão bộc lên. Tôi nhìn Kỳ Phát thấy hắn có vẻ ung dung lắm. Mồm thở thuốc lá phì phèo, mắt ngăm nhìn quanh tứ phía. Hắn bỗng chỉ một con dao quai vỏ tre, cán đồng, treo trên tường mà khen rằng:

- Chủ nhân có con dao tốt nhỉ, giá có đủ đôi treo thì đẹp biết bao!

Nùng Chí rút con dao xuống đưa cho chúng tôi xem rồi buồn rầu nói rằng:

- Vâng, con dao này tốt lắm, nguyên vẫn có một đôi, theo tục lệ trên này dao tốt cứ xếp bạc nén, chém một nhát đứt hết bao nhiêu là giá bằng ấy. Cha tôi tính ra mua đôi dao này hết hơn ba mươi đồng, đủ biết cặp dao này quý lắm. Mua được đôi dao thì cha tôi giữ một, tôi giữ một, ngờ đâu lại bị kẻ sát nhân dùng chính con ấy hại chính cha tôi.

Kỳ Phát hỏi:

- Ông có biết cụ nhà ta có kẻ nào thù hằn không?

- Không, cha tôi làm Tri châu vùng này được đến mười năm nay, cứ như tôi biết không hề có một ai thù oán cả, tôi chắc chỉ có yêu mến mà thôi.

Kỳ Phát bỗng đứng dậy vỗ vai Nùng Chí một cách thân mật mà bảo rằng:

- Ông nói có lẽ vì chính ông cũng đương có người yêu mến cơ mà! Chúng ta đều là bạn trẻ, ông cứ tự nhiên cho. Chắc ông nóng ruột lắm thì phải, vì bây giờ có lẽ đã tới giờ hẹn của người yêu ông. Ông có thể để mặc chúng tôi hỏi chuyện Ty Khuông cũng được.

Sau khi Nùng Chí ra, Kỳ Phát bảo tôi rằng:

- Tôi nhận thấy hằn thính thoảng cứ liếc nhìn ảnh người yêu treo trên tường, lại nhìn đồng hồ, nên tôi đoán già rằng hằn có người đợi, nên nói thẳng cho hằn đi, chúng mình hỏi Ty Khuông cho tiện.

Tôi nhìn ảnh một cô Mán đeo khuyên bạc xinh xắn ngây thơ treo trên tường mà hỏi Kỳ Phát:

- Anh đoán người này có dính dáng vào vụ án mạng không?

Kỳ Phát không trả lời ra hiệu bảo tôi im, vừa lúc ấy lão bộc Ty Khuông ở ngoài bước vào.

BÓNG ĐEN HAY BÓNG TRẮNG

Ty Khuông là một người Mán, trạc ngoại năm mươi nhưng trông vẫn còn quắc thước. Cái cằm vuông và đưa ra, biểu hiện cho tính quả quyết, con mắt sáng lạnh, vô hạn buồn rầu mỗi khi lão nói đến tên ông chủ cũ, đủ cho chúng tôi biết rằng ông châu Nùng Cao xưa kia tin cậy lão là phải lắm. Chúng tôi đều ngồi lặng yên nghe lão kể, nhất là Kỳ Phát thì hình như chú ý đến câu chuyện lắm, thỉnh thoảng hắt lại ghi vào sổ tay mấy chữ.

- Hôm ấy sau bữa cơm chiều, quan châu có cho gọi tôi lên dặn rằng: “Đêm nay anh phải xem lại cửa ngõ cho cẩn thận và nên tỉnh ngủ.” Biết hẳn có việc gì quan trọng, đêm ấy tôi định không ngủ để xem động tĩnh, nhưng sau một quá, hai mắt gà gà, thì bỗng choàng tỉnh hẳn. Lúc ấy trống canh ba vừa điểm xong, tôi nghe thấy ngoài có tiếng động rồi thoáng thấy có một cái bóng trắng tay dài lắm dễ đến hơn thước rượt đi vụt vào trong nhà. Tôi vội mặc áo, xách gậy đi theo lên nhà trên nhưng bỗng một tiếng kêu dữ dội ở phía buồng quan châu đưa ra, rồi thấp thoáng ánh đèn, rồi thấy tiếng cậu Nùng Chí kêu cứu. Hoảng hốt, tôi chạy lên đánh diêm soi thì đã thấy Nùng Chí nằm ngất trước cửa buồng cha, hơi thở rất nhỏ. Tôi bèn vực cậu dậy, gọi tỉnh thì thấy cậu bảo vừa bị người bóp cổ.

Kỳ Phát ngắt lời:

- Có, tôi đã được ông Nùng Chí kể cho nghe đoạn ấy, già không phải kể lại nữa.

Ty Khuông nói tiếp:

- Tôi đoán thủ phạm là một người rất khỏe vì cổ cậu Nùng Chí có đeo cà vạt cổ cứng mà còn bị nghẹt thở, nếu không thì có lẽ không sống được đến bây giờ.

Tôi bảo riêng Kỳ Phát:

- Cứ như lời Ty Khuông thì thủ phạm bận đồ trắng, theo lời thuật của Nùng Chí thì thủ phạm bận đồ đen, vậy như ý anh đoán thì thủ phạm là bóng đen hay là bóng trắng, hay là hai bóng cũng chỉ là một thôi?

Kỳ Phát mỉm cười không trả lời, quay lại bảo lão bộ:

- Bây giờ già đưa chúng tôi sang xem cái buồng đã xảy ra án mạng.

Ty Khuông vâng lời, đưa chúng tôi sang buồng bên. Cánh cửa vừa mở, một luồng gió lạnh tanh tanh đưa ra, làm tôi phải ghê sợ. Một điều tôi để ý nhất là trong phòng bày biện rất sơ sài, trên tường không hề treo một cái tranh ảnh gì cả, ngoài trước cửa ra vào, phòng có bốn cửa sổ song sắt, đóng kín mít như bưng. Kỳ Phát hình như chú ý đến những cửa ấy lắm thì phải vì tôi thấy hắn rút trong túi ra chiếc kính lúp, soi từng khe một. Tận trong góc phòng kê một chiếc giường màn nửa vắt nửa buông, đó là giường ông châu Nùng Cao. Áp đầu giường, một chiếc kỷ con trên để chiếc đèn Hoa Kỳ và ba quyển Tam Quốc chữ nho. Cạnh chiếc kỷ, để một chiếc tủ đứng kiểu cũ, Kỳ Phát để ý nhất đến bốn chiếc khóa đồng mà bảo tôi rằng:

- Anh có nhận thấy cái gì không?

- Có, những khóa này là kiểu khóa có tua của Tàu, trông miệng khóa thì hình như hiểm lắm thì phải.

- Anh chỉ nhận có thế thôi ư?

Rồi hắn quay lại hỏi lão bộ:

- Già có thể mở cho tôi xem những ngăn kéo này không?

- Thưa ông, lúc này cậu Nùng Chí có dặn tôi, ông là một vị khách đặc biệt, ý của ông muốn gì là ý cậu tôi muốn thế, nhưng chìa khóa ngăn kéo này cậu ấy không để ở nhà mà dù ông có đợi cậu ấy về cũng chỉ có thể xem được hai ngăn kéo bên phải mà thôi, vì hai chiếc chìa khóa ngăn bên trái bị thất lạc không sao tìm thấy.

Kỳ Phát không nói gì, rút trong túi ra một chùm đến hơn hai mươi chiếc chìa khóa rồi tra vào mở thử nhưng không chiếc nào vừa. Ngẫm nghĩ một lát, Phát bỗng vỗ vai Ty Khuông mà bảo rằng:

- Tôi biết già thương ông châu lăm, những công việc tôi làm đây đều chỉ là cốt ý tìm ra hung thủ mà thôi. Tôi chắc già đã thề báo thù cho chủ, vậy cũng nên giúp tôi trong khi tra xét, nhất là đừng lấy làm lạ cái gì cả.

Ty Khuông nói:

- Vâng, tôi đã rõ, tôi xin hết lòng trông cậy ở ông.

Kỳ Phát rút trong ví vài chiếc nĩa* và ba bốn chiếc móc bằng thép. Hắn loay hoay tra vào chiếc khóa. Một lát sau, tôi và Ty Khuông đều lấy làm lạ, vì thấy hắn đã mở được hai chiếc ngăn bên phải rồi. Tôi thấy trong chiếc ngăn trên để toàn giấy má việc quan, ngăn dưới thì để tiền. Kỳ Phát như không chú ý đến hai ngăn kéo này nên khóa lại ngay. Hắn bắt đầu mở đến khóa hai ngăn kéo bên trái.

CHIẾC LỌ CỔ VÀ KHÚC XƯƠNG TAY

Thấy Kỳ Phát hí hoáy mở hai ngăn kéo bên trái, Ty Khuông nói:

- Hai chiếc khóa này các thợ khóa trong vùng chịu không sao mở được, tôi chắc ông cũng...

Lão bộc chưa nói hết lời, thì Kỳ Phát đã kéo được chiếc ngăn trên phía trái ra. Tôi giật mình ghê sợ vì thấy để trơ trọi giữa ngăn một chiếc xương ống tay trắng tinh bóng nhoáng. Kỳ Phát không nói gì, khóa ngăn lại, hí hoáy mở chiếc ngăn dưới. Tôi đương nóng lòng đợi xem trong cái ngăn cuối cùng này hẳn có cái gì bí mật, nhưng một lúc sau Kỳ Phát phải đứng dậy lắc đầu nói:

- Tôi cũng chịu, từ xưa đến nay tôi chưa từng gặp cái khóa nào hiểm như cái khóa này. À, Ty Khuông, lúc già vào thì thấy ông châu ngả nằm chỗ nào?

Ty Khuông chỉ chiếc kỷ mà bảo rằng:

- Tôi thấy ông tôi nằm gục ở áp chiếc kỷ này, ở ngực phía bên trái cắm ngập con dao mà ông tôi vẫn dùng làm khí giới hộ thân.

- Già nói ở ngực phía bên trái?

- Vâng, ở ngay dưới vú độ nửa đốt ngón tay, có lẽ vì trúng tim nên ông châu chết ngay không nói được câu nào.

Kỳ Phát gật gù như lấy làm đặc chí lắm. Hẳn xem lại các cửa sổ, rút thuốc lá ra châm hút, ngửa mặt thở khói tròn, nhưng hẳn bỗng biến sắc đứng thần ra nghĩ, rồi nhẩy lên giường, nhòm lên đỉnh màn. Như đã nghĩ ra manh mối, hẳn vậy tôi và Ty Khuông cùng đến, rồi nhìn thẳng vào lão bộc, hỏi:

- Già ở đây đã lâu năm, chắc lai lịch chiếc xương ống tay kia già phải biết?

- Không những tôi biết, mà nhiều người cũng biết, vì ông châu thường nói chuyện đến luôn. Mỗi khi thấy người hỏi đến, ông châu đều kể lại tấn kịch ghê gớm và buồn cười khi xưa.

... Cách đây sáu năm.

Một buổi tối mùa đông. Cảnh vật châu Lộc Sơn hình như đường co ro trong khí trời lạnh lẽo. Trong nhà quan châu, Nùng Cao và người khách lạ đương chén tạc chén thù. Rượu đã ngà ngà. Nùng Cao mang ra khoe khách một đôi lọ cổ:

- Ông trông xem, đẹp tuyệt. Nước men trắng như gạo nếp, nét vẽ tinh tế xiết bao! Tôi tưởng cảnh Tô Vũ mục đường này đến họa ra tranh vẽ cũng không hơn được những nét chấm ở đây. Nhất là đề từ đời Khang Hy đến giờ mà còn nguyên vẹn, không mẻ không nứt thì thực là của hiếm.

Khách ngắm đôi lọ gật gù bảo:

- Hiếm thực, mà lại được cả đôi mới tuyệt!

- Nếu chỉ có một chiếc thì có gì là quý. Tôi mà mất một chiếc thì thực như thiếu một cánh tay.

Khách ra ý thích đôi lọ lắm:

- Hay là ông để lại cho tôi một chiếc.

- Không, tôi đã nói, thiếu một chiếc là tôi thiếu một cánh tay. Nói giả thử, ông có bằng lòng chặt một cánh tay đưa cho tôi không?

Khách, có lẽ lúc ấy hơi men đã bốc, điềm nhiên vén cánh tay trái mà nói:

- Đây ông cứ chặt, tôi bằng lòng đổi...

Cứ theo lời ông châu kể chuyện lại thì ta có thể tưởng tượng được cái tấn kịch ghê gớm lạ lùng xảy ra như trên. Thế là từ bấy giờ mỗi khi có khách hỏi đến đôi lọ, ông châu sẽ đem khoe một chiếc lọ và khúc xương tay, bóng nhoáng, nhẵn lì, lau chùi sạch sẽ mà bảo rằng:

- Đây, chiếc lọ nữa của tôi đây!

Nếu khách có ngạc nhiên, ông ấy sẽ lại bắt đầu kể chuyện. “Cách đây sáu năm, một buổi tối mùa đông...”

Kỳ Phát hỏi:

- Từ khi xảy ra tấn kịch già vừa kể, già có để ý thấy tâm tình ông châu thay đổi chút gì không?

Ty Khuông ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Ông có nhắc tôi mới nghĩ ra. Tự khi ấy ông châu tính cẩn thận thêm lên, tối đến ông tự xem xét cửa ngõ kỹ lưỡng cẩn thận rồi mới đi ngủ.

Kỳ Phát gấp cuốn sổ tay bỏ túi, rồi bảo:

- Thôi cảm ơn già, tôi biết thế là đủ rồi. À, cứ theo phong tục miền núi, nhà nào càng giàu thì càng có lắm chiêng đồng, sao ở nhà đây tôi để ý không có lấy một chiếc?

- Ấy cách đây độ hai năm, tự nhiên một hôm ông châu cho khiêng bao nhiêu chiêng đồng ở nhà đem đi bán hết không giữ lại một chiếc nào.

- Tại làm sao già có biết không?

Ty Khuông lắc đầu trả lời:

- Tôi đoán mãi cũng không ra, vì trong mấy hôm ấy không xảy ra sự gì cả. Chỉ có tối hôm trước, trời đã khuya có một người khách vào chơi. Trời tối, tôi không trông rõ mặt, chỉ biết hẩn khoác một chiếc áo lông cừu dài tới gối, giống như những chiếc áo của bọn khách Vân Nam vẫn mặc.

Hẩn vào buồng ông châu nói chuyện một lúc lâu. Khi đi, trông hẩn có vẻ tức giận lắm, lúc ra đến cổng, hẩn còn ngoảnh lại nói xì xồ một tràng tiếng Khách.

Kỳ Phát như để ý đến đoạn cuối này lắm.

Ty Khuông đã ra rồi mà hẩn còn đi đi, lại lại ra dáng suy nghĩ lung lắm. Tôi thoáng nghe thấy hẩn lẩm bẩm: Ác giả ác báo, chiếc chiêng đồng, thằng khách Vân Nam...

Tôi hỏi:

- Cái gì mà ác giả ác báo hử anh?

Kỳ Phát trợn mắt nhìn tôi gắt tướng:

- Anh lại còn hỏi, ác giả ác báo, có khúc xương tay mới có chiếc chiêng đồng chớ lại.

Rồi hăn chẳng nói thêm nửa câu, nằm vật ra giường lim dim đôi mắt. Từng biết tính bạn, tôi biết những lúc ấy, dù có cậi rằng, Phát cũng không nói nửa lời.

VẾT TAY TRÊN TRẦN

Sáng sớm hôm sau, tôi bừng mắt dậy đã thấy Kỳ Phát ngồi ở góc bàn, tay mân mê cái vòng cổ chó săn, thứ vòng bằng da có đính tua ra phía ngoài cốt để giữ cho các giống thú rừng không ngoạm được vào cổ chó. Hắn cầm chiếc giữa con giữa các đầu đinh cho thêm nhọn, rồi nghịch, ướm thử lên cổ mình.

Tôi cười bảo:

- Vừa lắm rồi, có lẽ cái vòng ấy họ làm ra cốt để cho anh đeo thay vào chiếc cổ còn đây!

Kỳ Phát cũng cười mà trả lời:

- Mà có lẽ thực đây anh ạ. Tôi tưởng đeo cái vòng này còn có ích hơn là đeo cổ còn không những vô ích lại còn bận rộn.

Tôi nghiêm sắc mặt bảo:

- Thôi không nói đùa nữa. Cái án mạng kia anh đã tìm ra manh mối chưa, ở ăn hại nhà người ta mãi sao?

Phát tức mình nói:

- Trong hai người đi chỉ có một người ăn hại thì cũng chưa đến nỗi nào. Việc nó bày ra như thế, việc gì phải tìm đâu nữa.

Tôi hỏi:

- Tôi vẫn chưa hiểu cái chỗ Ty Khuông thì trông thấy cái bóng trắng mà Nùng Chí thì trông thấy bóng đen. Đen và trắng, hai màu ấy không có thể nói là trông lầm được. Vậy thủ phạm là ai người bạn đồ đen hay trắng?

Kỳ Phát nói:

- Thoạt đầu nghe chuyện tôi cũng đặt ra câu hỏi ấy. Làm rắc rối câu chuyện trắng đen, chỉ tại anh chàng Nùng Chí. Thế anh có nhớ Ty Khuông

nói đêm ấy hẳn sức tỉnh vào hồi nào không?

- Lúc trống canh ba vừa điểm xong!
- Thế còn Nùng Chí nghe tiếng kêu vào lúc nào?
- Lúc trống canh ba vừa điểm xong một lúc!

- Thế nghĩa là từ lúc Ty Khuông trông thấy bóng trắng cho đến lúc Nùng Chí nghe thấy tiếng kêu chỉ có mấy phút đồng hồ. Anh tính xem trong một thời hạn ngắn ngủi thế, hung thủ ta ví dụ là bóng trắng, có thể kịp chạy từ vườn vào trước cửa phòng, rồi từ ngoài lén vào phòng bằng một cách nào ta chưa cần biết, đêm Nùng Cao một nhát rồi lại thoát ra ngoài được không?

Tôi lắc đầu bảo:

- Dẫu nhanh như điện cũng không thể được, như thế hung thủ không phải là người bận đồ trắng, tuy nhiên ta cũng cần biết hẳn là ai, lén mò vào trong vườn nhà người ta làm gì trong đêm khuya tăm tối.

Kỳ Phát cả cười, vỗ vai tôi mà rằng:

- Hẳn chỉ là Nùng Chí thôi anh ạ!

Tôi ngạc nhiên bẻ lại:

- Không lẽ Nùng Chí, vì chính hẳn bảo hẳn nghe thấy tiếng kêu nên sức tỉnh dậy cơ mà.

- Thế mới giấu đầu hở đuôi! Anh có thấy ai đương ngủ mê, choàng tỉnh dậy mà lại biết rõ ràng vừa trống canh ba một lúc không? Vả lại theo lời Ty Khuông thuật, thì lúc gọi tỉnh, Nùng Chí đeo cổ còng, ca-vát; đời thuở nhà ai đi ngủ mà lại đóng đủ bộ như thế không? Vả lại trong buồng hẳn có treo con dao là một thứ khí giới hộ thân tốt, cứ gì lúc hẳn chạy sang cứu cha lại không cầm dao chỉ mang chiếc can nhỏ tí bịt vàng?

Tôi như người sức tỉnh, gật gù bảo:

- Có lẽ hẳn đi chơi đâu về!

- Cố nhiên, tôi đoán hẳn đêm ấy lén đi tình tự với người yêu, đã khuya vừa đến vườn thì nghe thấy tiếng kêu, nên vội chạy vào cứu.

- Thành ra lão Ty Khuông đương ngủ gà ngủ gật trông thoáng thấy tưởng là hung thủ, mà có lẽ cánh tay dài lão tưởng tượng chỉ là chiếc *can* mà thôi.

Kỳ Phát cả cười bảo tôi rằng:

- Anh đoán đúng đấy, thôi còn đợi gì mà không đi làm trinh thám?
- Thôi anh đừng chửi tôi nữa, tôi nghĩ mãi mà không hiểu thủ phạm làm thế nào mà vào được trong phòng, khi các cửa đều đóng cả.
- Nếu các cửa đều đóng thì Nùng Cao đã chết từ trước rồi còn gì?

Tôi sức nghĩ ra:

- À, còn cái lỗ hổng áp mái nhà, trông to hơn chiếc chấp đầu, nhưng dù hung thủ có dùng thang trèo lên tới cũng chỉ có thể nhòm vào được thôi chứ không thể chui lọt. Vả lại dù chui qua thì lúc nhảy vào trong cũng không làm cách nào được.

- Thế anh không thấy trên trần có vết gì à?
- Có, tôi cũng có trông thấy những vết lấm ở trên trần nhưng không để ý lắm.
- Thoạt tiên tôi cũng vậy, về sau lúc hút thuốc ngửa mặt thở khói, tôi bỗng nhận ra rằng: Những vết lấm ấy theo một dải từ lỗ hổng thẳng đến trên đỉnh màn.

- Vì thế anh mới nhảy lên giường nhòm lên màn, nhưng anh có thấy gì không?

- Tôi có nhận ra rằng trên đỉnh màn có những lốt bàn tay nhỏ xíu, ngay giữa có bốn vết rồi đến góc màn thì chỉ có từng ba, bốn lốt thôi.

- Thế những vết trên trần cũng là những vết tay?
- Phải, những vết tay ở trên trần, thế mới lạ!
- Như ý anh thì đoán như thế nào?

- Tôi đoán... Tôi đoán rằng đến đêm nay anh sẽ rõ. Còn mấy cái khóa anh không nhận thấy gì à? Lạ nhỉ? Cái tủ ấy có bốn ngăn kéo, hai ngăn bên trái, hai ngăn bên phải. Anh có nhận thấy khóa hai ngăn bên phải khác hai ngăn bên trái không?

- Khóa bên trái hiểm hơn.
- Gì nữa?

Tôi sức nghĩ ra:

-Ồ nhỉ, tại sao lỗ khóa bên phải đều quay về phía bên phải mà lỗ khóa bên trái lại quay về phía bên trái?

- Tại vì hai khóa bên phải đã có Nùng Chí mở qua, còn hai khóa bên trái thì lúc Nùng Cao chết đến giờ chưa có ai mở đến cả. Một người thường khóa lỗ khóa quay về bên trái là người thế nào?

- Là người vẫn quen dùng tay trái hơn tay phải, vì khóa như thế lúc mở dùng tay trái mới tiện. Nhưng ông cháu Nùng Cao quen dùng tay phải hay trái, có liên quan đến vụ án mạng này đâu.

Kỳ Phát mỉm cười hỏi:

- Đối với anh thì có lẽ cái xương cánh tay kia cũng không đáng gì đến án mạng hẳn?

- Nhắc đến khúc xương, tôi lại sức nghĩ ra, sao anh không phá nốt chiếc ngăn kéo dưới ở bên trái ra xem trong ấy có gì không? Tôi đoán hẳn có nhiều cái lạ kỳ.

- Anh thực thà quá, anh tưởng tôi chưa xem tới ngăn kéo ấy sao? Anh nên biết rằng ngay lúc có Ty Khuông ở đấy, tôi đã mở được cái ngăn kéo thứ tư rồi nhưng sợ ở trong ấy có cái gì bí mật, không tiện cho Ty Khuông biết sợ trở ngại việc tra xét của chúng mình.

- Đối với anh có lẽ không có cái khóa nào là hiểm cả, chắc đêm qua anh sang buồng bên mở ngăn kéo ấy xem rồi. Anh thấy có gì lạ?

Kỳ Phát mở ví đưa cho tôi xem ba mảnh giấy đốt giờ nói:

- Trong ngăn kéo tôi chỉ thấy một đồng giấy. Tôi bới tìm chỉ có ba mảnh giấy này là còn có thể đọc được. Đây anh xem một mảnh có chữ: "... từ 1928; Ta nóng quá những hồi..." một mảnh có bốn chữ: "... Nó giết ta làm..." và một mảnh chỉ có hai chữ: "... Tiếng... đồng..."

Tôi nói:

- Mảnh thứ ba này chắc chữ giữa bị lửa lém vào, tiếng... đồng... À hay là tiếng chiêng đồng?

- Tôi cũng đoán thế. Cứ như hai chữ: "... từ 1928" thì ta có thể chắc rằng tập giấy đốt đi này là một nhật ký từ năm 1928 tức là tháng tư năm 1928.

Từ 1928 đến bây giờ là mấy năm rồi nhỉ?

- Đúng sáu năm, anh đoán làm sao?

Kỳ Phát không trả lời câu hỏi của tôi, lăm băm một mình:

- Sáu năm, ừ đúng sáu năm.

Rồi hắn nhìn thẳng vào mặt tôi nói:

- Anh muốn biết tôi đoán ra làm sao. Đến tối nay rồi anh sẽ rõ.

Rồi hắn xoay nắm cửa, đi ra. Trước khi bước khỏi cửa phòng hắn còn ngoái cổ lại bảo tôi rằng:

- À, tôi quên chưa cho anh biết. Độ chiều nay, Nùng Chí sẽ cho mời bốn thầy khen về lập đàn giải oan cho ông bố, có lẽ họ cúng lễ suốt đêm nay mới xong, tôi chắc anh là một nhà văn sẽ lấy làm thích vì được một tài liệu về phong tục ở trên này.

TIẾNG CHIÊNG ĐỒNG TRONG RỪNG THẮM

Họ lập đàn cúng lễ từ lúc xế chiều. Hỏi ra, theo phong tục vùng này khi lập đàn giải oan cho người chết, tùy theo giàu nghèo, mời một hay hai, ba thầy khen tức là thầy phù thủy về đàn hát lễ bái. Tự nửa ngày hôm trước, suốt đêm đến nửa ngày hôm sau mới xong. Đêm hôm ấy theo tục gia chủ bắt buộc phải mặc quần áo người đã quá cố nằm ngủ chính ở giường người ấy thọ chung. Họ cho rằng như thế hồn người chết sẽ về báo mộng và dặn bảo mọi điều. Một điều này tôi lấy làm lạ là Nùng Chí tuy là người Thổ nhưng đã có cái óc mới, không lẽ lại còn mê tín mà theo thói thường lập đàn như thế? Tôi hết sức xét đoán mà vẫn chưa ra duyên cớ, trong khi ấy, ở ngoài họ vẫn trống phách vang lừng. Trời tối dần... tôi nằm không tài nào chợp mắt được, suy nghĩ quanh co, chỉ trở mình hoài. Kỳ Phát thì ngáy o o ngủ ra dáng bình tĩnh lắm, hình như đã quên lời hứa cùng tôi: “Đến đêm nay, anh sẽ biết.”

Trống canh hai đã điểm. Tôi vẫn chưa ngủ được. Tôi đành mặc áo, mở cửa ra sân xem bọn thầy khen cúng lễ và hát những bài hát thờ nghe thâm buồn rầu, chốc chốc lại điểm vài tiếng trống bập bùng. Lúc tôi quay vào định ngủ thì kỳ lạ, Kỳ Phát đã biến đi đâu mất.

Tiếng trống ở ngoài đã thưa dần... Tôi nằm vẫn lơ nghĩ ngợi, lắng tai nghe tiếng gió thổi rì rào. Tôi bỗng giật mình lo sợ, trong rừng thẳm đưa ra tiếng rè rè của chiếc chiêng đồng nghe ai oán, gớm ghê! Tiếng chiêng chốc chốc lại nổi lên vắng vắng vẫn ở tự trong rừng thẳm đánh chậm chạp dần từng tiếng một. Tôi nghe tiếng chiêng mà rùng mình, tưởng ra một bọn

người bí mật, khiêng một cỗ quan tài để mộc, đương bước theo nhịp chiêng, lặng lẽ hạ huyết trong rừng sâu thẳm.

Tiếng chiêng thỉnh thoảng vẫn nổi lên. Bỗng trong buồng bên cạnh có tiếng lục đục, rầm rầm rồi tiếng Kỳ Phát kêu gọi tôi. Tôi khoác vội chiếc áo, cầm đèn pin, rút con dao trên tường, chạy sang.

Vừa lúc ấy, Nùng Chí và bọn người nhà cũng cầm đèn chạy đổ lại, cánh cửa buồng vừa mở, tôi thấy Kỳ Phát đầu tóc bơ phờ, cổ đeo chiếc vòng chó săn đầm máu, hai tay giữ chặt một con khỉ lông vàng mượt đang lồng lộn, chí chóc chạy tháo thân. Tôi vội hỏi:

- Anh có việc gì không? Bị thương ở chỗ nào?

Kỳ Phát lắc đầu, tươi cười đưa con khỉ cho bọn người nhà trối lại, tháo chiếc vòng ở cổ ra, nói rằng:

- Không việc gì, anh ạ. Nhưng nếu không có chiếc vòng này thì tôi khó sống được đến bây giờ.

Rồi hắn chỉ con khỉ, bảo mọi người rằng:

- Đây, tên hung thủ đã giết ông châu Nùng Cao đây, chính nó đã gây nên án mạng.

Thấy mọi người đều ngơ ngác, Kỳ Phát cả cười bảo rằng:

- Phải, chính vì con khỉ này mà ông châu chết. Tôi thoát vào cái buồng này cũng biết ngay không phải ông châu bị ám sát. Một cái buồng cửa đóng kín mít như thế này thì hung thủ không tài nào vào được. Nhưng tại sao các cửa đều đóng như bưng? Tôi đoán rằng ông châu vốn có người thù, vẫn hồi hộp sợ hãi nên phải đề phòng cẩn mật.

- Tại sao ông chết?

- Tôi đã nghĩ rằng ông ấy vì sợ hãi, hoặc hối hận quá mà tự tử.

Tôi gật đầu nói:

- Ủ, mà có lẽ tự tử thực.

Kỳ Phát lắc đầu nói:

- Không phải anh ạ. Nếu ông ấy tự tử tất phải tự cầm dao đâm vào ngực...

Tôi cãi:

- Thế thì đúng lắm, ông ấy cầm dao tay phải đâm vào ngực phía bên trái.

Kỳ Phát vỗ vai tôi:

- Anh quên hai khóa bên trái rồi ư? Nếu ông châu cầm dao trái tất đâm vào phía...

Tôi cố cãi:

- Tất cũng về phía bên trái vì cần phải đâm trúng tim.

- Không anh ạ, nếu tay trái cầm đâm trúng về phía ngực bên trái thì không được mạnh vì không thuận tay, mà anh quên rằng lưỡi dao ngấp đến chuôi ư?

- Không có người giết, không phải tự tử, thì tại sao mà chết, lạ thực!

- Cũng chưa thực là lạ, anh ạ! Rồi anh sẽ được xem nhiều cái lạ hơn nữa.

Rồi hăn chỉ cho chúng tôi xem dòng máu đỏ trên tường, gần ngay lỗ hồng áp trần nhà và giục Ty Khuông bảo người đốt đèn đi dò theo vết máu. Chúng tôi lẳng lặng đi theo Kỳ Phát.

Hăn cầm đèn rê xuống mặt đất rồi cứ lần theo vết máu mà tiến cách độ ba trăm thước thì dòng máu lẫn vào trong bụi rậm, rẽ gai góc lần vào thì một cảnh tượng ghê gớm làm cho chúng tôi sửng sốt. Trên mặt cỏ một cái thây người nằm cong queo, bị một con rắn to tướng quấn chặt. Kỳ Phát giăng dao ở tay tôi đâm thẳng vào cổ con rắn nhưng nó không động đậy, nhìn kỹ thì rắn bị vô số vết thương đã chết tự bao giờ. Ty Khuông lật mặt người chết lên xem thì Nùng Chí và hăn cùng kêu lên.

- Lâm Nục, tại sao Lâm Nục ở đây?

Kỳ Phát nói:

- Phải, Lâm Nục, chính cái tên này trốn cách đây sáu năm tự nhiên bỏ nhà này đi trốn biệt. Hăn phải trốn là vì hăn bị cụt một cánh tay.

Tôi nhìn thây người chết thấy tay trái bị cụt vào đến khuỷu. Kỳ Phát nhìn quanh, lại rút chiếc chiêng đồng mắc ở cành cây giơ cho chúng tôi xem mà rằng:

- Lại chiếc chiêng đồng nữa! Cái lọ cổ, khúc xương tay với chiếc chiêng đồng, chính ba vật này đã gây nên án mạng. Nhưng ác giả, ác báo, lẽ trời thực chí công!

ÁC GIẢ ÁC BÁO

Ông châu Nùng Cao quý đôi lọ cổ có lẽ hơn con ông là Nùng Chí. Một buổi tối mùa đông, ông ngồi uống rượu khề khà ngắm đôi lọ để trước mâm ra dáng đắc ý lắm. Một tên người nhà bưng món ăn lên, khói bay nghi ngút. Nùng Cao vừa kịp nói:

- Lâm Nục, mi để đấy rồi hâm lại món gân hươu này đi!

Thì ôi thôi, cái ống tay áo chàm của Nục đã vô ý lôi một chiếc lọ lăn xuống đất, vỡ tan ra từng mảnh. Mặt ông châu đương đỏ vì say đã xám lại vì giận. Ông quắc mắt chẳng nói chẳng rằng, rút ngay con dao quai đeo ở đằng cạnh sườn thẳng cánh chém ngay vào cánh tay Lâm Nục. Lưỡi dao sáng loáng vừa hạ, khúc tay từ bàn đến khuỷu đã rơi xuống bên mâm rượu, máu chảy chan hòa... Lâm Nục kinh sợ, hoảng chạy. Nùng Cao như điên như cuồng, tay cầm chiếc lọ, tay nắm khúc xương tay đâm máu, khanh khách cả cười:

- Lâm Nục, mi làm ta mất một cánh tay thì ta cũng bắt mi phải để một cánh tay ở lại!

Tấn kịch ghê gớm ấy xảy ra trong giây phút trừ hai người trong cuộc thì không ai biết chuyện.

Từ hôm ấy, đôi lọ cổ chỉ còn một chiếc, từ hôm ấy mới có câu chuyện bịa đặt chặt tay đôi lọ mà ông châu vẫn kể, mà cũng từ hôm ấy, tên đầy tớ Lâm Nục bỏ nhà trốn biệt để lại cho ông châu Nùng Cao mỗi lo sợ việc thâm thù.

Bốn năm qua, Nùng Cao tưởng chừng như chuyện cũ đã phai nhòa, mà kẻ thù có lẽ đã chết hay mất tích ở một phương nào, thì bỗng một tối một người khách lạ đến chơi. Khách nói tiếng Vân Nam, khoác chiếc áo lông

cừu, khách chẳng là ai xa lạ, chính là Lâm Nục. Hắn cởi chiếc áo ngoài, giơ cho ông châu xem cánh tay cụt và chiếc chiêng đồng đeo ở cạnh sườn mà bảo rằng:

- Trước kia ông đang tâm chặt cánh tay tôi. Vì thế phiêu lưu cho đến ngày nay, tôi lo ăn từng bữa tận Quảng Châu, Vân Nam vừa bán thuốc nam vừa làm các trò đặt để kiếm tiền. Chiếc chiêng đồng treo trên cánh tay cụt, tôi qua các thị trấn gõ chiêng cho con khi, con cừu hay con chó làm trò; lần hồi như thế, còn sống về được đến đây, cũng không phải là dễ. Bây giờ tôi không muốn khó nhọc nữa, tôi cần tiền, ông phải đưa ngay cho tôi năm trăm bạc.

Lẽ tất nhiên là ông châu phải đưa, nhưng làm gì cho đủ ngay được số tiền kia. Thế là Lâm Nục giận dữ, nguyên rửa, lúc đi ra còn chỉ mặt Nùng Cao mà thề rằng:

- Lâm Nục này còn sống thì Nùng Cao sao cũng có ngày được biết tay.

Từ hôm ấy, ông châu đâm ra lo sợ, mỗi khi trông thấy chiếc chiêng đồng lại nhớ đến lời thề ghê gớm, vì thế ông đem bán hết chiêng ở nhà đi.

Hai năm sau, chính cái đêm ghê gớm, ông châu Nùng Cao đương ăn cơm thì bỗng đâu nghe văng vẳng có tiếng chiêng đồng đưa từ trong rừng rậm. Ông lo ngại vô cùng, vờ khó ở về phòng ngủ, ông chèn đóng cửa ngõ kỹ lưỡng, mở ngăn kéo lấy tráp nhật ký ra xem lại rồi không biết nghĩ sao, ông đốt hết cả.

Sau một quá ông đi ngủ, vất chùm chìa khóa cửa lên đỉnh màn, rút con dao để cạnh ở đầu giường. Chính cũng cái đêm ấy, Lâm Nục tức giận ra đi, dạy được thêm một con khi và một con trăn, cốt để dùng làm lợi khí báo thù.

Hắn đã biết phòng ngủ ông châu nên luyện cho con khi biết dùng chìa khóa để mở cửa phòng. Gần trống canh ba, hắn cho con trăn lao mình vào cái lỗ hồng áp trần nhà, rồi cho con khi leo lên. Một đầu bám vào bờ tường, một đầu quấn vào dây màn ở trong phòng, trăn làm thành một cái cầu để cho khi leo qua. Chính trong khi đi trên cái dây lạ lùng ấy, khi ta chơi với giơ tay lấy thăng bằng, nên thỉnh thoảng lại chạm lên trần, in nên

những vết tay nhỏ xíu. Khi xuống đỉnh màn nhật chùm chìa khóa loay hoay thế nào đánh rơi ngay xuống đất. Khi nhẩy xuống nhật, vừa gặp ông châu nghe tiếng động rút dao choàng dậy, khi hoảng sợ nhẩy chồm lên vai ông châu làm cho ông ngã sấp. Lưỡi dao vô tình cắm ngập vào ngực, đưa ông châu về nơi chín suối.

Nghe thấy kêu, Nùng Chí ở ngoài vườn chạy về phòng mình cầm đèn sang vừa gặp Lâm Nục lao trần sang quất đồ chiếc đèn, quần ngay vào cổ Nùng Chí. Nhờ có Ty Khuông đến cứu, Nùng Chí thoát chết là vì thế.

Tôi ngắt lời Kỳ Phát hỏi:

- Tại sao anh biết con khi lấy chìa khóa ở đỉnh màn?

Kỳ Phát mỉm cười trả lời:

- Anh thực vô tâm, anh đã quên rằng trên màn chỉ có một chỗ có bốn vết tay, còn toàn ba vết là gì?

- Anh cũng vô tâm chưa kể cho nghe tấn kịch đêm qua chính anh là chủ động.

- Anh để tôi kể tuần tự thì mới có thể hiểu được chứ. Sau khi tôi biết được thủ phạm là ai, tôi chỉ việc bày một kế để cho hãn tự chui vào cạm là xong. Tôi chắc Lâm Nục lòng oán chưa hả, sao cũng còn chờ cơ hội để hại Nùng Chí nữa. Tôi bày ra cơ hội ấy, xui Nùng Chí lập đàn giải oan, cốt để cho Lâm Nục biết rằng Nùng Chí sẽ ngủ ở trong phòng Nùng Cao khi trước. Đến khuya tôi sang bảo Nùng Chí để tôi ngủ ở đấy. Quả nhiên đến đêm, sau khi nghe tiếng chiêng báo hiệu, con trần và con khi của Lâm Nục lại theo đường cũ mà vào. May tôi để phòng trước, con trần quần cổ tôi thì bị những đinh ở vòng cổ đâm bị thương nên nó phải bỏ ngay. Khi tôi nắm được con khi thì anh vào.

Tôi nói:

- Có lẽ con trần bị đau quá, bản tính hung dữ nổi lên, nên trả thù người dạy mà quần chết Lâm Nục.

- Chính thế, thực là ác giả ác báo, Nùng Cao không nhẫn tâm chặt tay Lâm Nục thì đâu đến nỗi chết, mà Lâm Nục nếu không có gì đang tâm hại người vô can là Nùng Chí thì làm gì có chuyện này!

Thấy tôi ra dáng suy nghĩ, Phát vỗ vai tôi hỏi:

- Nghĩ gì mà thần người ra thế?

- Tôi nghĩ anh cũng buồn cười, chỉ đi tra xét không công cho người ta mãi thế này sao?

Kỳ Phát buồn rầu nói:

- Có, tôi có một lần đi tra xét mà có lợi cho tôi, đó là một đoạn tình sử trình thám trong đời tôi.

Tôi cười:

- Anh mà cũng có tình, lạ nhỉ!

Phát nghiêm sắc mặt bảo tôi:

- Anh đừng tưởng chỉ anh là biết tình, để khi nào có dịp, tôi sẽ kể cho anh nghe.

- Anh kể ngay có tiện không?

Nhưng Phát không trả lời, hắn đã dựa vào vách ngủ tự lúc nào!

BỨC DANH THIẾP ĐÁNG NGỜ

Kỳ Phát cười mà bảo tôi:

- Anh đánh cờ mà không chịu nghĩ, như thế cả đời thua, mà thứ nhất là không bao giờ cao được.

Tôi cũng cười, bày ván cờ khác rồi trả lời:

- Tôi chịu không làm sao được, vì tôi đâu có muốn nghĩ cũng không nghĩ ra.

Phát cau mặt:

- Sao lại không ra, chỉ có một điều là anh không chịu nghĩ.

- Khổ, oan cho tôi quá, nhưng tôi nghĩ mà không ra, thì anh bảo tôi làm sao được! Anh đánh một nước tính luôn mấy nước sau, tôi thì chịu.

Phát vẫn không chịu:

- Nghĩa là anh lười nghĩ.

Tôi cười:

- Anh cứ kêu tôi lười hoài, nhưng tôi hãy hỏi anh: ví dụ như vụ án mạng ở trong Thanh mà người ta đã nói đạo trước*, việc tìm ra cái kho tàng nhà họ Đặng*, cái bí mật trong chiếc tất nhuộm bunn*, dễ thường anh cũng bảo rằng ai cũng có thể khám phá ra được cả sao?

Phát châm thuốc lá hút rồi gật đầu:

- Phải, ai cũng có thể khám phá được, nếu ai cũng chịu nghĩ.

Tôi lắc đầu:

- Không anh ạ, chịu nghĩ chỉ là một điều, mà có khối óc trình thám đặc biệt như anh mới là điều quan trọng hơn cả.

- Cái điều ấy thì tôi chắc ít người có lắm.

Phát thở một hơi thuốc lá dài, rồi có vẻ chán nản, bảo tôi rằng:

- Tôi thấy phần nhiều người nước ta đều giống như anh hết, bất cứ việc gì, chưa làm đã kêu khổ, hình như tự biết là một kẻ không làm được cái thà gì hết thấy. Như vậy thì bao giờ mà thành công được việc gì hơi quan trọng một chút?

Tôi cười:

- Không hiểu hôm nay anh ăn phải món gì mà sinh ngôn luận thế, có mỗi một ván cờ, mà anh bàn ngay ra chuyện đời được. Anh lại khéo léo mạt sát cả nước ta là nước văn hiến...

Phát tức mình, giơ tay xóa cả bàn cờ tôi vừa bày xong rồi vất điếu thuốc lá chàng đương hút dở mà bảo tôi rằng:

- Thôi, nói với một người bướng như anh là vô ích, mà đánh cờ với một người không chịu nghĩ như anh lại càng vô ích hơn nữa.

Cố ý trêu cho Phát tức, tôi khoanh tay nhìn chàng mà hỏi:

- Vậy bây giờ, không đánh cờ mà trời mưa buồn không đi chơi đâu được thì anh định làm gì?

Phát cúi:

- Thì tôi ở nhà để nghĩ, nghĩ xem những người bướng và lười như anh thì sống để làm gì?

Tôi cười:

- Tôi đã nghĩ ra rồi, anh ạ! Tôi sống để mà trêu anh.

Có lẽ Phát biết tôi có ý chọc tức chàng nên Phát đánh diêm, châm điếu thuốc khác, rồi ra tựa cửa sổ nhìn những giọt nước mưa tí tách, nhất định không nói nữa.

Tôi nhìn theo Phát mà mỉm cười.

Kỳ Phát, cái anh chàng có tài trình thám bao giờ cũng vui vẻ ưa hoạt động của tôi chỉ có mỗi lúc này là cáu kỉnh, ấy là lúc lâu mãi không có cái gì lạ lùng bí mật để chàng tra xét nghĩ ngợi.

Người ta khi rồi thì thấy nôn nao, khó chịu, Kỳ Phát của tôi lúc này cũng đói, nhưng đói trong khối óc ham luận lý xét đoán của chàng. Kỳ Phát chỉ

có mỗi một tính xấu ấy. Muốn chữa cho chúng, tôi đã có một cách là khi nào chàng cáu kỉnh thì tôi lại càn trêu chàng kỳ cho đến khi nào chàng hết cáu mới thôi.

Bỗng có tiếng gõ cửa. Thằng xe nhà ông Tham Lượng bước vào. Nó cúi chào tôi rồi lại bên Kỳ Phát, đưa một chiếc phong bì danh thiếp. Phát mở xem, rồi quay bảo thằng xe:

- Cho anh về, thưa với ông rằng ta sẽ lại ngay!

Thằng xe đi rồi, Kỳ Phát đọc thư lại một lần nữa, rồi đi lại bên, vỗ vai tôi mà bảo rằng:

- Bây giờ thì tôi đổ anh trêu làm sao cho tôi tức được.

Tôi giật mình hỏi:

- Thế nào, anh lại có việc gì để tra xét rồi hản?

Phát gật đầu:

- Nho nhỏ thôi, nhưng tôi ngờ rằng có nhiều cái lạ. Đây, anh đọc đi!

Tôi cầm lấy tấm danh thiếp của Phát trao cho. Đó là cái thư của Tham Lượng, một người bạn của Kỳ Phát và cả của tôi nữa.

Trong danh thiếp có viết mấy dòng:

“Anh Kỳ Phát,

Nếu anh rỗi rãi, thì lại chơi tôi ngay. Tôi có một việc trộm thường, nhưng rất bí mật, nếu được anh tra xét giúp cho thì hay lắm.

Thế nào anh cũng lại, và trời mưa thì anh xơi cơm luôn thế ở đây tôi cho vui.

Anh lại ngay.

Tham Lượng”

Tôi xem xong, gật đầu:

- Thực là buồn ngủ lại gặp chiều manh, sướng anh nhé! Nào, chúng ta mặc áo lại anh Tham Lượng.

Phát vẫn đứng yên hỏi:

- Anh cũng đến à?

Tôi ngạc nhiên:

- Sao lại không đến? Tham Lượng cũng là bạn của tôi, vả lại từ trước đến nay chưa hề bao giờ anh đi khám phá một vụ nào mà lại không rủ tôi cùng đi, như vậy, lần này cũng phải giống như mọi lần trước.

Kỳ Phát lắc đầu:

- Không, lần này thì anh ở nhà.

- Tại sao?

- Tại anh là một người chỉ biết nói bướng và lười nghĩ, để anh đi theo cũng vô ích thôi, vì đúng như lời anh nói, trời sinh anh ra ở đời chỉ có một việc là trêu tôi thôi, vậy anh hãy ở nhà đợi đến lúc nào tôi cáu.

Tôi làm lành:

- Thôi Kỳ Phát ạ, bây giờ tôi phục lời anh nói là phải lắm rồi, người ta ai cũng có thể suy nghĩ được, vậy có dịp tốt để tôi nghĩ, bốn phận của anh là để tôi đi theo.

Phát cười:

- Anh hỏi bây giờ thì đã khá muộn, nhưng tôi cũng không cố chấp làm gì.

Tôi vội đi mặc áo:

- Anh rộng lượng quá!

Phát giơ tay, cản tôi lại:

- Anh hãy khoan đừng có tán dương tôi vội. Ừ, thì anh đi, nhưng trước hết, anh phải làm sao cho tôi tin được rằng tới đó, anh sẽ chịu nghĩ.

Tôi gật đầu:

- Được rồi, anh hãy để tôi lại đây rồi tôi nghĩ cho anh xem!

Phát lắc đầu:

- Không, anh phải nghĩ ngay từ bây giờ!

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Anh bảo tôi nghĩ từ bây giờ, nhưng đã có cái gì để xem xét mà nghĩ ngợi luận đoán được.

Phát giờ chiếc danh thiếp:

- Có cái này!

Rồi Phát nói luôn:

- Đây anh xem lại, anh xem và nghĩ rồi nói cho tôi biết anh đã nhận xét được điều gì?

Tôi ngạc nhiên cầm tấm danh thiếp, xem kỹ lại một lượt, rồi một lượt thứ ba nữa nhưng ngoài mấy câu trên kia, thì không có gì đáng để ý cả. Tôi trao trả Kỳ Phát, lắc đầu:

- Tôi chịu rồi, không nhận thấy gì cả.

Kỳ Phát mỉm cười bảo:

- Thôi, anh lại lười nghĩ rồi. Vậy anh ở nhà nhé, tôi đi đây!

Tôi cũng phát tức, giật lấy chiếc danh thiếp mà bảo rằng:

- Anh không phải nói, anh đưa tôi xem lại lượt nữa.

Nhưng cũng chẳng hơn gì lần trước, lần này tôi vẫn không thể nào mà nhận ra được cái chỗ khác thường đáng để ý ấy.

Kỳ Phát thì đứng yên mà nhìn tôi. Lâu lâu, chàng mỉm cười mà nói rằng:

- Thế nào, anh đã nghĩ ra rồi chứ?

Tôi miễn cưỡng gật đầu:

- Có, tôi nhận thấy có một chỗ chữa, chữa viết thêm vào chữ *ngay*.

Phát gật đầu:

- Phải, anh đã tấn tới đấy, nhưng chỗ chữa ấy thì nghĩa là thế nào?

Tôi cố nghĩ rồi đành nói:

- Chữa viết thêm như thế nghĩa là tính anh Tham Lượng không được cẩn thận, nhiều khi lại thay đổi ý kiến luôn.

Kỳ Phát bĩu môi:

- Thôi, anh bắt tất phải nói nữa, nghĩa là có lẽ anh không thể nào nghĩ được, hay là anh không có óc cũng vậy!

Tôi không cãi lại, chỉ tự an ủi và nhủ thầm: "Ta không có óc, nghĩa là ta không có óc trình thám mà thôi. Như vậy thì cũng không đến nỗi nhục lắm."

Nhưng Kỳ Phát đã giục tôi:

- Thôi, anh mặc áo, chúng ta đi, kéo anh Tham Lượng chờ!

Tôi tuy mừng thầm, nhưng vẫn còn làm bộ:

- Nhưng trước hết, anh hãy nói cho tôi biết cái danh thiếp này anh nhận thấy những gì đáng để ý?

Phát lắc đầu giục:

- Thì anh hãy đi đã nào, anh nóng muốn biết sao không cố mà tìm ra?

Tôi cau mặt:

- Thì anh nói ngay cho tôi biết đã nào, hãy nói cho tôi biết để khi nào lại đăng ấy; tôi mới còn có thể nghĩ thêm được ra cái gì khác nữa chứ!

Phát lắc đầu:

- Anh thực không biết điều chút nào cả, nhưng thôi tôi cũng chiều anh, nói cho anh biết một chút vậy: Thế xem bức danh thiếp này, anh không nhận thấy rằng trong lúc anh Tham Lượng ngồi viết thì có chị ấy đứng bên à?

Tôi ngạc nhiên, hỏi:

- Quái lạ, sao anh lại biết thế nhỉ? Tôi không hiểu đấy!

Phát cười nhạt:

- Tại rằng anh không có óc, hiểu chưa, mà nói luôn cho anh biết rằng chỗ nhận xét ấy chưa là điều quan trọng nhất. Nhưng thôi, nói ra anh lại hỏi vặn tôi, anh cứ đi đi, rồi sẽ hay!

MỘT VỤ TRỘM LẠ

Chúng tôi lại nhà anh Tham Lượng. Hai vợ chồng anh thấy chúng tôi thì mừng lắm. Chị ấy cười mà bảo:

- Anh Kỳ Phát, lần này thì việc nhà, hẳn là anh phải tìm ra cho được!

Tôi cũng cười:

- Kỳ Phát lúc nãy cũng đã bảo tôi rằng: anh ấy đương trong lúc không có công việc gì, vậy mà anh lại cho công việc, đáng lẽ anh phải mang lễ lại tạ ơn anh chị cơ đấy!

Chị Tham Lượng cười, mời chúng tôi ngồi rồi nói rằng:

- Các anh hãy ngồi xuống đây. Nhà tôi vừa bị một vụ trộm, tuy không lấy gì làm to lắm...

Tôi hỏi:

- Chị bị mất trộm cái gì?

Chị Tham Lượng nói:

- Tôi bị mất chuỗi hột vàng...

Kỳ Phát giật mình:

- Chuỗi nào, hay là chuỗi hột vàng mà có ba viên ngọc bích ở giữa ấy, chuỗi hột chị vẫn thường đeo?

Chị Tham Lượng gật đầu:

- Vậy chính chuỗi hột ấy, vì tôi còn có chuỗi nào khác đâu!

Tôi cũng giật mình:

- Chết chữa, mất chuỗi hột quý ấy mà chị lại bảo là vụ trộm nhỏ.

Anh Tham Lượng gật đầu:

- Nghĩa là đã mất rồi thì nói to, hay nhỏ nào có khác gì. Thực ra thì cũng không đáng bao nhiêu, vả lại của đi thay người...

Chị Tham cau mặt:

- Nào tôi có làm ác cái gì mà cậu bảo của đi thay người, vả lại tuy chuỗi hột vàng không đáng mấy nhưng có ba viên ngọc bích quý lắm.

Phát gật đầu:

- Có, tôi có biết ba viên ngọc ấy. Mà hiện thời, toàn cõi Việt Nam không chắc có lấy được một viên nào nước ngọc đẹp được giống như thế nữa.

Chị Tham Lượng gật đầu:

- Tôi không nói ngoa đâu, thực như thế đó, và ba viên ngọc ấy là do của ông cụ Tổ nhà tôi để lại, nguyên cụ ngày xưa làm quan ngự y trong nội, chữa khỏi được bệnh cho vua gì gì đấy, nên vua mới ban cho ba viên ngọc ấy.

Tôi hỏi:

- Chị đã trình Sở Mật thám chưa?

- Chưa, vì nhà tôi bảo: đừng trình vội, hãy nhờ anh Phát tra xét xem thế nào đã!

Kỳ Phát mỉm cười:

- Vậy có lẽ anh Tham tôi tin cái tài tôi hơn Sở Liêm phóng đấy nhỉ?

Anh Tham Lượng gật đầu:

- Cái đó thì đã hẳn, chẳng thế tôi lại tìm anh trước!

Phát cũng gật đầu; nhưng mỉm cười một cách hoài nghi. Rồi Phát bảo Tham Lượng:

- Nào, bây giờ anh chị hãy kể cho tôi nghe chuyện mất chuỗi hột ấy thế nào?

Tham Lượng nói:

- Không có gì rắc rối cả, anh ạ, nghĩa là chuỗi hột ngọc ấy nhà tôi để trong két rồi sáng hôm sau, mở két ra, thấy mất.

Phát hỏi:

- Khóa vẫn y nguyên chứ?

Tham Lượng gật đầu:

- Vẫn y nguyên, đó mới là một điều lạ!

- Nếu chỉ có đúng như lời anh kể mà mất được thì cũng lạ thực đấy, nhưng tôi chắc rằng không phải chỉ có thế thôi đâu!

Tham Lượng quay lại bảo vợ, hình như muốn lấy vợ làm chứng cho lời nói của mình:

- Mợ nhỉ, câu chuyện chỉ có thế; có lạ, tôi mới phải mời anh lại chứ!

Kỳ Phát nghiêm sắc mặt lại bảo vợ Tham Lượng rằng:

- Vụ trộm đã xảy ra lâu rồi, khám xét vết tích bây giờ rất khó vì dù có vết tay chẳng nữa, thì anh chị cũng đã làm nhòe mất cả rồi. Vậy chỉ còn có một cách hy vọng để lấy lại chiếc chuỗi hạt ấy là chị hãy kể hết sức mình bạch những việc đã xảy ra, như vậy thì tôi mới có thể mong tìm ra thủ phạm.

Chị Tham vội nói:

- Khốn nạn, thì nào tôi có giấu gì đâu, đã định giấu thì còn mời anh lại đây làm gì?

Kỳ Phát gật đầu:

- Không, nghĩa là tôi nói trước vậy mà thôi, nào, chị hãy kể lại thực tường tận cho tôi nghe đi. Chị còn thấy chuỗi hạt ấy lần cuối cùng vào lúc nào?

Chị Tham Lượng nói:

- Anh để tôi nói rõ ràng anh nghe. Nguyên hôm kia, nghĩa là hôm thứ bảy, tôi và nhà tôi đi xem hát tại Nhà hát lớn. Tôi định đeo chuỗi hạt đi thì nhà tôi bảo nên để ở nhà, vì ở đấy đông nhỡ ra chen nhau, đứt mất thì sao. Thực là tại nhà tôi, chứ nếu đeo đi thì có lẽ lại không bị mất!

Tham Lượng cãi:

- Phải, bây giờ nói thế nào chẳng được, nghĩa là số đã mất của thì trăm đường tránh cũng không thoát được.

Chị Tham gật đầu:

- Cậu thì chỉ cho tại số, sao ngày thường thì cậu ghét số mệnh thế?

- Ấy bây giờ tôi mới nhận ra rằng mọi sự ở đời quả có số thực!

Kỳ Phát ngắt lời hỏi:

- Chị không đeo chuỗi hột đi đêm hôm ấy, vậy để ở nhà thì cất vào đâu?
- Tính tôi vốn cẩn thận nên bỏ chuỗi hột vào chiếc két kia.

Phát nhìn theo tay chỉ, thấy chiếc két sắt kiểu lớn, ba ổ khóa.

Phát gật đầu lẩm bẩm điều gì không rõ, giây lát mới hỏi tiếp:

- Chị có khóa két lại chứ?
- Vâng, chính tay tôi khóa lại cẩn thận.
- Mấy giờ chị đi xem?
- Lúc ấy vào quãng 8 giờ rưỡi.

Phát cười mà hỏi rằng:

- Chắc chị không quên mang chìa khóa đi.

Chị Tham Lượng cũng cười:

- Anh nói mới lần đầu, có mỗi cái két mà lại quên không mang chìa khóa đi thì lạ thực, bao giờ chìa tôi cũng giữ, nhưng vì hôm ấy mặc bộ áo vải “phin” mỏng quá, nên sợ rách túi tôi giao cho nhà tôi giữ.

Phát vẫn cười quay hỏi Tham Lượng:

- Còn anh, hẳn anh cũng nhớ mang theo, tôi chỉ lo anh đăng trí lại để quên ở nhà thôi!

Tham Lượng lắc đầu:

- Không, lúc ra khỏi nhà, nhà tôi mới đưa chìa khóa cho tôi, mà lúc về thì tôi lại trao trả nhà tôi ngay.

Phát có vẻ nghi ngờ, sau bỗng nói lẩm bẩm:

- Quái lạ, hôm ấy, tôi cũng có đi xem sao lúc tôi nhìn thấy chị thì lại không thấy anh đâu: tôi lại cứ yên trí rằng chỉ có một mình chị đi xem thôi, còn anh ấy không đi vì bận việc!

Chị Tham Lượng hỏi:

- Có phải anh nhìn thấy tôi lúc “giờ tạm nghỉ” không?

Kỳ Phát gật đầu:

- Vâng, đúng đó, chắc lúc ấy anh Tham ra ngoài hàng hiên hút thuốc.

Tham Lượng lắc đầu:

- Không, lúc đó tôi có tí việc phải về nhà... Tôi quên chưa lấy cái thư bỏ vào thùng, cái thư cần gửi về nhà đây thép cho đi chuyển sáng sớm mai!

Phát nhìn thẳng vào mặt Tham Lượng rồi đột ngột hỏi:

- Anh về tận nhà Bưu điện bỏ thư thì kịp về xem lúc mở màn sao được?

Tham Lượng lắc đầu:

- Không, tôi bỏ ngay chỗ hòm thư đầu phố!

Chị Tham Lượng nói:

- Ấy bỏ ngay đầu phố, thế mà cũng mất xem một đoạn vì quá được chốc lát thì nhà tôi mới về kịp.

Rồi chị Tham lại cười:

- Ấy vì vội vàng vậy, vội đến nỗi trượt chân ngã lấm cả quần, đây này anh xem.

Phát nhìn theo tay chỉ, rồi chàng đứng dậy hỏi:

- Bộ quần áo này như mới may đấy chứ, sao mới mà anh mặc không giữ gìn nên chóng hại quá.

Phát lại về chỗ ngồi, rồi hỏi tiếp:

- Anh đi bộ hay sao mà đến nỗi ngã?

Tham Lượng lắc đầu:

- Không, tôi đi xe nhưng vì lúc vội bước xuống, vướng quần phải bánh xe.

Phát gật đầu:

- Phải, chẳng thế người ta lại chẳng có câu ví: “Đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quàng phải gai”.

Tôi thấy Phát cứ đùa hoài khó chịu quá, bảo:

- Gớm, anh cứ bông đùa thế thì tra xét thế nào được.

Kỳ Phát nhìn tôi rồi cười mà rằng:

- Nào tới tra xét, vậy chị biết mất chuỗi hạt hồi lúc nào?

Chị Tham Lượng nói:

- Tôi biết mất ngay từ sáng sớm hôm sau. Lúc mở két ra thì chuỗi hột đã không cánh mà bay.

Kỳ Phát lại hỏi:

- Ngoài chuỗi hột ra chị có mất gì nữa không?

- Không, vả lại tiền thì tôi để trong ngăn kéo ở trong tủ, muốn mở lại phải dùng chìa khóa nữa.

Kỳ Phát hỏi:

- Vậy chị có nghi ngờ cho ai trong nhà này không?

- Không, vả lại trong nhà hôm ấy thì chỉ có thằng xe ở nhà mà thôi. Con sen mới xin về hôm trước.

Kỳ Phát hỏi:

- Có lẽ là thằng xe lấy?

Tham Lượng lắc đầu:

- Không, thằng xe này ở đã lâu, vả lại tôi biết nó là người thực thà cẩn thận.

Tôi nói một câu hoài nghi:

- Ở đời không biết đâu mà lường được. Nhiều khi mình tin cậy hết sức mà lại gian xảo không chừng!

Kỳ Phát gật đầu bảo:

- Phải, anh nói đúng, chúng mình không còn tin ai hết. Thì ta hãy thử hỏi thằng xe!

THẰNG XE KHẢ NGHỊ

Chị Tham Lượng gọi thằng xe ra. Phát nhìn nó như thôi miên vậy, rồi bỗng hỏi rằng:

- Thế nào, anh không lấy chuỗi hột ngọc chứ?

Thằng xe thưa:

- Thưa ông, con không dám ạ. Vả có muốn lấy cũng không được. Chuỗi hột ấy bà con bỏ vào trong két.

Kỳ Phát gật đầu:

- Có, ta biết, nhưng trong lúc ông bà đi xem thì anh không đi đâu chứ?

- Thưa ông, con ở nhà không đi đâu hết.

Kỳ Phát lại hỏi tiếp luôn:

- Thế có ai vào trong nhà lúc ông đi vắng không?

- Thưa ông, không ạ, vì con ở trong bếp.

- Lúc ông về thì anh ở đâu?

- Lúc ấy con ở ngoài cửa, ông con về, con chạy vào trong nhà thì vừa sôi nước, con pha chè mới cho ông con uống rồi ông con lại đi ngay.

Kỳ Phát hỏi:

- Ông về vội lắm phải không anh?

- Vâng, ông con về một cái lại đi ngay.

Tham Lượng cười:

- Chẳng vội lại ngã lấm quần.

Rồi Tham Lượng lại bảo Kỳ Phát:

- Ngay hôm thấy mất chuỗi hột tôi cũng gọi nó lại hỏi luôn nó cũng trả lời như vừa nói với anh lúc nãy. Vụ trộm này tôi không còn hiểu ra sao cả.

Thực là bí ẩn.

Tôi hỏi Phát:

- Thế nào? Anh đã thấy manh mối chưa?

Phát lắc đầu:

- Chưa nhưng chắc cũng phải tìm ra. À, nhưng chị Tham, tôi mà tìm ra chuỗi hột ngọc thì chị thưởng cho tôi gì nào?

Chị Tham cười mà rằng:

- Chưa chi đã đòi công, thì tùy đấy, muốn lấy công gì cũng được.

Phát gật đầu:

- Nghĩa là thế này thôi vậy, mất lòng trước hơn được lòng sau, hể mà tôi tìm ra thì trước hết chị phải cho tôi đi hát với anh Tham một đêm.

Tôi cười:

- Thế còn tôi anh quên à?

- Ủ, hát với cả anh nữa, rồi hôm sau thì chị làm một bữa tiệc đãi tôi, ăn uống tráng miệng xong đâu đấy, tôi sẽ đưa chuỗi hột giả lại. Chị có bằng lòng như thế không?

Chị Tham cười:

- Vâng, ông muốn gì cũng được. Miễn là ông tìm được lại cho tôi chuỗi hột.

Kỳ Phát đứng dậy bảo:

- Thôi, chúng tôi không muốn ăn cơm hôm nay đâu, chị đừng bảo nó làm nhé!

Chị Tham Lượng không nghe bảo:

- Không, ai lại thế, các anh ăn cơm với chúng tôi cả cho vui, tôi đã bảo nó làm cơm rồi.

Phát lắc đầu:

- Tôi không tin lời chị được.

- Thật đấy anh ạ, chẳng tin thì anh vào mà xem.

Kỳ Phát vào xem thực, chàng chạy thẳng vào bếp rồi cười mà rằng:

- Nào cơm đã thối đâu, chị chỉ khéo nói.

Phát nói tiếp:

- Trong nhà này thế mà nhiều chỗ giấu tốt đáo để.

Nói một câu không có liên lạc gì cả, thế rồi Phát lại bảo khế tôi:

- Thôi chúng ta về, ở lại đây vô ích, vả lại tôi còn muốn thử lại xem những lời tôi đoán có đúng hay không.

Phát nói như vậy nên mặc dầu cho vợ chồng anh Tham Lượng giữ thế nào, Phát cũng nhất định trở về.

Lúc ngồi xe về nhà, tôi hỏi Phát:

- Thế nào, anh nhận xét thấy những gì rồi?

Phát cười, bảo tôi rằng:

- Anh này lạ nhỉ, đáng lẽ phải chính tôi hỏi anh câu ấy mới phải chứ, vì anh đã quên rồi sao? Lúc ở nhà đi tôi đã bảo anh phải nghĩ.

Tôi gật đầu:

- Có, tôi đã nghĩ rồi.

- Vậy anh nhận thấy thế nào?

- Tôi chỉ biết có thằng xe ăn cắp.

Phát gật đầu:

- Anh khá đấy, nhưng tại sao anh lại đoán thằng xe ăn cắp.

Tôi thấy Phát khen, cũng hơi có chút tự đắc, ung dung cắt nghĩa:

- Thì trong nhà chỉ có ba người: anh Tham Lượng, chị Tham Lượng và thằng xe. Lẽ tất nhiên chị Tham Lượng không ăn cắp của chị ấy, anh Tham Lượng cũng không ăn cắp nốt, chỉ còn có thằng xe.

Phát nhìn tôi nói:

- Chỉ có thế mà anh đoán rằng thằng xe ăn cắp?

Tôi gật đầu. Kỳ Phát vỗ vai tôi bảo:

- Vậy ra anh thực là... một thằng ngốc!

Tôi vẫn chắc ở cái lý của tôi nên cãi:

- Có anh là thằng ngốc. Tôi hãy hỏi: vậy không phải thằng xe ăn cắp thì ai?

Phát điềm tĩnh bảo:

- Tôi bảo anh là thằng ngốc là vì theo luận lý giản tiện mơ hồ như thế, mà anh dám kết luận như thế thực là ngốc. Tôi có thể cũng theo cách luận lý của anh, nhưng thằng xe là một người cả hai vợ chồng anh Tham cùng tin cần, vả lại nó không có chìa khóa giả mà mở két (một chiếc két sắt chẳng phải rằng bất cứ chìa khóa giả nào cũng mở được). Vậy thằng xe không thể là thủ phạm.

Rồi Phát cười:

- Theo cách lý luận thì có lẽ thủ phạm là... anh hay tôi ấy.

Tôi khó chịu lắm, gắt:

- Sao lúc nào anh cũng đùa như vậy? Tôi hỏi thực, anh đã tra ra rồi chứ?

Phát gật đầu:

- Đã, thủ phạm là thằng xe!

Tôi lại càng tức:

- Vậy anh có hơn gì tôi?

- Có chứ, vì tôi không luận lý một cách mơ hồ như anh.

- Thế anh bảo nó lấy vào lúc nào?

- Lấy lúc tạm nghỉ ở Nhà hát lớn, lấy lúc Tham Lượng về lấy phong thư.

Tôi muốn hỏi thêm nữa nhưng Kỳ Phát đã giục:

- Anh đã đói chưa? Chúng ta đi hiệu ăn.

Về vấn đề ăn uống thì tôi với Kỳ Phát bao giờ cũng đồng ý nhau. Chúng tôi đã ăn xong, lúc uống nước, tôi lại hỏi:

- Thế nào, anh đã tìm ra thủ phạm, vậy còn đợi gì mà không lấy lại chuỗi hột ngọc?

Phát nhìn tôi:

- Nghe chừng anh nóng đi hát lắm có phải không?

Tôi lắc đầu:

- Không, nhưng tôi nóng muốn biết kết quả ra sao.

Phát không trả lời câu tôi nói, bỗng hỏi:

- Thường thì giờ tạm nghỉ ở nhà hát bao lâu nhỉ?

- Chừng mười, mười lăm phút. Nhưng gánh Tân Kịch Đoàn diễn hôm ấy thì lệ bao giờ cũng nghỉ mười lăm phút.

Phát lại hỏi:

- Anh có đồng hồ đấy chứ?

Tôi gật đầu, Phát gọi hầu sang thu tiền, rồi ra khỏi hiệu hỏi tôi:

- Đâu đồng hồ của anh đâu?

Tôi lấy đưa cho Kỳ Phát, chàng sung sướng bảo:

- May quá, lại có thể tính được từng giây.

Phát lại gọi xe, tôi hỏi:

- Đi đâu?

Phát không trả lời, bảo phu xe:

- Nhà hát đấy!

Rồi suốt trong lúc ngồi xe, Phát để ý nghĩ ngợi tính toán không nói một lời nào. Tôi cũng không dám hỏi, một lát sau xe đến Nhà hát lớn, Phát cùng tôi đi vào một hiệu cho thuê xe đạp ở ngay cạnh nhà hát. Tôi hỏi:

- Trời mưa, anh thuê xe đạp đi đâu?

Phát không trả lời, đưa gửi giấy căn cước thuê một chiếc xe đạp biển sơn thề số. Chàng lật giờ mấy tờ rồi nói:

- Nhiều người thuê nhỉ, nhà hàng đại phát tài.

Chủ nhà chép miệng:

- Chẳng ăn thua gì ông ạ, chỉ đủ đóng thuế và vào đồ chữa là vừa.

Phát dắt xe ra dặn tôi:

- Bây giờ anh nhớ nhé. Chúng ta cùng về nhà anh Tham Lượng, anh đi xe tay tôi đi xe đạp. Anh thuê xe đi trước đi, tôi cũng đạp xe theo luôn. Anh sẽ đợi tôi ở nhà anh Tham Lượng. Nhưng mà không vào, anh cứ ngồi đợi tôi ở đấy, hễ Tham Lượng có hỏi thì anh bảo: Tôi đi đâu có chút việc, rồi cũng đến đó ngay.

Phát lại dặn thêm:

- Anh nhớ đừng có nói hớ cho anh chị ấy biết một chuyện gì nhé!

Và dựa xe chạy thực mạng.

Tôi không hiểu ra sao cả nhưng cũng cứ làm theo lời Phát. Tôi lên xe tay, còn Phát thì cầm đầu mà đạp xe đạp.

MỘT THỦ PHẠM

Khi xe tôi vừa đến nhà Tham Lượng thì đã thấy Phát gác xe đạp đứng đón ở nhà bên cạnh. Phát thấy tôi, xem đồng hồ rồi chẳng nói chẳng rằng lập tức lại nhảy lên xe đạp. Tôi toan hỏi nhưng xe đạp của Phát đã vụt đi rồi.

Tôi vào nhà anh Tham Lượng, anh chị ấy đều ngạc nhiên, vì không hiểu tôi đến có việc gì. Chị Tham thì trách:

- Các anh khách sáo quá chừng, bảo ở lại ăn cơm lại từ chối đây đây.

Tôi tìm cơ nói:

- Không, quả chúng tôi về có việc cần, nếu không thì ăn cơm ở đây cũng như ở nhà, có gì mà ngại.

Tham Lượng hỏi:

- Kỳ Phát đâu?

- Anh ấy đi có chút việc nhưng anh ấy cũng lại đây bây giờ.

Chúng tôi mới nói được vài câu chuyện thì Kỳ Phát vào quần áo lấm bết lẫn bết trông như một thằng ăn cắp chạy trốn cảnh sát vậy.

Chị Tham Lượng ngạc nhiên hỏi:

- Thế nào, anh đi đâu mà bẩn thủ thế?

Phát nhìn quần áo rồi trả lời:

- Thực tôi khó nhọc vì chị đấy nhé, tôi đi bắt thủ phạm.

- Thủ phạm nào?

- Thủ phạm lấy chuỗi hột ngọc chứ còn ai nữa.

Chị Tham ngạc nhiên hết sức hỏi:

- Anh đã tìm ra rồi, vậy chuỗi hột đâu đưa đây tôi xem nào?

Phát lắc đầu:

- Đâu có dễ dàng thế được, chị quên lời hứa rồi hay sao, một chiều hát, một bữa tiệc.

Anh Tham Lượng cười:

- Người ta chưa trông thấy chuỗi hột đâu cả thì anh đã đòi trả công, anh hãy đưa chuỗi hột ra đã nào.

Phát nhìn Tham Lượng rồi lắc đầu:

- Không, tính tôi không thích cái lối hậu tạ ấy, vui chơi, chè chén đã rồi hãy hay.

Chị Tham nửa tin nửa ngờ hỏi Kỳ Phát:

- Anh đã tìm ra chuỗi hột rồi ư, anh nói thật đấy chứ?

Kỳ Phát nói lại.

Chị Tham Lượng gật đầu:

- Nếu thế thì được, bao giờ anh muốn đi hát?

Tôi cười:

- Nhưng chị phải cho phép anh Tham đi mới được cơ.

Tham Lượng cười:

- Cái đó đã là lẽ cố nhiên, tôi sẽ thay mặt nhà tôi mà tiếp các anh.

Chị Phát lườm chồng:

- Tôi biết cậu rồi, chỉ tiện gió bẻ măng xong rồi lại còn ân huệ hão.

Kỳ Phát bảo:

- Thôi chị cứ mời chúng tôi xuống xóm tối hôm nay.

Chị Tham Lượng hỏi:

- Vậy bao giờ anh đưa tôi chuỗi hột?

Kỳ Phát cười:

- Chị này đến hay quên, chị còn nợ tôi bữa tiệc nữa cơ mà, vậy sáng mai tôi trở về ăn nhà chị đã, rồi xong đâu đấy...

- Xong đâu đấy?

- Xong đâu đấy tôi đưa trả chị chuỗi hột chớ còn làm sao nữa.

Rồi Phát đứng dậy vỗ vai anh Tham Lượng mà bảo rằng:

- Không may lại hóa may đấy nhé, có mất chuỗi hột thì anh mới có buổi được đi hát tự do hoàn toàn hôm nay chứ!

Chị Tham lườm chồng:

- Nhưng tôi chỉ muốn cậu đi đến một giờ đêm là cùng thôi đấy nhé.

Tham Lượng cười giục tôi và Phát:

- Thôi các anh đi đi, không có nhà tôi lại thu nghị định bây giờ; đứng thêm một chút nữa thì không khéo cái hạn một giờ lại thu chỉ còn mười một giờ thôi.

Chúng tôi cùng cười rồi đi ra. Nhưng Phát bỗng quay lại bảo:

- Anh chị cho tôi mượn mấy chiếc đĩa hát anh mới mua hôm nọ nhé.

Tham Lượng gật đầu:

- Anh đợi đấy rồi tôi lục cho.

- Thôi anh bảo thằng xe nó đưa lại cho, tôi còn phải về đảng này đã.

Lúc về đến nhà tôi hỏi Phát:

- Thế nào, lúc nãy anh đi lấy chuỗi hột thực đấy à?

Kỳ Phát lắc đầu:

- Anh bảo tôi lấy đâu mà chóng được thế?

- Vậy anh chưa tìm thấy chuỗi hột?

- Lẽ tất nhiên là chưa.

- Sao anh đã bảo chiều nay đi hát?

- Phải, đi hát.

- Nhưng rồi lấy đâu ra chuỗi hột mà trả chị ấy?

- Đi hát rồi có chuỗi hột.

Bỗng Phát quay lại hỏi tôi:

- Anh có thấy tôi thích đi hát ả đào bao giờ không?

Tôi gật đầu:

- Phải, đó chính là điều tôi nghĩ ngợi mãi, ngày thường anh rất ghét đi hát mà sao lần này anh lại thích như vậy?

Bỗng một ý nghĩ vụt đến trong óc tôi, tôi lăm bắm:

- Hay là xuống ả đào để...

Phát vội gạt đi:

- Im, thủ phạm vào đây rồi.

Cửa mở, thẳng xe nhà anh Tham Lượng mang mấy chiếc đĩa hát vào, nó để lên bàn rồi toan đi ra, nhưng Phát gọi giật lại:

- Xe, anh hãy vào đây tôi bảo đã.

Thẳng xe đã luống cuống, nhưng Phát bảo:

- Anh không có việc gì mà sợ, nhưng tại sao anh lại dám lấy chuỗi hột như vậy?

Thẳng xe vẫn chối.

- Thưa ông, con có lấy đâu, lấy thế nào được, vì kết khóa.

Phát quắc mắt, nhẩy xổ ra, nắm lấy hai vai nó, nhìn vào tận mặt, rồi cười gằn nói dần từng tiếng:

- Con đại lăm, con ạ, bây giờ không phải là lúc nói dối quanh nữa.

Thẳng xe vẫn chối:

- Thưa ông oan con, tủ kết khóa, con lấy thế nào được.

Phát lắc đầu:

- Bất tất anh phải dối tôi, tủ kết mở nên anh mới lấy được!

Rồi Phát vẫn nhìn chăm chăm vào mặt thẳng xe, nói nhanh:

- Ta biết hết cả rồi, anh giấu nữa cũng vô ích; sau khi ông Tham về, anh tình cờ thấy tủ kết mở, anh lấy chuỗi hột ngọc vì anh không thấy có tiền nong nào để ngoài nữa. Anh lấy xong rồi, anh mang giấu vào trong bếp chỗ chiếc chạn bát, góc bên trái. Tôi biết hết cả rồi. Anh giấu nữa cũng vô ích, vậy anh muốn ngồi tù hay được tôi tha cho?

Thẳng xe luống cuống, sau đành van lạy:

- Thưa ông xin ông thương cho con được nhờ, quả thật con không có ý lấy trộm chuỗi hột ngọc nhưng vì lúc ấy tủ kết mở...

Kỳ Phát gạt đầu:

- Ta biết, thôi bây giờ anh muốn yên lành thì về lấy chuỗi hột mang lại đây rồi tôi sẽ có cách cho anh được thoát nạn nhà pha.

Thằng xe ngần ngại:

- Thưa ông, con về lấy bây giờ thì thế nào cũng bị bắt mất, vì chính lúc này con thấy bà nhìn con hình như có ý nghi ngờ lắm.

Kỳ Phát lắc đầu:

- Thế chẳng qua là anh có tật giật mình đó thôi, nhưng tôi đã có cách này, anh không phải ngại gì cả. Bây giờ tôi viết cho anh một cái giấy hỏi mượn cái máy hát của ông bà anh, vì máy của tôi đứt rồi. Rồi anh bỏ chuỗi hột vào trong máy mà mang lại tôi, như thế anh không sợ ai nghi ngờ gì cả.

Thằng xe vâng dạ đi rồi, tôi quay lại bảo Phát rằng:

- Thế thì anh hơn gì tôi, có phải ngay thoát kỳ thủy tôi cũng đoán ngay ra thủ phạm chính là thằng xe.

- Nhưng anh đoán một cách ngu ngốc.

Tôi bực mình:

- Phải, ngu ngốc, nhưng kết quả thì cũng tìm ra chuỗi hột ngọc như anh chứ gì, Mà tôi lại không cần phải bán một bộ quần áo vô ích như anh.

Kỳ Phát nhìn tôi:

- Anh phải biết rằng có làm khó nhọc thế thì mới ăn xuôi châu hát và bữa tiệc chớ, vả lại có thế thì mới gỡ tội được cho thằng xe nữa.

Tôi gạt đầu, Phát bỗng quắc mắt nhìn tôi rồi cười gằn mà bảo rằng:

- Vậy anh tin thực thế ư? Anh tầm thường thực, anh phải biết nếu cứ tra ra thủ phạm một cách ngốc như anh thì có cái hại vô chừng...

- Thằng xe bị bắt mà anh bảo là hại ư? Nó ăn cắp, tham lam, thì ngồi tù, công bình lắm rồi, còn gì nữa.

Phát nghiêm sắc mặt bảo tôi:

- Anh không biết đó thôi, nếu mà cứ làm như anh thì có tai hại lớn. Anh dễ được trông thấy hạnh phúc một gia đình tan nát vì anh, tôi hãy hỏi, thà mất chuỗi hột hơn hay là mất cả hạnh phúc trong nhà?

Tôi không hiểu Phát nói những gì đành bảo:

- Anh cắt nghĩa rõ ràng cho tôi hiểu.

Phát lắc đầu:

- Không, xong công việc đâu vào đấy tôi sẽ kể cho anh nghe, hiện giờ thì chưa thể được.

Cửa mở, thằng xe buýt chiếc máy hát vào. Nó trông trước trông sau rồi mở máy hát ra, cầm chuỗi hột ngọc đưa cho Phát.

Kỳ Phát gạt đầu, đưa chuỗi hột cho tôi rồi hỏi thằng xe rằng:

- Quê anh ở vùng nào nhỉ?

- Thừa con ở Thái Bình.

- Thế thì được rồi, anh còn bao nhiêu công tháng ở nhà ông Tham chưa lĩnh?

- Thừa ông con còn ba đồng.

Kỳ Phát móc ví, đưa cho thằng xe 3 đồng rồi bảo rằng:

- Đây, tôi cho anh ba đồng, vậy tôi hẹn cho anh ngày mai lúc nào tôi ăn uống xong xuôi, bảo anh đi mua nước đá thì lúc ấy anh nên về nhà quê ngay, không nên chậm một phút nào nữa, chậm trễ, anh mà bị bắt thì cái đó là tại anh, tôi không biết.

Thằng xe vâng dạ đi rồi, Kỳ Phát lắc đầu mà bảo rằng:

- Ấy con người ta lương thiện hay không chỉ là vì chưa trông thấy cái tú kết mở lúc có người hay vắng người đó thôi!

Tôi bảo:

- Thôi, bây giờ anh cắt nghĩa cho tôi nghe đi.

- Không, tôi đã bảo anh là lúc nào công việc xong xuôi đã cơ mà!

- Chuỗi hột đã lấy được rồi, thế là công việc xong chớ còn gì?

Phát lắc đầu:

- Không, chưa xong đâu, anh ạ, mà chuỗi hột anh có nhận thấy gì không?

- Tôi không thấy gì cả.

Kỳ Phát lắc đầu:

- Anh thì chẳng có thấy gì bao giờ hết, thôi anh đưa chuỗi hột cho tôi.

HAI THỦ PHẠM

Hôm đó chúng tôi lại nhà anh Tham Lượng, chúng tôi đi hát theo đúng chương trình đã định.

Nước rồi, trống rồi, anh Tham Lượng ngoảnh nhìn đồng hồ thấy một giờ mười lăm bèn đứng lên bảo chúng tôi:

- Các anh ngủ lại đây, tôi về nhé!

Kỳ Phát cười:

- Gớm anh Tham nhớ hạn của chị ấy thế.

Anh Tham gật đầu:

- Phải, về không có lại điếc tai hàng xóm.

Rồi sau khi chi châu hát, anh Tham còn dùng dằng nói chuyện với người yêu của anh ấy, vì chúng tôi lúc chưa đi hát cũng đoán biết thế nào anh ấy cũng đưa xuống nhà đào Phụng, nhân tình anh ấy. Thôi thì anh chị hẹn ngày xuống, hỏi nhau rằng yêu như thế nào, nghĩa là đủ thứ chuyện của những cặp tình nhân thực lòng yêu nhau hay không thực lòng yêu nhau cũng vậy.

Tham Lượng về rồi, Kỳ Phát chỉ toàn nói chuyện với đào Phụng.

Rồi họ tán nhau, đùa nhau, đến nỗi tôi phải thấy chướng mắt gọi Phát ra mà bảo rằng:

- Tôi không hiểu anh nghĩ thế nào đấy, hôm nay anh Tham Lượng mời anh đi hát, lúc anh ấy về anh lại xoay ra tán nhân tình của anh ấy.

Phát hết sức trơ, gật đầu:

- Tôi tán, rồi sao nữa?

Tôi đã cáu:

- Rồi có lẽ đêm nay anh bắt Phụng quạt màn cho anh ngủ?

Phát gật đầu, vẫn điềm tĩnh như thường:

- Cái đó là lẽ cố nhiên rồi, rồi sao nữa?

Tôi không thể nhịn được:

- Rồi anh là một thằng đểu chó sao.

Phát lắc đầu, nhìn tôi thương hại.

- Vậy anh tưởng rằng Phụng thực yêu Lượng lắm sao?

- Không, ả đào thì họ chung tình quái gì, nhưng ta là bạn của Lượng xuống hát, vậy anh cư xử như vậy thì tôi không bằng lòng chút nào cả.

Phát lắc đầu:

- Anh câu nệ quá sức, Phụng trong khi chưa được Lượng chuộc về, thì ngoài còn là vật sở hữu của quan viên, tôi cũng là quan viên, lẽ tất nhiên là tôi được hưởng mọi quyền lợi của quan viên.

Mặc cho Phát nói thế nào thì tôi vẫn bất phục cái thái độ ấy. Nhưng Phát vẫn cứ như thường, vẫn tán rết Phụng, rồi cũng như lời tôi đã nói, cùng Phụng vào màn nói chuyện.

Sáng hôm sau, Phát đã dậy gọi tôi mà bảo:

- Nào, chúng ta đi về thôi chứ, về để sắp mồm ra mà ăn uống.

Không hiểu sao lúc này tôi thấy Kỳ Phát tầm thường lạ.

Ngồi xe Phát bỗng móc túi rồi lăm bắm.

- Chuối hột mà bỏ quên ở nhà ả đào, ăn uống xong không có gì đưa trả chị Lượng thì khó sống.

Phát cầm chuối hột đưa lại sát mặt tôi hỏi:

- Thế nào, anh nhận thấy gì không?

Tôi vẫn không thấy gì lạ, lắc đầu. Kỳ Phát bỏ chuối hột vào túi rồi lại nói:

- Phải, anh thì còn nhận thấy gì nữa.

Về nhà chị Tham Lượng, Phát ung dung nói chuyện, nhưng không hề nhắc gì đến chuỗi hột cả. Có một lần chị Tham hỏi nhưng Phát gạt đi:

- Chị hãy cho chúng tôi ăn đã nào.

Bữa tiệc hôm đó sang thực là sang nhưng chúng tôi, nghĩa là vợ chồng anh Tham và tôi chỉ ăn có chừng, vì chúng tôi đều đợi. Chỉ có mình Phát là vừa ăn vừa sướng miệng lắm...

Rồi tiệc tan...

Ăn tráng miệng rồi mà Phát chưa chịu đưa chuỗi hột ra.

Rồi Phát bảo thẳng xe đi mua đá để pha cốc nước cam quả. Tôi biết Phát còn đợi thẳng xe đi thoát đã.

Mười phút sau, Phát mới ung dung nghiêm trọng mà bảo chị Tham Lượng rằng:

- Chị đã cho chúng tôi đi hát, chị đã cho chúng tôi dự bữa tiệc ngon lành, bây giờ, trước tôi hãy xin cảm ơn chị và cả anh Tham nữa, rồi tôi xin giữ đúng lời hứa hoàn lại chị chuỗi hột ngọc.

Vừa nói Kỳ Phát vừa đưa chuỗi ngọc quý ra. Chị Tham vội vàng cầm lấy, sung sướng bảo:

- Anh Kỳ Phát, vậy ra anh giỏi thực, anh đã tìm lấy lại được chuỗi hột thực. Nhưng thủ phạm là ai hở anh?

Kỳ Phát ngạo nghễ nhìn tôi:

- Thủ phạm thì chính anh bạn tôi đây tìm thấy đầu tiên, chính thẳng xe ăn cắp.

Chị Tham cau mặt:

- Thằng khốn nạn, vậy ra không thể tin ai thực, được rồi mà sẽ ngồi tù, thằng khốn nạn.

Phát lắc đầu:

- Chị bất tất phải tức giận, nó không còn về đây nữa đâu, nó trốn đi rồi.

- Sao anh không bắt nó lại?

- Không, vì chính tôi cho nó trốn thoát, chính tôi đã dung cho nó không bị tù, mà nó đã đưa trả chuỗi hột ngọc.

Anh Tham Lượng cười nhạt:

- Vậy ra anh phúc đức lắm nhỉ.

Phát nhìn thẳng vào mặt Lượng gật đầu:

- Phải, tôi phúc đức lắm, mà phúc đức với hết thấy mọi người.

Tham Lượng vẫn mỉm cười một cách nhạo báng mà nói rằng:

- Anh Kỳ Phát, anh thực là một người giỏi, anh đã tìm ra chuỗi hột ngọc, anh đã giúp chúng tôi một việc lớn.

Phát mân mê chuỗi hột rồi gật đầu nhắc lại câu hỏi của Lượng:

- Phải, tôi đã tìm được chuỗi hột, tôi đã giúp anh được một việc lớn, phải anh cũng thấy đấy chứ gì! Tôi đã tìm được chuỗi hột!

Tham Lượng nghe giọng nói của Phát, nhìn vào chuỗi hột rồi bỗng xám mặt, giọng nói run run:

- Vậy ra anh tìm được chuỗi hột?

Lúc về đến nhà Phát nhìn tôi cười:

- Phải, tôi đã tìm thấy chuỗi hột thực, anh đã hiểu chưa?

Tôi thì chưa hiểu được chút nào cả.

Phát đánh diêm châm thuốc lá hút rồi gật đầu:

- Anh không thể hiểu được thực, vì anh không chịu nghĩ như tôi. Tôi nhận thấy thế ngay khi có chiếc danh thiếp của anh Lượng.

Tôi chợt nhớ ra, hỏi:

- Nào, bây giờ thì anh hãy nói cho tôi biết anh nhận thấy ở cái danh thiếp ấy những gì?

Phát móc trong túi ra chiếc danh thiếp đưa cho tôi xem lại, rồi cắt nghĩa:

- Trước hết, anh hãy nhắc lại cho tôi biết, anh đã nhận thấy gì lạ?

- Tôi chỉ nhận thấy có một chỗ chữa, chữa thêm vào chữ “ngay”.

Phát gật đầu:

- Phải, đó là chỗ chữa, như thế không phải là tại sao anh Tham Lượng không cẩn thận. Đây anh thử đọc lại tấm thiếp:

“Anh Kỳ Phát,

Nếu anh rồi rồi, thì lại chơi tôi ngay. Tôi có một việc trộm thường, nhưng rất bí mật, nếu được anh tra xét giúp cho thì hay lắm.

Thế nào anh cũng lại, và trời mưa thì anh xơi cơm luôn thế ở đằng tôi cho vui.

Anh lại ngay.

Tham Lượng”

Kỳ Phát lại nói tiếp:

- Anh là một nhà văn, sao lại không thấy lời trong thiếp phản trái nhau ư? Này nhé: *“nếu anh rồi rồi”* sao lại *“thì lại chơi tôi ngay”*. Tôi đoán thấy lúc anh Tham Lượng viết thiếp mời thì chị ấy đứng ngay ở bên cạnh. Chính chị ấy bảo chồng viết thêm chữ *“ngay”* vào. Rồi lại: *“Việc trộm thường, rất bí mật”* đã *“thường”* lại còn *“rất bí mật”* đủ hiểu khi viết thiếp, chị ấy muốn mời tôi lại lắm, còn anh ấy thì... không muốn! Hai câu sau là lời chị ấy đọc, nên mới có ý khấn khoản như vậy.

Tôi ngẩn người, nghĩ ngợi.

- Ủ nhỉ, tại sao anh Tham Lượng lại không muốn anh đến tra xét?

Kỳ Phát nhìn thẳng vào tôi rồi cả cười:

- Có gì là khó hiểu: Vì anh ấy chính là thủ phạm! Anh để nguyên tôi kể lại *“vụ trộm thường mà rất bí mật”* ấy có đầu đuôi để anh nghe:

Anh Tham Lượng vốn là một người sợ vợ, nhưng anh ấy lại si tình. Anh ấy đi hát, mê đào Phụng quá thế, mà đào Phụng cũng ác, lại cứ một mực đòi anh ấy chuỗi hột, chuỗi hột có ba viên ngọc bích. Lượng khó nghĩ quá, vì những hột vàng có thể mua đánh cho Phụng được, nhưng ba viên ngọc quý thì lấy đâu ra. Bởi vậy cho nên muốn được lòng người yêu, lại không rắc rối với vợ, Lượng nghĩ cách thuê thợ kim hoàn làm một chuỗi hột giả, giống như in chuỗi thực, nghĩa là chỉ có ba viên ngọc bích là giả mà thôi. Rồi Lượng đợi cơ hội để đánh tráo lấy chuỗi hột của vợ.

Thì cơ hội ấy đã đến. Hôm đi xem hát Lượng khuyên vợ để chuổi hột ấy ở nhà rồi trong giờ nghỉ, về mở két, đổi lấy chuổi thực.

Tôi ngắt lời Kỳ Phát:

- Nhưng tại sao anh biết thế?

Kỳ Phát mỉm cười:

- Tôi biết là vì tôi thấy trong vụ trộm này có nhiều điều trái ngược nhau lắm. Ví dụ như việc về nhà bỏ thư. Tôi ngờ vực nên thử lại thì hôm qua tôi đã nhận thấy rõ ràng rằng: Nếu người ta đi xe mà về nhà, như anh đi hôm qua thì một lượt xe mất những 9 phút, hai lần đi về mất 18 phút, không kể còn rẽ vào bỏ thư, còn thuê xe, còn gọi cửa ở nhà. Nghĩa là ít nhất cũng phải mất 25 phút, hay hơn thế nữa. Vậy mà Lượng về nhà chỉ mất có 15, 16 phút thôi. Chẳng lẽ chạy, mà chạy cũng chẳng nhanh hơn xe kéo là mấy, do đó, tôi biết Lượng chỉ có một cách là thuê xe đạp, tôi sức nhớ ngay đến hiệu xe đạp ở cạnh nhà hát. Cũng như anh đã biết tôi thuê xe, lại giờ số tìm ngày hôm thứ bảy, quả nhiên có chữ anh Lượng viết thuê xe lúc 10 giờ rưỡi.

Nhưng anh ấy đi đâu? Đó là một điều cần phải biết. Tôi để ý thấy quần anh ấy có lấm đất sét, tôi biết ngay là anh ấy đi xuống xóm chị em lầy lội.

Tôi gật đầu.

- Thôi, bây giờ thì tôi hiểu lắm rồi. Anh Tham Lượng đạp vội xe về nhà, rồi mở két thay chuổi hột giả vào đấy, rồi vội đi nên không kịp khóa két lại nữa. Xong đâu đấy, anh xuống luôn xóm dưới, trao chuổi hột thực cho Phụng rồi về Nhà hát lớn. Thằng xe tình cờ thấy két mở, lấy luôn chuổi hột giả kia.

Kỳ Phát gật đầu:

- Đã đoán ra được nên tôi chỉ còn có việc thử lại xem có đúng không thì quả nhiên đi bằng xe đạp, tôi cũng mất vừa đúng hết 17 phút, cái thời gian mà Lượng đã vắng mặt tại Nhà hát lớn rồi trở lại sau khi mở màn diễn tiếp hồi sau. Vậy tôi chỉ còn có một việc rất dễ dàng là trả lại cho chị Tham Lượng chuổi hột thực, chuổi hột mà đêm qua tôi đã tráo lại của đào Phụng!

Tới đây, Kỳ Phát ngừng lại mà hỏi tôi:

- Bây giờ thì anh hết cho tôi là một thằng đều rồi chứ?

Tôi cười, gật đầu.

Phát vỗ vai tôi, nói tiếp:

- Còn anh thì vẫn - nguyên là một thằng ngốc như thường, vì nếu cứ luận lý như anh, thì sự thực lộ ra, liệu hạnh phúc gia đình nhà anh Tham Lượng có còn được toàn vẹn hay không?

Cái tính hiếu sát của hãn đã tỏ lộ rõ ràng hai bận: bận thứ nhất, khi hãn được tập bay-don-nét, đâm vào những thằng người rơm giả làm quân địch. Hãn tự nhiên thấy nóng mắt, hai hàm răng nghiến chặt vào nhau, và tưởng tượng ngay rằng những thằng người rơm đó là những kẻ bằng da, bằng thịt... Chính vì thế mà lưỡi bay-don-nét nhọn hoắt và sáng loáng kia, hãn đâm phập vào một cách rất là sung sướng, hãn có lẽ còn sung sướng hơn nữa, khi rút đầu nhọn ra, còn có những làn máu nóng phun theo.

Chúng ta cũng nên công nhận cho hãn rằng trước đây, hãn không bao giờ ngờ mình lại có ý muốn “thích giết người” đến như vậy...

Bận thứ hai là trong cuộc tập bắn. Mỗi phát súng của hãn trúng bia là hãn thấy trong lòng hồi hộp vô cùng, tưởng tượng ngay rằng hồng tâm ấy chính là trái tim một kẻ trúng đạn ngã xuống và giãy giụa trong vũng máu. Cũng may mà trường bắn lúc đó đông người, chứ không thì rất có thể hãn quay súng chệch đi, để nhắm bắn vào người bạn đồng ngũ đứng không xa bia mấy, cốt để hô to lên số điểm của người tập bắn trúng hay sai đích nhiều ít thế nào.

Một người lính thường, có một bộ thần kinh lạnh mạnh, tất không bao giờ có những ý tưởng khát máu như hãn. Nhưng có lẽ ông thầy thuốc khi khám sức khỏe của hãn đã không lưu ý đến cái “bệnh tinh thần” kia nên hãn mới có thể khoác được lên người bộ quân phục và trong khi tập bắn và tập bay-don-nét mới có những ý nghĩ ghê gớm kia.

Trong thời Đại chiến thứ nhất, mà các ông quyền thường gọi là thời la-ghe đít-nớp-săng-cà-cô, cái đồn tiền tuyến này đóng sát ngay biên giới, ở một chỗ đèo heo hút gió, nhưng được cái không khí trong quân ngũ cũng không lấy gì làm buồn tẻ lắm. Vì ở đây, đã thu thập được một số người có rất nhiều nghề kỳ lạ: anh Vệ Choắt, trước đã đi theo gánh xiếc, có tài thổi kèn “bú dích” bằng dọc đu đủ và vận hơi trong bụng, nói được thành tiếng

rõ ràng, nghe văng như tự đằng xa đưa lại trong khi hai môi anh không hề mấp máy một chút nào... Lại anh binh Thông, hãy còn ít tuổi mà đã bạc đầu - trước hình như đi hát tuồng trong một rạp nào ở ngõ Sầm Công hay Tạm Thương gì đó - trong lúc hứng chí vẫn ca những bài hát Nam hay hát Khách, với những bộ điệu ngẩn ngơ thì thực khó ai mà buồn với anh được! Lại cả anh Bếp Toóng-đơ nữa, trước có kiêm cả nghề thầy cúng thầy tướng, cung văn và kép nhà trò nên anh không bỏ lỡ một dịp nào mà không thi thố những sở trường... Anh em trong đồn sẵn được một con hoẵng, thế là anh lập tức tổ chức ngay một buổi tế... bà chúa rừng - có đủ cả bát âm, hát nhà tơ và múa bài bông nữa.

Nhờ có bọn người vui tính này nên không khí trong cái đồn tiền tuyến này không bao giờ buồn tẻ, mặc dầu bọn người xa lìa gia đình này, chẳng phải là không có nhiều lúc thương nhớ vợ con...

Đêm hôm đó, vào hạ tuần tháng mười, đã bắt đầu giá lạnh. Trong đồn, dưới ánh mấy cây nến ấm áp, bọn bếp Toóng-đơ đương quây quần lại mà hát cô đầu với nhau, cười nói giòn giã thì điệu kèn “tắt lửa” nổi lên...

Binh Thông buông hai thanh tre, dùng làm phách, xuống, rồi ra hiệu cho Vệ Choắt tắt nến đi:

- Bọn ta quấy nhộn lắm, xem chừng ngài Đội đã có ý trừ kèn tắt lửa rồi, mà còn để nến, khéo mà anh em ăn cơm muối nhạt!

Vệ Choắt đã thối nến, sức nhớ lại, hỏi:

- À, mà cậu cả Hợp mò mẫm đi đâu bây giờ chưa thấy về?

Cả Hợp là một anh lính mới xinh trai, rất được bọn các cô “mái” miền sơn cước quý mến... Hợp hiền lành, ngoan ngoãn nên được tất cả các bạn đồng ngũ coi như đứa em nhỏ và hết sức che chở mỗi khi mắc phải lỗi lầm. Bếp Toóng-đơ chép miệng mà bảo:

- Tôi thấy thằng Hợp đi vào trong làng Mường từ lúc chập tối, chắc nó lại có hò hẹn với cô nào... Nhưng thằng bé độ này cũng mãi vui chơi quá, thường về ngủ chậm. Thế nào cũng có một hôm ngài Đội vợ được, lại phải tù sớm!

Nhưng không, bếp Toóng-đơ đã quá lo xa... Lần này, dù vắng mặt lâu đến chừng nào, binh Hợp cũng không phải phạt.

Vì buổi sớm hôm sau, anh gác đã tìm thấy xác Hợp co quắp trên một mô đất nhỏ, cách đồn không xa mấy. Đầu Hợp bị chém gần lìa khỏi cổ, bằng một lưỡi bay-don-nét, lưỡi hầy còn sáng loáng một cách rùng rợn dưới ánh dương hầy còn nặng trĩu sương mờ!

Hợp bị ám sát một cách bí mật như vậy đã là một mối lo nghĩ cho các cấp chỉ huy. Cuộc điều tra lập tức được mở ngay nhưng kết quả cũng không có gì, thì lại xảy ngay ra một việc khác cũng tương tự như vậy.

Khác hẳn vụ án mạng trước, lần này người ta không còn nghi ngờ gì là chuyện thù hằn nữa. Vì kẻ bị giết, anh lính trẻ tuổi Lặc, lại là một người ngoan ngoãn hiền lành nhất trong cái đồn tiền tuyến này. Lặc mới mười tuổi, không hề giận ai bao giờ, mặc dầu anh em đồng ngũ có tinh nghịch mà đặt cho anh cái biệt hiệu là Di Lặc. Vì Lặc tuy còn ít tuổi nhưng phốp pháp béo tròn. Hai má anh lúm đồng tiền, cái bụng anh phề phề, ai có đùa nhiều, chế giễu quá thì anh chỉ đỏ mặt mà cười hề hề...

Vậy mà Lặc cũng bị giết và cũng trong một trường hợp rất ly kỳ. Đêm hôm ấy, Lặc nhận có người nhà gửi lên cho một ít tiền và quà bánh, đã đem khao anh em... Một bữa linh đình được tổ chức và chính nhân những dịp này các bạn ít có liên lạc gia đình cũng được chia vui, bớt phần buồn nản... Chính bữa ăn linh đình ấy đã giết Lặc. Vì anh ăn uống xong, đi ngủ lúc quá một giờ đêm mới lồm ngồm bò dậy. Người bạn nằm bên hỏi:

- Di Lặc, đêm khuya, còn định bò đi đâu đấy?

Lặc ôm bụng, nhăn nhó đáp:

- Nguy quá anh ạ, tôi đau bụng từng cơn cuồn cuộn, tưởng có thể chết đi được. Tôi đã uống gần nửa chai dầu Nhị thiên mà cũng không đỡ...

Và Lặc với tay lấy chiếc mũ vải vàng:

- Trời bên ngoài lạnh lắm, bây giờ phải ra giải quyết cái vấn đề “tiêu hóa” thì thực là buồn...

Lặc ra khỏi phòng, người bạn đồng ngũ lại còn cười, nói đùa tiền một câu:

- Liệu đi nhanh nhanh mà về nhé, ngồi lâu ngoài ấy, ông ba mươi vồ mất thì lại cúng được một bữa “thương thực” đấy!

Nào có ai ngờ câu nói này lại là một lời vĩnh biệt: Lặc không bị hổ vồ, nhưng lại bị ám sát thì cũng thế... Người bạn nói câu ấy sau đó lại ngủ đi nhưng tới sáng bừng mắt trở dậy vẫn không thấy Lặc đâu cả... Trước hăn còn tưởng cái bệnh đau bụng của Lặc chưa khỏi nhưng đợi mãi một lúc lâu, vẫn không thấy Lặc trở về, hăn mới hoảng hốt đi báo cho viên đội.

Thế là trong đồn, phút chốc đã náo động vì cái tin Lặc bị ám sát, lần này cũng bị đâm chết bằng một bay-don-nét. Một điều đáng chú ý hơn nữa là Lặc lại bị giết cách chỗ người gác đứng không xa là mấy. Theo lời người gác nói thì hăn đứng gác chỗ cách cây và cỗ thụ chừng 30 thước, đúng lệ thường cứ nửa giờ đồng hồ thì hăn đổi ron một lần, đi đến đầu suối bạc thì trở về... Đêm hôm đó, hăn cũng vẫn theo lệ thường, đi gác và đi ron và cũng không thấy có điều gì lạ cả, mãi cho tới sáng lúc thấy trong đồn náo động, hăn mới để ý thấy phía sau gốc cây vả, như có nhiều ruồi nhặng bâu quanh một vật gì...

Và đó chính là xác chết của Lặc!

Theo sự khám nghiệm của ông quan ba thầy thuốc thì Lặc bị giết không sớm trước lượt đi ron lần thứ ba của người gác là mấy. Cuộc điều tra tiến hành ráo riết và chỉ đi đến được một kết quả là: Lặc đã bị giết một cách thực là oan uổng. Có lẽ hung phạm nhằm giết người gác kia đã nấp vào sau gốc cây vả tự lâu lắm và vô tình, Lặc đã tới đó trước khi người gác đi ron nên hung phạm nhầm tưởng là hăn và hạ sát.

Điều này khám phá ra làm cho những sĩ quan được lệnh mở cuộc điều tra càng thêm bối rối vì khi hung phạm đã nhằm giết một người như vậy tức là phải có một nguyên cơ xác đáng nào...

Điều đáng chú ý nữa là giữa Hợp, kẻ bị giết lần trước với người lính gác, bị chết hụt lần này không hề có một chút gì dính líu với nhau cả. Hợp thì còn có thể ngờ rằng vì chuyện ghen tuông mà bị giết nhưng đối với người gác chết hụt này, thì thực không còn có một điều gì có thể nghi ngờ được. Hăn là một người lính gương mẫu, không hề phạm lỗi bao giờ, đối với anh

em rất là khéo xử, sẵn sàng giúp đỡ mọi người... Có thể nói rằng: hân chỉ có bạn thân ít hoặc thân nhiều mà thôi chứ không hề có một kẻ thù...

Binh lính trong đồn bàn tán rất nhiều về việc Lạc bị chết oan uổng và nhiều người mê tín lại cho ngay rằng đó là một chuyện tác quái của con ma cây vả. Người ta xì xào bảo: cây vả đó có một con ma to lắm, là một người con gái trước đây đã treo cổ lên cây đó để tự tử và hồn oan lẩn khuất, thường vẫn mặc áo trắng hiện lên trên ghẹo mọi người...

Nhưng còn Hợp! Bọn người mê tín cũng vẫn buộc tội cho con ma cây vả đã run rủi cho Hợp bị giết một cách bất ngờ...

Các nhân viên có nhiệm vụ điều tra thì nhận xét một cách thiết thực hơn, nhất là ở chỗ hai người bị thiệt mạng cũng đều bị lưỡi bay-don-nét đâm hay chém cả. Như vậy thì hung phạm phải là một quân nhân ở trong đồn, mới quen sử dụng thứ khí giới này và thứ nhất là mới có thể đi lại trong khu vực mà những người gác không nghi ngờ gì hết.

Điều nhất này làm cho một tờ báo trong quân đội có viết những câu: “*Có một con yêu ở ngay trong hàng ngũ chúng ta. Nó lạnh lẽ, hung tợn, trong đêm tối đi quanh quần rình mò trong trại rồi giết người, không vì một mục đích gì... Bởi vậy tuy nó hình dáng người mà đích thực là một con yêu tinh ghê gớm, giết người chỉ vì khát máu mà thôi.*”

Anh em binh sĩ đọc bài báo này chẳng khỏi nhìn nhau mà e ngại. Sự thực họ không phải những người nhút nhát nhưng ra trận, đối diện địch thủ mà chém giết, không có gì đáng sợ, đằng này cái chết lại len lỏi một cách ghê gớm, bất ngờ...

Nhưng họ còn thấy ghê tởm hơn nữa, nếu biết chính con yêu tinh ấy cũng đọc bài báo ấy, sẽ nhếch mép cười một cách rùng rợn, rồi gấp tờ báo lại.

Và trong tuần tới... lại đến lượt viên cai 73 bị giết ngay sát cạnh đồn, khi viên này đi kiểm soát các vọng gác. Cũng vẫn mấy nhát “bay-don-nét” gọn gàng, cũng vẫn không một nguyên do gì tỏ ra rằng hung phạm đã giết người vì tiền, vì thù hay vì tình.

Một lần nữa, cũng vẫn một con yêu tinh ghê gớm kia hành động.

Để cho tờ nhật báo trong quân ngũ, sau khi thuật rõ lại vụ án mạng bí mật này, kết luận bằng một câu hỏi làm cho mọi người rợn gáy: “Vậy đến bao giờ thì đến lượt anh hay tôi bị giết?”

Anh bếp Toóng-đơ đứng dậy, ngáp dài rồi nói:

- Chán quá, tôi đi quanh trại một lúc cho đỡ buồn.

Một bạn nói:

- Trời tối như sẫm, có gì ở ngoài ấy mà chơi với bời... Anh hãy ngồi xuống đây, hát nốt cái bài “ả phiến” 36 giọng ấy cho anh em nghe nhờ với nào!

Bếp Toóng-đơ với tay lấy chiếc mũ treo ở trên tường:

- Sẫm hát mãi mà chẳng có ma nào thưởng thức gì đâu? Thôi, để đảng này đi cho đỡ cuồng căng một lát rồi chốc nữa lại về hát cho anh em nghe mà!

Vệ Choắt cười, bảo:

- Phải, bây giờ anh bếp Toóng-đơ còn phải ra hát cho... con ma cây và nghe!

Bốn tiếng ghê gớm này làm cho mọi người cùng bỗng như sợ sệt, nín thinh. Có lẽ bếp Toóng-đơ cũng thấy chồn chợn nhưng chẳng lẽ lại không đi nữa, sợ sẽ bị anh em cười là nhút nhát, đành nói cứng một câu:

- Này, đừng có dọa đảng này nhé! Cũng đã từng làm thầy kiêu, thầy cúng về đây, đủ cả tay ấn, tay quyết, có là... ma cà lơ thì cũng chỉ một cái ấn “ngũ lôi thần tượng” là tan xác! Thôi, lâu lâu anh chưa trở lại cái tài nói bằng hơi bụng, vậy bây giờ lại biểu diễn đi cho anh em xem... chốc lát tôi sẽ về ngay rồi lại hát!

Bếp Toóng-đơ đã đi rồi, bị anh em thúc giục, Vệ Choắt lại đành phải trở cái tài mọi khi anh còn theo gánh xiếc Tiên Long: anh ngâm nguyên mồm, môi không mấp máy mà vẫn đóng được cái kịch “hai ông bà già ngồi nói chuyện tâm sự đú đờn với nhau”, giọng nói nghe xa vắng vắng, làm cho anh em cười lăn cười lóc!

Trong khi ấy, bếp Toóng-đơ bước chầm chậm qua mấy rặng cây sim, đầy hoa nở, trắng xen với tím. Bỗng có người từ phía trước mặt đi tới, hỏi:

- Anh Toóng-đơ đi đâu đấy?

Toóng-đơ nhận ra Thiệp, một người lính mới, vốn lầm lì, ít nói và hiền lành như con gái, trả lời:

- Tôi ngồi lâu, cuồn căng, đi chơi quanh chốc lát. Chú cũng dám ra ngoài này lúc trời tối kia à, chắc là đã làm quen được với con ma cây và?

Thiệp nói, giọng hơi khác:

- Tôi chỉ sợ người, chứ không sợ ma! Tôi ra mượn anh gác bao diêm, cũng về đây, chẳng lạ gì mà lảng vảng ở đây lâu, nhờ oan gia thì thiệt mạng lây.

Thiệp đã quay về, Toóng-đơ đi một mình, càng thấy chồn chợn... Trong cái bóng tối âm u và huyền bí của núi rừng, mặc dầu chính mình cũng từng làm cái nghề thầy bùa, thầy pháp, Toóng-đơ cũng vẫn cảm thấy một cái gì ghê gớm và rùng rợn!

Trời hơi mưa bụi, nhưng Toóng-đơ cũng cứ đi. Bỗng một tiếng hô đứng lại như xé bầu không khí lặng lẽ của núi rừng và một mũi “bay-don-nét” nhọn hoắt cản Toóng-đơ dừng bước. Tiếp đó là tiếng anh lính Hồng đứng gác ở đó nói một cách vui vẻ như trút được gánh nặng:

- Trời anh Toóng-đơ! Chỉ thiếu một ly nữa thì tôi bấm cò súng!

Toóng-đơ cười:

- Chắc anh hoảng tưởng tôi là con ma cây và?

Hồng gật đầu:

- Anh đi nhẹ chân, không một tiếng động, làm cho tôi sợ quá! Thôi, anh quay về đi.

Thấy Toóng-đơ lộ vẻ ngạc nhiên chưa hiểu, Hồng tiếp ngay:

- Đó là lệnh trên! Không một ai được qua ngoài vòng gác!

Toóng-đơ gật đầu:

- Phải, tôi nhớ ra rồi! Số lính gác hình như đã tăng gấp đôi thì phải!

Hồng đáp:

- Tăng gấp ba kia đấy! Chẳng kể con ma cây và chứ ma... cây gì thì cũng khó mà giờ trò trống ra bây giờ nữa!

Toóng-đơ quay bước và dặn với lại Hồng:

- Thôi, tôi về! Mà hễ anh thấy có ma thì lập tức cứ bắn luôn nhé!

Hồng cười đáp:

- Đúng rồi, nó không tha chúng mình thì mình tha nó sao được?

Câu chuyện đối đáp này chưa được quá năm phút thì Hồng đến tua đi “ron” qua chỗ vừa đứng nói chuyện với Toóng-đơ được chừng ba mươi bước thì vấp phải một vật gì nặng nặng mềm mềm!

Đó chỉ là xác chết của anh bếp Toóng-đơ bị một lưỡi “bay-don-nét” đâm xọc từ phía sau lưng ra tới phổi nằm còng queo ở bên vũng máu mới đông được chừng dăm phút!

Một phen nữa, trong đồn lại náo động chẳng khác gì vừa có tin báo một bọn thổ phỉ vừa vượt qua biên giới sắp sửa tấn công... Một vị sĩ quan, có nhiệm vụ mở cuộc điều tra từ mấy tuần nay, ra lệnh:

- Phải lập tức khám xét khu này! Chắc hung phạm chưa thoát ra xa được nơi tìm thấy xác chết kia... Mọi người hãy tập hợp...

Lát sau, viên sĩ quan tới nơi tìm thấy thi hài bếp Toóng-đơ, thấy Vệ Choắt cùng hai bạn đồng ngũ đã ở đấy. Vệ Choắt đứng lên chào, rồi thưa:

- Thưa ngài, lần này cũng vẫn một lưỡi “bay-don-nét” đâm từ đằng sau lại.

Viên sĩ quan chỉ cúi xem xét thi hài trong chốc lát, rồi lại lập tức cùng bọn lính gác đi khắp trong đồn... Những ánh sáng đèn điện bấp bệch khắp mặt đất, mong tìm thấy được một vết tích gì của hung phạm. Nhưng núi rừng bí hiểm với muôn vàn côn trùng cây cỏ, vẫn giấu kín những điều mà thế nhân tò mò muốn biết... Sừng sững, cây và cỏ kính cũng trơ trơ đứng đó, với một con ma ghê gớm, hiển hiện rõ ràng trong đầu óc những người mê tín dị đoan!

Từ mấy hôm nay, Vệ Choắt như bận nghĩ nhiều việc nên ít thấy hát hò cười đùa. Kể ra thì chúng ta cũng không nên lấy làm lạ, vì ở đây đã xảy ra nhiều chuyện quá lạ lùng... Thần chết như rình rập quanh quần đàu đây... Nhiều người bạn thân của họ, mấy phút trước còn vui vẻ nói cười mà chốc lát sau đã chỉ còn là một thân ma bên vũng máu!

Câu hỏi rùng rợn của một tờ bích báo: “Vệ bao giờ đến lượt chúng ta bị giết?” lại càng làm cho ai nấy mỗi khi bước qua gần cây vả gớm ghê lại thấy lạnh lạnh sống lưng...

Tuy vậy Vệ Choắt càng buồn bã, ít nói cười, hát hò, thì lại càng hay đi quanh quần hoặc ngồi chơi một mình ở chỗ vắng vẻ. Nhiều khi trong đêm tối, Vệ Choắt cũng vẫn cứ đi tha thần bên ngoài lều, hầu như quên hẳn rằng đã có ba bốn người vừa mới đây đã bị thiệt mạng, cũng chỉ vì không biết e dè... bóng tối.

Vệ Choắt đương vợ vẫn nghĩ thì chợt có tiếng quát:

- Ai đấy, đứng lại!

Một lưỡi “bay-don-nét” chĩa ra... Giọng người hô nghe hơi run run có lẽ vì sống trong bầu không khí bí mật, không một người nào được bình tĩnh khi chợt thấy một việc bất thường xảy đến.

Vệ Choắt ngược nhìn người lính gác, rồi cười, bảo:

- Anh Thiệp đứng gác một mình mà không biết sợ à?

- Anh bảo tôi sợ ai?

Vệ Choắt chỉ tay lên vòm cây tối đen:

- Sợ con ma cây vả, chứ còn sợ ai nữa! Anh nên nhớ rằng bằng đi ít lâu, anh em mình chưa ai mới bị giết thêm, vậy rất có thể lúc này là lúc nó đương tìm một người... xấu số!

Thiệp xoa xoa nơi báng súng:

- Mà kẻ xấu số thiệt mạng ấy, rất có thể là anh hay tôi nhỉ!

Vệ Choắt nhìn thẳng vào mặt Thiệp:

- Tôi thì có, chứ anh thì chắc không thể xảy ra điều gì!

Thiệp hỏi lại, giọng hơi khác:

- Sao anh lại nói thế?

Vệ Choắt thở dài:

- Vì tôi nghĩ những người như anh thì chưa đáng chết... Tôi trái lại là kẻ đã phong trần lưu lạc nhiều, mọi nỗi chưa cay bùi ngọt ở đời đã nếm đủ, vậy bây giờ có chết cũng là đáng đời...

Thiệp lơ đãng tiếp:

- Có lẽ anh nghĩ rằng... hung phạm hoặc con ma cây vả kia, lại biết lựa chọn xem kẻ nào nên giết hay không nên giết?

Vệ Choắt không đáp câu hỏi, nhưng hỏi lại:

- Thế anh lại nghĩ rằng “nó” giết là vì thích giết mà thôi, gặp bất cứ người nào, miễn là trong trường hợp thuận tiện thì “nó” hạ sát!

Thiệp nín lặng trong chốc lát, như suy nghĩ. Lâu lâu, Thiệp mới lại gật gù đáp:

- Kể ra thì chúng mình cũng khó căn cứ vào đâu mà đoán được, có lẽ “nó” có khi cũng lựa người rồi mới giết không chừng! À, anh Vệ Choắt, liệu anh có thể đoán biết được “nó” là người, hay là ma không nhỉ?

Vệ Choắt mỉm cười, lắc đầu:

- Làm gì có những trò ma quái ở đây! Tôi biết chắc kẻ giết người, chẳng phải là ai xa lạ hết, cũng là trong bọn anh em ta thôi...

Ngừng lại một phút, Vệ Choắt tiếp:

- Chúng ta không nên ngạc nhiên một chút nào cả, “nó” rất có thể là anh, hay tôi không chừng!

Câu nói gớm ghê reo trong khoảng đêm tối âm u lại càng thêm rùng rợn. Thiệp vén tay áo xem đồng hồ rồi bảo Vệ Choắt:

- Anh có cần về lều ngay bây giờ không? Hay là cùng đi “ron” với tôi một tua cho tôi... đỡ sợ!

Vệ Choắt gật đầu:

- Đi cũng được, vì sự thực, nói ngay để anh biết, tôi “vào sinh ra tử” đã nhiều, nên sự sống chết coi rất thường... Tôi không biết cái sợ là gì!

Thiệp hỏi như khiêu khích:

- Kể cả con ma cây vả?

Vệ Choắt gật đầu:

- Kể cả con ma cây vả vì dù nó có ở ngay trước mặt tôi bây giờ tôi cũng không coi vào đâu! Vì anh hãy nghe cho kỹ: tôi biết rõ nó lắm rồi...

Thiệp im lặng không nói gì, cùng Vệ Choắt song song tiến bước về phía cây vả. Bỗng Thiệp đứng dừng lại, hỏi Vệ Choắt:

- Anh nói như anh có thể biết rõ được con ma cây vả hiện nó ở đâu?

Vệ Choắt điềm nhiên đáp:

- Hiện nó ở đây chứ còn ở đâu nữa!

- Anh biết nó từ bao giờ?

Vệ Choắt ung dung đáp:

- Tôi biết nó từ sau vụ án mạng thứ ba... Tôi đã lập một bản danh sách những người vắng mặt trong khi xảy ra ba vụ giết người này...

Thiệp ngắt lời:

- Anh vì cớ gì mà đoán chắc hung phạm là một người trong số anh em ta?

Vệ Choắt gật đầu, đáp:

- Không khó khăn gì cả. Một điều rất dễ hiểu là trong mấy vụ án mạng ấy, kẻ bị giết đều thiệt mạng trong trường hợp bất ngờ, trong vòng canh gác, lại bị giết bằng lưỡi “bay-don-nét”! Như vậy, tất nhiên hung phạm phải là một quân nhân, có thể thì mới quen sử dụng lưỡi lê, có thể đi lại tự do trong khu canh gác, và có thể lén tới sau lưng kẻ xấu số một cách thần nhiên, dù có xảy ra trường hợp người kia chợt quay lại, hẳn cũng không bị lộ hình tích!

Thiệp tươi cười, tiếp:

- Tôi không ngờ anh có tài xét đoán chẳng kém gì một trinh sát nhà nghề. Như bao giờ trong vụ án mạng cũng có xui có khiến cho hung phạm xuống tay... Vậy trong những vụ trước đây, anh bảo hung phạm đã giết người vì thù, vì tiền, vì tình hay vì cớ nào khác?

Vệ Choắt lắc đầu:

- Không có cơ nào cả... Tôi hãy kể một ví dụ anh nghe: anh hãy giao cho một đứa bé một khẩu súng lục giả, cho nó chơi... Tất nhiên anh phải thấy nó cầm khẩu súng ấy rồi tưởng tượng như có kẻ thù đứng trước mặt, nó sẽ hô đứng lại, hô giơ hai tay lên rồi nhắm, rồi bắn... Nghĩa là khi giao khí giới vào tay một đứa nhỏ thì trong trí nó lập tức nghĩ ngay đến chuyện chém giết một cách tự nhiên... Hung phạm của chúng ta đây sự thực cũng giống như đứa nhỏ ấy. Hắn cầm khẩu súng nhìn ánh sáng bạc của chiếc lưỡi lê nhọn hoắt là cũng lập tức nghĩ ngay cần phải đâm lưỡi lê ấy vào một thân người... Hắn bỗng thành một kẻ khát máu.

Ngoảnh nhìn thẳng vào mặt Thiệp đương lăm lăm khẩu súng trong tay, Vệ Choắt tiếp luôn:

- Tôi ví dụ ngay như chính anh bây giờ: có phải với khẩu súng trong tay, anh hiện cũng đương muốn giết người, muốn giết ngay tôi chẳng hạn!

Thiệp bước lùi một bước, cầm đầu súng chĩa vào Vệ Choắt, nghiêng răng bảo:

- Anh nói đúng lắm! Bây giờ tôi thấy rất thích giết anh!

Vệ Choắt vẫn điềm tĩnh như thường, hỏi lại:

- Chắc anh cũng sẽ dùng lưỡi “bay-don-nét” mà đâm tôi... cho giống với mấy vụ giết người trước của anh chứ không phải bắn vì nổ súng, tiếng động sẽ làm cho anh khó lẩn tránh!

Thiệp lắc đầu:

- Anh tính nhầm rồi, tôi bắn anh cũng không sao hết, vì anh nên nhớ rằng hiện tôi có bốn phạm canh gác và tôi đã nhận được mệnh lệnh rõ ràng: tôi được phép bắn chết bất cứ ai khả nghi nếu tôi hô đứng mà còn cứ tiến. Tôi sẽ bắn chết anh rồi tôi sẽ trình rằng tới đây, tôi thấy anh nấp ở sau cây vả... anh định xông ra giết tôi, nên tôi phải bắn... Thế là anh chết một cách rất thiệt thòi... Từ đây trở đi, tôi sẽ không giết ai nữa và người ta sẽ yên trí chính anh là con ma cây vả - có ngờ đâu con ma ấy lại chính là tôi...

Trong bóng tối âm u, dưới gốc cây cổ thụ cành lá sum suê đầy đặc như bao trùm mọi bí mật ở đời. Vệ Choắt thấy rợn người như Thiệp chính là con ma cây vả thực, hiện nguyên hình ra trước mặt mình.

Thiệp đã ra lệnh:

- Anh còn muốn nói thêm gì nữa thì nói đi để tôi còn nổ súng!

Vệ Choắt chợt có một ý nghĩ thần kỳ:

- Tôi không cần nói thêm gì nữa, chỉ cần báo cho anh biết rằng tôi đến đây không phải có một mình, cùng đi với tôi còn có cả thầy đội sơ-mền và ba anh em nữa! Anh bắn thì cứ bắn nhưng chắc chắn anh sẽ bị tử hình!

Rồi ngoảnh lại phía bên trái, chỗ có nhiều bụi cây sim dại, Vệ Choắt hô lớn:

- Các anh em hãy lại cả đây!

Ngay lúc này, Thiệp vẫn lăm lăm khẩu súng, cười khanh khách:

- Thôi, anh hãy bỏ cái trò ấy đi! Tôi không phải là trẻ con đâu mà anh hòng nạt nộ! Bây giờ ở đây chỉ có anh và tôi thôi, mà anh thì là một người sẽ chết!

Ngay lúc ấy, có tiếng người quát:

- Đừng quên, còn có chúng ta đây nữa!

Thiệp giật mình, quay lại phía sau...

Và cũng đúng lúc này, Vệ Choắt nhảy tới, ôm choàng lấy Thiệp. Một lần nữa cái kinh nghiệm của đời sống giang hồ lưu lạc đã giúp anh vật ngã Thiệp, tì một đầu gối lên ngực hăn không cho động cựa, không khó khăn gì cả.

Thiệp không chối cãi gì cả khi bị đưa ra xử trước tòa án binh. Lúc quan chánh án đã tuyên án tử hình hỏi Thiệp có muốn nói thêm gì nữa không thì Thiệp chỉ thưa:

- Tôi chỉ muốn biết: Vệ Choắt đã biết trước đâu được rằng tôi định giết hăn mà mang theo mấy người đi hộ vệ?

Vệ Choắt mỉm cười trả lời:

- Sao anh ngây thơ thế? Làm gì có ai ở đấy bây giờ? Anh đã quên rằng tôi vẫn có một nghề riêng là nói được thành tiếng bằng cách vận hơi bụng,

mà hai môi không mấp máy chút nào!

Bạn tôi kéo ghế ngồi, rồi cười mà bảo tôi rằng:

- Ở đây anh có thể ăn uống hoàn toàn tự nhiên được, không cần phải giữ gìn phiền phức điều gì... Tôi nói thế là tự khắc anh hiểu ngay anh hẳn còn nhớ cái hồi chúng ta ở bên Pháp, thỉnh thoảng có vào ăn trong mấy hiệu đặc biệt của người Khách trú, mở tại mấy “hộ nghệ sĩ” ở thành phố Ba-lê... Trong đất nước Việt Nam, tiệm ăn của người Trung Hoa mở là một sự quá thông thường, nhưng mở một cách đặc biệt như thế này thì phải nói rằng: riêng chỉ ở Hà Nội chúng ta mới có!

Tôi liếc nhìn quanh gian phòng vuông vắn, có kê chừng bốn, năm chiếc bàn ăn mà khăn bàn là những mảnh vải sơn có in hoa sắc sỡ, nhìn mấy lọ dấm, nước mắm, hộp sắt tây đựng hạt tiêu theo kiểu các hàng phở, rồi hỏi lại:

- Vậy đây là một quán nghệ sĩ chẳng?

Bạn tôi lắc đầu:

- Khách đến ăn hiệu này, có đủ các hạng người, không cứ gì phải là những ông viết báo, viết văn hay học sĩ... Đây chỉ có thể gọi là... quán nghệ sĩ, nếu sự ăn uống có thể coi như là một nghệ thuật!

Tôi gật gù:

- Nghĩa là ở đây có những món ăn rất đặc biệt?

Bạn tôi gật đầu, đồng ý nhưng chợt nhớ đến chuyện gì, bỗng phá lên cười mà bảo tôi rằng:

- Anh nói đúng lắm, hiệu này có món đặc biệt, rất đặc biệt, hoàn cầu không có là đằng khác nữa! Rồi anh sẽ biết!

Và anh vẫy tay gọi:

- Cô mình ơi!

Một cô gái Khách, vận chiếc áo cánh hoa in nhỏ, quần đen, đi guốc nhanh nhẹn tới trước bàn chúng tôi:

- Các ông ăn gì?

Bạn tôi hỏi:

- Hôm nay có súp cua, cá không nhỉ?

- Thưa ông, “bui a bét” thì chỉ thứ bầy, chủ nhật mới có... Hôm nay chỉ có súp thịt bò, súp trứng và súp thập cẩm...

Tôi cố nghiêm sắc mặt không cười vì thấy cái món súp thập cẩm ấy của hiệu này, quả thực cũng đã là một món ăn khá đặc biệt rồi!

Bạn tôi tỏ ra là một khách ăn quen ở nhà này:

- Súp thập cẩm là súp lòng gà, gan, mề gà chứ gì? Nhưng còn các món ăn khác có gì không?

Giống hệt như trên sân khấu cải lương, khi có khách hỏi hàng có những món gì, vai chủ quán gân cổ ca một bài “Khổng Minh tọa lâu” trong kể vanh vách suốt từ món súp la-ghim đến món thịt bò bầy vị, cô con gái Khách cũng thuộc miệng kể một thôi dài:

- Có bí tết gà, bí tết lợn, bí tết bò, bí tết tôm... có gà, có cá sốt may-don-nê... có nấm, có đậu bơ-ti-boa...

Bạn tôi mỉm cười vì có lẽ là khách quen ở đây, anh đã thuộc lòng như cô hầu bàn vền vẹn năm, sáu món thông thường ấy của nhà hàng, nhưng lần nào vào hiệu, cũng hỏi như vậy để cô hầu bàn nhanh nhẹn, ngoan ngoãn ấy kể lại cho vui...

Cô con gái bước ra chỗ gần quầy tiền, nhìn vào phía trong bếp mà gọi:

- Hai súp phô-mát, hai bí tết bò, nhiều hành tỏi nhé!

Phía trong bếp có người trả lời vọng lại nhưng bằng tiếng Tàu!

Bạn tôi mỉm cười, bảo:

- Anh đã thấy chưa? Đây quả thực đúng là một hiệu bán món ăn tây, theo kiểu cao lâu Tàu. Và khách tất nhiên vào ăn cũng ăn theo kiểu hoàn toàn Đông Dương, bất chấp mọi lễ luật, nghĩa là có thể ăn bí tết đầu tiên và ăn súp sau cùng, và khi ngồi ăn, cho cả hai chân lên ghế mà ngồi chồm chồm

như một “sếnh sáng” buổi trưa vào hiệu “nhâm-xà”... Rồi anh xem món bí tết ở đây, quả nhiên đặc biệt, và dân sành ăn Hà Nội không một ai là không biết bí tết của cô mình!

Tôi tò mò hỏi:

- Cô hầu bàn ấy tên là Minh, cái tên hay hay đấy nhỉ?

Bạn tôi cười:

- Tôi cũng không rõ Minh có phải thực là tên cô ta không nữa! Hay đó chỉ là một tiếng gọi thông thường của ta, cô mình cũng giống như cô ả, ta vẫn nói mà thôi! Nhưng điều đó không quan hệ gì...

Ngừng lại bạn tôi cao tiếng gọi:

- Cô Minh ơi...

Một tiếng dạ dài rất ngoan và rất.. Việt Nam:

- Dạ!

Bạn tôi nhìn tôi, mỉm cười, sung sướng nói tiếp và câu chuyện dở dang:

- Điều quan hệ chỉ là ở chỗ, khi cất tiếng gọi thì cô mình ngoan ngoãn của chúng ta lại dạ một tiếng rất đáng yêu...

Và vui miệng, bạn tôi lại giới thiệu luôn:

- Ăn ở đây, anh sẽ thấy có một không khí đặc biệt... gia đình! Chính ông bố cô Minh là đầu bếp, bà mẹ cô Minh thì trông coi việc tiếp khách như một người mét ô ten, cô Minh và cô chị gái, người em giai lớn thì hầu bàn, còn cậu em giai bé nữa thì thường ngồi ở quầy tiền, bên chiếc bàn tính gỗ.

Tôi hỏi lại:

- Theo như lời anh giới thiệu trước khi vào đây thì hiệu này rất đông thường thứ bảy, chủ nhật không có đủ chỗ ngồi cho khách, vậy tại sao mà ông chủ hiệu lại không hề mượn qua một người làm công nào để hầu bàn cho khỏi bị lúng túng?

Bạn tôi nhìn tôi bằng con mắt rất kỳ lạ rồi một lát mới trả lời:

- Sự thực thì nhiều người vào ăn ở đây cũng ngạc nhiên như anh về điều ấy! Nhưng phần đông đều yên trí rằng: đó chỉ là một thứ đặc biệt của nhà hàng, để khác hẳn mọi tiệm ăn khác... Riêng chỉ có một số rất ít biết rõ

được nguyên ủy chính của việc này, vì anh nên nhớ rằng trước đây hiệu ăn này cũng có nuôi thêm mấy người hầu bàn lạnh lẽo... Trước đây, đông người làm, hiệu lại còn nhận mang món ăn đến tận nhà riêng cho khách ăn tháng nữa... Nhưng một việc không hay đã xảy ra vì người làm công...

Tôi nhanh miệng đoán:

- Chắc việc xảy ra ấy là một cuộc tình duyên... bất phân giai cấp giữa người làm công và cô Minh của anh?

Bạn tôi nghiêm sắc mặt trả lời:

- Anh không nên quên rằng việc xảy ra đã lâu, cách đây có tới năm, sáu năm rồi, nghĩa là lúc cô Minh ngoan ngoãn và đáng yêu của tôi mới mười một, mười hai tuổi. Không, việc đáng tiếc xảy ra ấy, lại là một án mạng, có thể gọi là khủng khiếp và ly kỳ, chẳng kém gì các truyện trinh thám bí mật nhất của anh... Nhưng, kìa cô Minh của chúng ta đã mang các món ăn ra, anh hãy thưởng thức món súp, món lagu, món bí tết đặc biệt đi đã kéo rồi mà câu chuyện ghê gớm và rùng rợn của tôi lại làm giảm cái ngon kia đi mất nhiều phần!

Tôi gật đầu:

- Kể ra thì đó cũng đã là một điều đặc biệt rồi nhưng không hiểu tại sao mà hiệu ăn khá đông lại không thấy dùng một người hầu bàn nào cả?

Bạn tôi nhìn tôi một cách bí mật rồi bảo:

- Trước đây hiệu cũng có mượn một người bếp và mấy chú phổ ky, nhưng rồi sau, đột nhiên có xảy ra một việc và lập tức ông chủ hiệu cho người bếp ra, tự mình làm lấy các món ăn, lại cho luôn mấy chú phổ ky ra nốt để mấy cô con gái của ông hầu bàn...

Tôi tò mò muốn, hỏi việc xảy ra ấy là việc gì nhưng chỉ làm ra bộ thần nhiên mà lơ đãng bảo:

- Việc xảy ra ấy không có gì khó hiểu khi mà ông chủ hiệu lại có mấy cô con gái ngoan ngoãn đáng yêu...

Bạn tôi nghiêm sắc mặt trả lời:

- Anh không nên đoán liều như vậy! Trước hết anh nên nhớ rằng thời xảy ra việc ấy thì cô Minh, cô chị hãy còn bé tí xiu, mười một, mười hai đó thôi, nên không làm gì có những cuộc tình duyên bất phân giai cấp giữa người làm công và cô con chủ hiệu được! Việc xảy ra ghê gớm hơn chuyện ấy nhiều vì chính là một vụ án mạng...

Ngay lúc này, cô Minh ngoan ngoãn bưng hai bát súp từ trong bếp đưa ra, khối bốc lên nghi ngút. Bạn tôi hình như đã toan nói, lại ngừng lại mà bảo tôi rằng:

- Được rồi, lát nữa tôi sẽ kể chuyện cho anh nghe, khi nào các món súp phô mát và thập cẩm đã bị tan xong xuôi trong dạ dày của anh và tôi rồi...

Tôi nhấp một ngụm cà phê rồi đặt cốc xuống:

- Cà phê ở đây thì có điều kém, phải không anh?

Bạn tôi gật đầu:

- Điều đó đã là lẽ dĩ nhiên rồi, vì món đặc biệt chính ở đây là món bí tết bò vừa rồi, chính anh cũng đã phải công nhận: đệ nhất Hà thành!

Tôi nhắc lại:

- Nhưng còn câu chuyện vừa rồi!

Bạn tôi gật đầu:

- Anh cứ yên trí, nhưng tôi chỉ sợ khi anh nghe xong, sẽ thấy món súp vừa ăn đây không còn những vị thơm ngon của nó nữa! Câu chuyện sự thực cũng không có gì ly kỳ lắm... Anh hãy tưởng tượng hiệu ăn này, trước đây còn tấp nập hơn nhiều, vì lẽ có đến bốn, năm hầu bàn và hiệu lại còn nhận cả việc mang bữa ăn đến tận nhà riêng cho những người ăn cơm tháng...

Ngừng lại chốc lát, bạn tôi nói tiếp:

- Trong số những người ăn cơm tháng ở hiệu này mà hàng ngày phổ ky phải mang đến tận nhà, có một người Tàu già tên thường gọi là Trường lầy lổ... Ông già Trường ở cách hiệu không xa mấy, nhưng ông không chịu đến hiệu ăn, chỉ là vì ông buôn bán nghề đồ cổ, thường có rất nhiều bảo vật mà ngoài ông già ra không hề có ai trông nom coi sóc nữa. Bởi vậy, ông già mà

xa cửa hàng một lúc sẽ có thể bị quân gian rình mò và lên vào ăn trộm mất các bảo vật kia...

Người ta gọi Trường lão là thần giữ của cũng không có gì là quá đáng, vì lão không có vợ con, mà không dám tiêu pha một chút gì khả dĩ có thể kêu là hoang phí... Lão ở đó có một mình, bất thường và việc quan trọng lắm, lão mới rời cửa hàng... Thường thường, kẻ mua cũng như người bán thấy đều đến tận cửa hàng của lão cả... Nhưng cuộc đời yên lặng đó không kéo dài mãi như người ta tưởng tượng. Vì một buổi sáng kia, hàng xóm để ý, không thấy lão dậy mở cửa hàng... Đó thực là một sự lạ vì lão xưa nay vẫn nổi tiếng là người thức khuya dậy sớm nhất phố! Hàng xóm tò mò đợi thêm lát nữa và sau cùng, vẫn không thấy động dạng tăm hơi gì đành báo cho một cảnh binh đi qua, biết rõ sự lạ này. Viên cảnh binh thử gõ cửa gọi, mà một lúc lâu không thấy ai thưa, mới xô mạnh cửa, cùng mấy người chứng tá lân bang vào xem. Ai nấy vừa bước qua ngưỡng cửa được mấy thước, đã phải giật mình mà chạy lùi. Vì trước mặt họ, một cảnh tượng hãi hùng đã bày ra: lão Trường không biết bị đâm chết từ hồi nào, nằm gục ở cạnh một chiếc hòm cổ bằng gỗ hồng đàn chạm rất tỉ mỉ. Ở ngực, ở mặt lão, có đến bốn năm vết đâm mà toàn là bằng dao nhọn, lưỡi mảnh nhưng rất dài. Con dao đó, hãy còn vắt ngay bên cạnh tử thi, một thứ dao “chùy” của các võ tướng thời cổ vẫn đeo, nhỏ như lá lúa và vô cùng sắc bén. Nhìn thấy con dao, các lân bang đều nói rằng:

- Con dao cổ ấy chính là của lão Trường, trước đây lão vẫn bày ở ngoài tủ kính, sau mới cất vào trong nhà và treo ở trên tường cạnh chỗ lão nằm. Do ở điều này, các nhà chuyên trách tới khám nghiệm, kết luận rằng: Hung phạm có lẽ không chủ tâm giết lão Trường, bởi vậy nên không mang theo khí giới riêng của mình... Có lẽ vì một trường hợp bất thường, hung phạm mới phải hạ thủ và nhân tiện thấy có lưỡi dao nhọn trên tường thì dùng ngay dao ấy làm khí giới... Các nhà chuyên trách lại thấy chiếc hòm hồng đàn chạm trổ kia lại mở tung, nhiều đồ vật đựng trong hòm bị lục tung, xáo lộn. Do đó các nhà chuyên trách lại nêu ra một giả thuyết như sau: Có lẽ hung phạm đương mãi lục hòm của lão Trường thì lão ập đến, bắt được quả

tang, hung phạm trong lúc cuống quýt sinh liêu, tiện tay với được mũi chủy trên tường nên đâm chết ngay lão Trường để thoát thân.

Tôi ngắt lời hỏi:

- Lão Trường chết, có mất nhiều tiền của hoặc bảo vật gì không?

Bạn tôi lắc đầu:

- Các nhà chuyên trách cũng không biết nữa, vì chính lão Trường có bao nhiêu tiền để trong hòm và châu báu vàng bạc có những gì, cũng không ai hay biết mà hồng kiểm điểm lại... Nhưng nguyên một điều người ta thấy ngay cạnh tử thi có nhiều tờ giấy bạc bỏ vương và bốn năm chiếc vòng vàng chạm cổ, thì người ta đoán chắc trong hòm, lão Trường để nhiều tiền và châu báu lắm, trong lúc vội vàng, hung thủ bỏ đầy mấy túi rồi cũng không còn chỗ đựng nữa nên đành phải bỏ lại mà thoát lui...

Tôi hỏi:

- Các nhà điều tra có tìm thấy được vết tay, hoặc vật gì của hung phạm bỏ lại hay không?

Bạn tôi lắc đầu:

- Vì có nhiều kẻ tò mò vào xem xét tử trước nên các vết tay bị xáo lộn cả, các nhà chuyên trách tới điều tra, không dùng được việc gì... Nhưng thám tử Trúc Tâm đứng đầu cuộc điều tra này xem xét kỹ chiếc hòm, có tìm thấy một vật nhỏ rất lạ... đó là một móng tay người... Dùng kính hiển vi mà soi cạnh nắp hòm, thám tử Trúc Tâm thấy có một vài chỗ sây sát lại có dính một chút máu nữa, nên thám tử đoán chắc rằng: vì hòm có khóa riêng, hung phạm đương lúi húi mở, dùng cả móng tay mà cạy nắp thì không hiểu vì cố gì, chiếc khóa bỗng mở tung và làm đứt gãy cả chiếc móng tay của hung phạm... Có lẽ chiếc móng tay bị đứt bất thành linh như vậy, đau quá, hung phạm buột miệng kêu lên và do đó, lão Trường ở nhà sau vùng chạy ra... để nhận mũi chủy của hung phạm.

Tôi ngẫm nghĩ chốc lát rồi nói rằng:

- Cứ như ý tôi thì có lẽ hung phạm giết lão Trường phải là người quen thuộc chứ không phải kẻ xa lạ, vì phải là người quen thì mới biết rõ trong

hòm đó, lão Trường để tiền và vàng ngọc, phải là người quen thì khi chợt thấy lão Trường ra, hẳn phải hạ thủ vì sợ lộ tung tích.

Bạn tôi đồng ý, gật đầu:

- Anh đoán rất đúng và thám tử Trúc Tâm có lẽ cũng suy luận như vậy nên chàng đã tìm xem những ai là người quen lão Trường, thường hay ra vào nhà này! Việc tìm tòi ấy cũng không khó khăn gì lắm vì lão Trường vốn không có bạn bè thân thiết. Lão sống một cách cô độc, chẳng khác gì một con gấu già dữ tợn.

Lão cũng có đôi ba người bạn hàng quen, thường hay lui tới cửa hiệu nhưng theo lời lân bang thì suốt ngày hôm đó, trời mưa, không thấy có ai bấm chuông nhà lão cả. Họ chỉ trông thấy có chú Quấn, người phổ ky của hiệu ăn này, thường lệ hai buổi đến đưa cơm...

Tôi ngắt lời:

- Như vậy, lẽ tất nhiên chú Quấn này phải là người tình nghi trước nhất!

Bạn tôi mỉm cười:

- Ai ai cũng nghĩ như vậy và Trúc Tâm cho rằng có lẽ bữa ấy, chú Quấn mang cơm lại, quen lệ thường, vào trong nhà mà không bấm chuông. Lúc ấy, lão Trường lại mắc bận gì ở phòng trong và sự vắng mặt của lão đã làm cho Quấn chợt nổi lòng tham... Quấn ra vào nhiều lần nhà này đã biết đích xác trong chiếc hòm có tiền và quý vật nên nhất định mở lấy. Không may cho hẳn khi đang lúi húi cạy hòm, thì cái khóa bỗng bật tung, làm cho Quấn bị bong mất cả một móng tay, trong khi lão Trường ở nhà trong thấy động cũng hốt hoảng chạy ra. Quấn không suy nghĩ rồi vội vã lấy ít nhiều tiền bạc, không kịp tìm lấy lại cái móng tay của mình còn rơi đâu đó nữa!

Tôi ung dung bảo:

- Tôi cũng nghĩ như thế. Và công cuộc điều tra sẽ không khó khăn gì nữa, nếu khi ấy ta lập tức đến hiệu ăn đặc biệt này, nhìn bàn tay chú Quấn, hẳn thấy đúng hẳn bị mất một móng tay là lập tức bắt luôn!

Bạn tôi gật đầu:

- Nghe anh nói thì việc bắt hung phạm quả nhiên dễ dàng như việc chúng ta vừa mới ăn xong miếng bí tết, mặt ngoài vừa cháy cạnh, thơm ngon mà bên trong thì còn tươi máu... Không, anh ạ! Trong mọi công cuộc điều tra hình án, thường không giản dị và sẵn sàng như ta đọc thấy ở trong tiểu thuyết. Thanh tra Trúc Tâm đã đến hiệu ăn này và đã chiếm một bàn ăn phía ngoài cùng, cạnh cửa ra vào. Có lẽ chàng định chờ xem bàn tay hung phạm, sau đó sẽ kín đáo gọi sát nhân theo mình về sở... Chàng ngồi cạnh cửa, lại còn có ý canh gác, nhất định từ lúc này không để một ai ra khỏi hiệu nếu người đó không có lành lặn đủ cả 10 chiếc móng tay.

Ngừng lại chốc lát, bạn tôi mới mỉm cười mà tiếp:

- Một viên thanh tra đi đón bắt người như vậy có thể tính toán trước mọi sự xảy ra, hung phạm tìm hết cách để lén trốn, hung phạm liều mạng chống cự để thoát thân hoặc hung phạm khi biết khó tránh được lưới pháp luật thì tự sát để khỏi phải đền tội lỗi... Nhưng không bao giờ Trúc Tâm lại có thể ngờ có việc lạ lùng xảy ra đến thế!

Uống một ngụm nước trà, như cố ý chần chừ để cho người nghe chuyện đến đoạn gay go phải nóng lòng chờ đợi, lâu lâu bạn tôi mới tiếp:

- Thanh tra Trúc Tâm vẫn kiên gan ngồi đợi... 10 phút, 20 phút, cuối cùng mãi cho tới gần trưa, chàng mới thấy kẻ bị tình nghi là chú Quấn phổ ky cố làm ra vẻ bình tĩnh bước ra phía ngoài cửa hiệu. Chỉ một liếc nhìn thanh tra Trúc Tâm đã thấy rõ ràng mặt Quấn hơi thất sắc, tay hẩn thu thu như muốn giấu, nhưng vẫn để lộ rõ ràng nơi bàn tay trái có một ngón buộc vải và có thấm máu ra ngoài...

Bạn tôi lại tiếp:

- Thanh tra Trúc Tâm lúc này hồi hộp vô cùng, thực chẳng khác gì một nhà thiện xạ thấy bóng dáng một con mồi... Chàng đợi cho anh phổ ky Quấn tiến vừa sát tới trước mặt mình mới ung dung đứng dậy. Chàng thấy Quấn biến sắc mặt và cũng vừa lúc ấy, Trúc Tâm giơ tay nắm chặt lấy cánh tay của kẻ tình nghi. Trong lúc bất ngờ, Quấn vội giơ bàn tay có buộc băng lên, và nhanh như cắt, Trúc Tâm đã chụp lấy...

Một tiếng kêu se sẽ... Và tới lượt Trúc Tâm biến sắc vì chàng vừa mới chạm tay vào chỗ vết thương buộc băng thì tất cả đám băng bông thấm máu ấy tuột rơi xuống đất.

Và trên bàn tay của Quấn, Trúc Tâm thấy rõ ràng *ngón giữa, bị cụt hẳn ba đốt, chứ không phải ngón tay giữa ấy chỉ bị bóc có móng mà thôi!*

Trúc Tâm hỏi:

- Tại sao chú lại cụt mất ngón tay thế này?

Quấn chỉ lúng túng trong chốc lát nhưng đã lại trấn tĩnh được ngay và trả lời:

- Hồi sáng hôm nay, tôi chặt thịt, không may vô ý để cho dao phập xuống và cụt mất ngón tay... Tôi vội buộc ngay băng lại...

Trúc Tâm cau mặt hỏi:

- Thế nhưng còn ngón tay bị chặt rơi ra ấy đâu rồi, chú đưa tôi xem!

Quấn lắc đầu:

- Lúc dao phập xuống, máu ra nhiều quá và tôi đau điếng người... Tôi luống cuống, không biết làm thế nào, vội xé cái khăn mặt bông ra buộc còn ngón tay ấy thì... thì tôi vất vào trong chậu rửa mặt, trôi đi đâu mất rồi...

Trúc Tâm lập tức bảo Quấn đưa vào trong bếp và chàng quả nhiên thấy cạnh chỗ chậu rửa mặt, có nhiều vết máu tươi... Trúc Tâm chợt hiểu ra: Quấn quả nhiên là một tên hung phạm ghê gớm, có lẽ sau khi giết lão Trường thấy ngón tay mình bị bóc mất một chiếc móng, hăn đoán chắc sớm muộn thế nào các nhà chuyên trách cũng tìm đến và khám ngón tay mình... Móng tay bị bóc mất kia sẽ là chứng cứ cụ thể đưa hăn lên đoạn đầu đài. Quấn đã suy nghĩ lung lắm và cuối cùng đã tìm ra được một phương pháp tránh tội: hăn nghiền răng chặt ngón tay của mình đi, rồi vất vào trong chậu rửa mặt - ba đốt ngón tay trôi xuống ống dẫn nước, như thế là mất tích... Trúc Tâm đến hỏi, Quấn đã trả lời như vậy và chàng đã đành ôm hận mà trở về... Chàng biết dù có bắt ngay Quấn lúc ấy đưa về sở thì việc đưa ra tòa, chứng cứ không cụ thể đó, tòa cũng sẽ cho Quấn được trắng án thôi.

Thấy bạn ngừng lại, tôi mới hỏi:

- Sau đó, chắc ông chủ hiệu này biết chuyện, để tránh mọi sự phiền nhiễu xảy ra, mới nhất định không mượn qua một người làm nào nữa! Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao việc Quấn lại đến tai ông chủ?

Bạn tôi gật đầu:

- Lễ tất nhiên, Trúc Tâm không hề hở môi ra, chỉ cố gắng tìm một chứng cứ khác, cốt để cho hung phạm phải đền tội lỗi. Nhưng trong khi ấy, Quấn nhân dịp có mấy người bà con về Tàu, cũng lên trốn theo để cho Trúc Tâm phải ôm mối hận mãi mãi. Mà hận hơn nữa, là về sau, chàng mới được ông chủ hiệu cho biết một chuyện khá lạ kỳ... Nhân hôm đó, trời mưa to gió lớn, tôi và Trúc Tâm ăn trong hiệu, ngồi nán lại chơi không về... Thấy bọn cô Minh, cô Ngọc chạy ra vô hồn rất là ngoan ngoãn, lạnh lẽo, Trúc Tâm mới vui chuyện kể lại vụ án mạng trước đây rồi kết luận: "Ông chủ ạ, cứ loanh quanh người nhà làm lại tốt hơn! Chứ cứ có những chú phở ky như Quấn thì cũng nguy hiểm lắm lắm!"

Ông chủ nhận thấy chúng tôi là khách quen, thường đến hiệu hàng ngày và thân mật như người nhà, mới rót chén rượu mai quế lộ, ngồi uống cùng bàn chúng tôi và khi hơi men chuyển choáng, mới cười mà bảo Trúc Tâm rằng:

- Hầy à! Ông phán... Bây giờ tôi mới cho ông biết điều này nhé! Hôm ấy, ông khám tay thằng Quấn xong rồi, hậm hực không giải nó về sở mà đành bỏ đi một mình, tôi tuy chưa rõ chuyện gì nhưng để ý thấy Quấn có vẻ lo ngại lắm. Và buổi chiều tối, khi một người khách quen của hiệu, sau lúc đã ăn hết đĩa súp, có gọi tôi ra mà hỏi: "Ông chủ ạ, hình như món súp của ông hôm nay có vị gì khác biệt thì phải!" Tôi không nói gì, vào trong bếp nếm thử lại món súp và quả nhiên thấy có vị khác biệt thực! Tôi ngạc nhiên, bới thử nồi súp lên xem thì thấy ngoài những xương lợn, xương bò, xương gà lại có cả mấy đốt xương gì cũng hơi khác biệt!

Trúc Tâm đập mạnh tay xuống bàn, kêu:

- Thôi, chết rồi, thế mà tôi lại cứ yên trí thằng Quấn nói thực khi nó khai đã tổng ngón tay ấy xuống lỗ cống chậu rửa mặt rồi...

Ông chủ hiệu mỉm cười:

- Nếu ông cho tôi biết chuyện ngay khi ấy, thì tôi cũng lại cho ông biết rằng ống tháo nước chỗ chậu rửa mặt ấy không thông hẳn xuống cống mà chỉ chảy ra tới sân sau... Quấn không dám vất ngón tay vào đó chính là vì biết rõ điều ấy!

Thấy Trúc Tâm vẫn hậm hực vì đã để thoát một hung phạm ra khỏi mắt lưới pháp luật, tôi vỗ vai chàng mà an ủi:

- Anh uất ức là vì anh đứng vào địa vị một nhà chức trách. Nhưng riêng đối với bọn khách ăn quen ở đây thì sự thực chúng tôi đều nhớ ơn chú Quấn! Nhờ có vụ án ba đốt ngón tay này, ông chủ đây mới quyết định không thuê mượn những người làm công nữa! Và có thể thì chúng ta đây mới được hưởng cái thi vị mấy cô gái Trung Hoa nhỏ nhắn xinh xinh hầu bàn, gọi món ăn Tây bằng tiếng Tàu và “dạ” rất ngoan khi chúng ta gọi đến!

Để chứng thực lời anh vừa nói đó, bạn tôi đã lại cất tiếng gọi:

- Cô Minh ơi!

Một tiếng dạ rất ngoan đáp ngay, như tiếng dạ đáng thương mến của người em gái nhỏ trong gia đình... Và bạn tôi lại cười mà hỏi:

- Hôm nay nhà có những súp gì, cô Minh?

Trái hẳn với mọi ngày, cô Minh của chúng ta hôm nay không đọc một tràng dài các thứ súp bui-a-bép, súp bò, súp gà và cả súp thập cẩm nữa, chỉ nhoèn một nụ cười rất đẹp mà trả lời:

- Các ông cần gì mà phải hỏi! Có những súp gì thì đã có đăng cả trên báo rồi mà!

Thì ra cô gái Trung Hoa xinh xắn và ngoan ngoãn ấy, gọi tiếng Tàu các món ăn Tây, đưa giấy tính tiền đến cho chúng ta ghi bằng chữ Hán, lại cũng đọc cả báo Việt Nam trong những lúc nhàn rỗi...

Một hiệu ăn có bấy nhiêu điểm đặc biệt cũng đã thừa sức quyến rũ khách ăn rồi huống hồ hiệu này lại là một hiệu có món bí tết bò ngon nhất Hà Nội, không một ô-ten nào có thể sánh bằng được.

Thám tử Trúc Tâm đương ngồi uống chén rượu khai vị thì có tiếng gõ cửa. Chàng thông thả đứng dậy, ra mở, không vội vàng vì đã biết trước khách là ai. Nguyên vì mấy hôm trước, chàng có nhận được một bức thư, do nhà bưu điện gửi tới:

“Ông Trúc Tâm,

Tôi có một việc rất quan trọng muốn được gặp riêng ông để thưa chuyện. Tôi không dám lại sở vì e rằng việc này mà tiết lộ ra thì không chừng tôi bị nguy đến tính mệnh. Vậy xin ông cho tôi một giờ hẹn trước và địa chỉ nơi nào tôi có thể gặp được ông.

Nguyễn Văn Ba

Gác nhà xác bệnh viện Hồng A”

Sau khi nhận được thư, việc trước nhất là Trúc Tâm viết mấy dòng trả lời. “Việc gì cũng xin ông cứ lại Sở trong những giờ làm.”

Vì sự thực, Trúc Tâm không muốn tiếp khách một cách riêng tư, đối với nghề nghiệp của chàng, dễ sinh ra điều dị nghị.

Nhưng bức thư thứ hai của Nguyễn Văn Ba, yêu cầu tha thiết hơn lần trước nữa, làm cho Trúc Tâm vượt qua lệ thường của chàng và viết thư cho một hẹn ở chính nhà riêng.

Khách là một thanh niên khoảng 25, 26 tuổi, người mảnh dẻ, hiền lành, trái hẳn với hình dáng ít nhất cũng phải hơi ghê gớm dữ tợn mà Trúc Tâm đã tưởng tượng cho hợp với cái nghề nghiệp của con người hàng ngày chung sống với thầy ma.

Khách lễ phép chào Trúc Tâm rồi tự giới thiệu ngay:

- Thưa ông, tôi chính là Nguyễn Văn Ba.

Trúc Tâm gật đầu, mời Ba ngồi, rồi nói:

- Vâng, tôi đã nhận được hai bức thư của ông... Thường tôi không tiếp khách nói việc công ở nhà riêng bao giờ như thế này... Nhưng tôi chắc đây phải là một trường hợp đặc biệt!

Ba chấp tay, thưa:

- Vâng, tôi cũng rõ đó là một đặc cách ông đã dành riêng cho tôi... Tôi rất cảm ơn ông và tin chắc rằng khi ông đã nghe hết câu chuyện của tôi, tất cũng không đến nỗi phàn nàn vì đã cho tôi được gặp buổi này ở nhà riêng... Trước hết, tôi xin thưa để ông rõ rằng tôi nguyên là một nhà thơ...

Trúc Tâm ngạc nhiên ngắt lời:

- Ông là một thi sĩ, vậy sao trong thư...

Ba cười một cách buồn rầu:

- Chắc ý ông muốn nói tại sao trong thư tôi lại biên nghề nghiệp là gác nhà xác của bệnh viện? Thưa ông, nguyên tôi là một nhà thơ, nhưng ngay cho đến thời bình nghề thi sĩ cũng không bao giờ đủ sống hưởng chi là thời tao loạn đất chật người đông này! Bởi vậy nên tôi đành phải làm nghề gác nhà xác tại bệnh viện Hồng A và cũng vì thế cho nên tôi mới gặp một trường hợp lạ lùng, kinh khủng mà nếu tôi không khéo léo thì có thể nguy hiểm đến tính mạng của tôi.

Trúc Tâm cười ngắt lời:

- Có lẽ vì ông là một nhà thơ nên giàu trí tưởng tượng quá chăng? Nếu tôi không bạo đoán thì có lẽ ông lại gặp cảnh thầy ma sống lại như nhà văn Bồ Tùng Linh tả vô cùng rùng rợn trong bộ *Liêu Trai chí di*? Dù sao thì tôi thiết tưởng một thi sĩ như ông cũng không nên vội sớm sợ hãi vì biết đâu... những hình bóng quái gở kia lại chẳng là... nàng Thơ như người ta thường tả bằng những vần hoa thêu gấm dệt?

Ba lắc đầu nghiêm nghị đáp:

- Việc lạ lùng mà tôi sắp kể cho ông nghe đây là một chuyện thực chứ không phải là những chuyện mộng ảo của các nhà thơ... Tôi cũng cần phải nói để ông biết ngay tôi chẳng phải là người nhút nhát, vả lại làm cái nghề sống chung đụng hàng ngày với những thầy ma đã làm cho tôi thấy rõ con người một khi hết thở thì chỉ còn là một cái xác, không kém, chẳng có ma

quái nào cả. Nhưng kẻ làm cho tôi sợ hãi lo lắng đến nỗi phải tìm đến làm phiền nhiều ông lại chính là một cụ già sống khỏe mạnh như ông với tôi hiện giờ...

Trúc Tâm đã bắt đầu chú ý đến lời khách kể. Chàng đánh diêm, châm điếu thuốc hút rồi nhẹ nhàng giục:

- Xin ông nói ngay vào chuyện.

Ba gật đầu, kể:

- Theo lệ thường, cứ 6 giờ chiều thì tôi từ sở về nhà, một căn gác ở tầng hai, trong một tòa nhà lớn, thời xưa là biệt thự. Căn gác của tôi, nếu mở cửa phía sau thì nhìn được xuống vườn, cây cối rậm rạp. Ở một góc vườn ấy, có hai gian nhà hẹp, xưa là nhà ở của người làm vườn. Kề vào vách hai gian nhà ấy lại có chiếc hầm nổi, xưa kia dùng làm nơi trú ẩn phi cơ Nhật, dựng toàn bằng đá hộc nhưng cửa hầm bị sập đổ, đã mấy năm nay, chẳng ai nhòm ngó tới, vì biết chắc nơi ẩm thấp này đã thành một cái tổ lớn của rắn rết rồi...

Như để sửa soạn cho câu chuyện có thứ tự và dễ hiểu, Ba ngừng lại chốc lát rồi mới tiếp:

- Đã ba tháng nay, tôi mới đến ở đó được hơn một tháng, có một cụ già đến hỏi thuê hai gian nhà ở góc vườn ấy. Cụ thuê cả hai gian và đến ở có mỗi một mình. Theo lời cụ già nói - về sau chúng tôi mới biết tên thường gọi của cụ là cụ Lang Sặt - thì gia đình cụ hiện ở cả tại làng Sặt. Và cụ chuyên sống về nghề lang thuốc, cha truyền con nối đã mấy đời nay! Hai gian nhà ấy, cụ ở một gian, vừa để tiếp khách, còn một gian cụ dùng làm phòng sao chế và tán thuốc. Từ khi tôi đến ở thì tôi để ý ngay đến cụ Lang Sặt, linh tính như báo trước cho biết không phải là một người. Sự thực, thì ở đó, cụ tỏ ra rất đúng mực, không bao giờ đi chơi khuya, ngay trong dịp Tết nhất vừa qua cũng không hề rượu chè hay bài bạc. Suốt ngày, tôi chỉ thấy cụ hoặc nằm xem sách thuốc hoặc lui thủi một mình khi sao, tẩm các vị thuốc sống cụ cân về... Thuốc của cụ thường dùng nhiều hồi quế và long não lắm, vì đôi khi, tôi vì tò mò, lang vãng ra chỗ vườn ấy thấy sặc một mùi thơm, quế sạ, long não, hồi hương... Thấy cụ sống một mình thui thủi

như vậy nhiều người thường khuyên cụ nên thuê lấy một đứa bé con để nó giúp đỡ mọi việc nhưng cụ trả lời: “Ấy! Kể ra thì tốn, tôi cũng không sợ tốn nhưng xét ra thuê thêm người cũng bằng vô ích mà thôi! Các ông thử tính xem, việc sao chế thuốc men thì cần thận cầu kỳ lắm, tôi không dám giao cho ai làm thay, còn cơm nước thì tôi ở một mình đi ăn cơm hàng thế này xét ra lại tiện hơn!” Chúng tôi nghe nói thế thì đều cho là ông cụ tằn tiện vì có lẽ nghề lang thuốc của ông cụ cũng không lấy gì làm phát đạt cho lắm, chúng tôi thấy rất hiếm khách vào ra...

Trúc Tâm ngắt lời Ba:

- Câu chuyện ông kể tới đây, tôi chưa thấy gì là kỳ quái hay bí mật cả!

Ba gờ tay đáp:

- Xin ông hãy thư tâm một chút vì đã tới cái đoạn ông cần chú ý... Tôi đến ở được ít lâu thì một sáng chủ nhật, tôi chợt thấy cụ Lang Sắt gõ cửa vào phòng tôi. Nguyên đó cũng đã là một điều lạ rồi vì theo chỗ tôi biết, trong suốt mấy tháng đến ở đây, ông cụ không hề thân mật với ai, chỉ chào hỏi qua loa mọi người, đối đáp một vài câu xã giao chứ không hề vào nhà ai chơi và cũng không mời ai vào chơi trong gian nhà của mình cả. Ông cụ niềm nở chào tôi rồi vui vẻ nói: “Ông đến ở đây đã lâu mà bận việc quá, mãi đến hôm nay mới được chút thì giờ thư nhàn, lại nhân chủ nhật, biết ông được nghỉ, nên mới vào thăm ông...” Tôi ngỏ lời cảm ơn và cũng dùng lời thù tạc trả lời vì biết ông cụ bận chế thuốc men nên không tiện xuống chào... Thế rồi chúng tôi lân la hết nói chuyện tản cư, cuối cùng đến những chuyện làm ăn trong thời này khó khăn chật vật... Nhìn mấy bài thơ tôi viết chơi, dán trên tường, ông cụ tiếp ngay: “Thế mà tôi nghĩ cũng ở đây, chỉ riêng có ông sung sướng, ngày đi làm hai buổi, công việc nhà nước, trưa hay tối về lại rồi rãi ngâm thơ...” Tôi khiêm tốn đáp: “Thơ tôi thì có ra quái gì, chẳng qua là chấp chênh vì buồn đó thôi... Nhưng sự thực, tôi cũng không thích lắm, bó buộc lắm, vả lại lương bổng cũng chẳng được bao nhiêu...” Tiếp đó, cụ Lang hỏi thăm tôi qua loa về cách thức công việc trông nom trong nhà xác và cuối cùng thì nhiều câu rào trước đón sau, rụt rè bảo tôi rằng: “Tôi vì cũng biết ông giúp việc cho bệnh viện, gian nhà xác

nên mới dám phiền ông việc này... Nếu ông giúp được thì có thể có được một số tiền kha khá... Chẳng giấu gì ông, tôi hiện nay đang chuyên tâm nghiên cứu về nhiều môn thuốc gia truyền rất quan trọng nếu thành công được thì không chừng có thể chế được những thứ linh đan cải tử hồi sinh..." Và nhìn chăm chú vào tôi, cụ già kỳ lạ tiếp: "Tôi cần phải có một xác chết để thí nghiệm."

Ba kể lại tới đây, ngừng nói, như có ý muốn xem câu kỳ quặc đó làm cho thám tử Trúc Tâm ngạc nhiên đến bậc nào, nhưng Ba đã nhầm, chàng thám tử trẻ tuổi chỉ ung dung thở hơi thuốc lá, rồi giục:

- Xin ông cứ kể tiếp!

Ba gật đầu nói:

- Thấy tôi chưa nói gì, cụ Lang Sặt lại vỗ vai tôi một cách thân mật mà bảo: "Ông không nên lấy làm lạ, đây là một vấn đề chuyên môn về khoa học. Tôi không chọn lọc gì cả, miễn là có một cái xác chết, đàn ông, đàn bà, người lớn hay trẻ con đều dùng được cả..." Tôi ngần ngại nói: "Nhưng để thí nghiệm thì tại sao cụ lại không theo như các nhà bác học Tây phương dùng các loài vật mà thí nghiệm thuốc?" Ông cụ cười một cách thản nhiên mà đáp rằng: "Lẽ tất nhiên tôi đã thí nghiệm với các loài vật rồi nhưng dù sao ông cũng nên nhớ rằng đây là thuốc để chữa bệnh con người, tất nhiên cũng phải dùng đến người mà thí nghiệm... Được một điều cũng không lấy gì làm nguy hiểm lắm là vì tôi chỉ thí nghiệm vào người đã chết chứ không thí nghiệm vào người sống..." Thấy tôi vẫn có ý ngần ngại, cụ Lang lại tiếp ngay: "Trong nhà xác thì thiếu gì xác chết vô thừa nhận, ông nhỉ! Những xác chết ấy rồi cuối cùng cũng chỉ đến đem chôn nhưng nếu vào tay tôi thì may ra lại sẽ hoàn thành được một món thuốc cứu nhân độ thế! Tôi nghĩ: Kể ra cũng may mắn cho tôi thế nào, ý hẳn là giới có ý giúp nên mới lại được ông đến ở đây, làm hàng xóm láng giềng với nhau và ông lại chính là người làm trong nhà xác thì giúp tôi việc này không khó khăn gì cả!" Tôi vẫn tìm cách chối từ: "Cụ vẫn còn quên một điều là: dầu cho là xác vô thừa nhận chẳng nữa thì cũng vẫn có sổ sách, nếu bây giờ chợt thiếu một xác chết thì tôi khó có cách trả lời ra làm sao." Tưởng rằng tôi đã ưng thuận, cụ

Lang Sắt mừng rỡ nói: “Ông không cần phải ngại điều đó, tôi sẽ có cách không làm phiền gì đến ông cả... Ví dụ như bây giờ ông bảo cho tôi biết có một xác chết vô thừa nhận đàn ông, bằng ấy tuổi, hình dạng như thế, nhất lại có một vài dấu hiệu gì trong thân thể như mụn nhọt ruồi, hay cái sẹo ở chỗ nào đó thì tốt nhất, thế lập tức tôi làm đơn xin nhận là xác thân nhân, xin mang về chôn, có thể thôi... Một khi xác chết ấy đã ra khỏi bệnh viện rồi thì tôi làm cách nào để được việc tôi, ông không cần biết đến nữa...”

Tới đây, con người kỳ lạ tỏ ra là một người rất tâm lý, se sẽ bảo tôi rằng: “Công việc của ông giản tiện chỉ có thể thôi, ông ạ, mà tôi có thể kính biểu ông bộ quần áo rét... gọi là chút đền đáp cảm tình của ông đối với những nhà chuyên tâm khảo cứu y học như tôi... Lẽ tất nhiên tôi cần ông giữ kín đáo cho việc này, để khỏi có những kẻ tò mò làm mất thời giờ của tôi vô ích...” Tôi nghe cụ Lang nói như vậy và thấy cặp mắt của cụ sáng quắc, tôi sợ hãi, xong phải cố trấn tĩnh mà dùng kế hoãn binh: “Vâng, việc cụ nhờ, để tôi lưu tâm xem có dịp thuận tiện nào không, sẽ thưa với cụ sau...” Cụ Lang cáo từ tôi, nhưng trước khi ra khỏi phòng, còn nhắc lại: “Công việc rất dễ dàng, chỉ cần ông giữ kín đáo mọi việc cho tôi và tôi xin biểu ông ngay 2 ngàn đồng. Hơn nữa, ông nhớ rằng: đây là một việc giúp ích cho nhân loại!”

Kể chuyện đến đây, Ba ngừng lại, rồi thở dài mà bảo thám tử Trúc Tâm rằng:

- Từ hôm tôi được nghe cụ Lang Sắt nói câu chuyện kỳ lạ này, cứ bồn khoăn lo lắng mãi... Tôi để ý thấy hành động của cụ Lang thực bí mật, có một đêm trời tối đen, lại mưa phùn, tôi trông thấy như trong cái hầm trú ẩn ấy có ánh sáng lọt ra ngoài... Cách đây một hôm, tôi lại thấy cụ Lang vào phòng tôi lần nữa, khẩn khoản nhờ tôi việc một lần nữa và như có ý thúc giục... Cuối cùng thì cụ lại hẹn tôi: “Ông lưu tâm giúp cho nhé, chắc là phải được vì nhà xác thì có bao giờ lại thiếu xác vô thừa nhận... Hôm nay thứ năm, vậy đến sáng chủ nhật tôi lại gặp ông nhé. Chắc thế nào ông cũng báo cho tôi một tin mừng?” Thế là cụ Lang Sắt đã dẫn tôi vào một con

đường tắc... Nếu tôi cứ chối từ mãi tỏ ý không muốn giúp cụ, thì đối với một con người có vẻ bí mật ghê gớm ấy tôi e rằng rất nguy hiểm cho tôi.

Kể tới đây, Ba thú thực:

- Tôi không sợ gì ma quái cả. Tôi lại đã sống cạnh hàng mấy chục xác chết liền trong mấy tháng nay, vậy mà không hiểu vì sao tôi cứ đứng bên cụ là y như tôi thấy rờn rợn thế nào... Hình như chính tự con người ấy tiết ra một tử khí hay sao mà tôi cứ cảm thấy mình đứng cạnh một xác chết đi được và nói được...

Trúc Tâm mỉm cười vỗ vai Ba bảo:

- Nghe ông vừa nói câu đó tôi cảm thấy ông quả là một thi sĩ thực? Nhưng ông đã nhờ tôi giúp. Vậy tôi định thế này. Chủ nhật tới là ngày mà cụ Lang Sắt ấy lại tìm ông để hỏi về việc này. Vậy tôi cũng sẽ đúng hẹn ấy đến nhà ông... thì sẽ nấp vào chỗ kín đáo để nghe chính miệng cụ Lang ấy nhờ ông giúp cho công việc kỳ quái... Kìa, rồi tôi sẽ ra mặt và bắt buộc con người bí mật ấy phải nói thực rõ câu chuyện này trước pháp luật... Vì sự thực, tôi cũng ngờ ông cụ ấy phải có ý định dùng xác chết kia vào một việc gì khác chứ đời thuở nhà ai lại đem thí nghiệm thuốc vào kẻ đã chết bao giờ?

Ba có vẻ lo lắng:

- Tôi chỉ sợ nếu không khéo xử trí, việc của cụ già bị tiết lộ ra mà cụ vẫn không bị giam giữ gì cả thì có thể ông cụ sẽ trả thù tôi.

Thám tử Trúc Tâm gật đầu:

- Ông cứ yên tâm điều đó... Trong nghề nghiệp thường ngày của tôi, thường tổ chức những việc khó khăn nguy hiểm hơn nữa... Tôi có thể cam đoan chắc chắn với ông rằng: không bao giờ tôi lại để xảy ra việc gì nguy hại đến ông!

Ba vẫn chưa hết lo ngại:

- Hay là tùy đến chủ nhật tôi hãy cứ tránh mặt ra đã...

Trúc Tâm cười:

- Không được, như vậy chỉ càng làm ông cụ thêm nghi kỵ mà thôi... Ông đừng ngại, sẽ không có việc gì xảy ra nguy hiểm đến ông đâu... Tôi dặn phòng trước: thắng hoặc trước ngày chủ nhật, cụ già ấy có đến tìm ông nữa thì ông cứ việc hẹn chắc chắn rằng ngày chủ nhật sẽ trả lời... Và từ hôm đó trở đi, thì đã có tôi đối phó với con người kỳ cục muốn tìm mua xác chết!

Mặc dầu có lời Trúc Tâm căn dặn kỹ lưỡng cứ yên trí đừng lo sợ gì song chàng thi sĩ làm nghề gác nhà xác bất đắc dĩ của chúng ta vẫn hết sức phân vân chỉ sợ rằng thắng hoặc không may cụ Lang Sặt, con người kỳ dị và ghê gớm ấy sẽ tìm chàng trước ngày chủ nhật thì liệu chàng có đủ phương sách để thi hành kế... hoãn binh không.

Nhưng Ba đã được thở mạnh trút hết gánh nặng khi thấy ngày thứ bảy đã đi qua rồi mà cụ Lang Sặt không hiểu bận gì không hề thấy bước ra khỏi cửa phòng...

Qua sáng ngày chủ nhật, từ sáng sớm tinh sương lại chính là Trúc Tâm. Thám tử liếc nhìn Ba rồi sẽ mỉm cười trong khi bắt tay chàng mà bảo:

- Nhìn sắc diện ông tôi biết ông lo nghĩ nhiều, hình như mấy đêm nay rồi... Ông ít ngủ thì phải?

Ba thở dài và trả lời:

- Ông nói quả không sai nhưng tôi chắc ngày hôm nay là ngày cuối cùng tôi phải chịu cái tội phấp phỏng lo sợ ấy!

Trúc Tâm cười:

- Nghề nghiệp của tôi đã cho tôi có nhiều dịp đi sâu vào nhiều vụ án bí mật. Do đó tôi đã rút được kinh nghiệm: Thường những vụ nào mà thoát kỳ thủy có vẻ ly kỳ rùng rợn lắm thì rồi kết cục ta lại khám phá ra rằng chẳng có gì là ghê gớm cả!

Nhìn quanh quẩn, Trúc Tâm bảo:

- Cái phòng này tuy nhỏ hẹp nhưng cũng còn may mắn có chỗ có thể ẩn nấp được dễ dàng...

Ba chỉ chiếc tủ áo đứng kê ở góc buồng rồi nói rằng:

- Chắc ông có ý định trốn vào trong chiếc tủ kia. Tôi cũng nghĩ như vậy, vậy ngay từ bây giờ ông hãy vào trong tủ, tôi đóng kín lại và khi cụ Lang Sặt đến thì ông sẽ liệu khi nào tới lúc sẽ ập ra...

Trúc Tâm vỗ vai Ba rồi bảo:

- Kể ra thì ông cũng khá thông minh đấy vì trong chiếc phòng nhỏ hẹp này nếu không nấp vào tủ đứng thì còn một cách là... chui xuống gầm giường! Song có điều ý kiến ông khác với ý kiến tôi: Ông vừa nói tôi nên nấp ngay vào trong tủ...

Ba gật đầu một cách rất ngây thơ:

- Vâng, vì nếu ông không nấp ngay nhờ ra mà cụ Lang Sặt đến ngay thì có phải nhờ cả công việc của chúng ta?

Trúc Tâm cười:

- Ông định cho tôi phải đứng chồn chân hay bị nghẹt thở ở trong tủ chắc? Ông thực là tính quần lo quanh, tại sao ông không khóa trái cửa phòng lại, tôi với ông, chúng ta cứ đànng hoàng ngồi đây hút thuốc lá và đọc báo, khi nào cụ Lang Sặt gõ cửa sẽ hay.

Ba cười một cách rất sung sướng - có lẽ cũng giống cái cười của Kha Luân Bố khi tìm thấy châu Mỹ - rồi chạy ra khóa cửa lại, rồi lấy thuốc lá ra:

- Ông có nói tôi mới nghĩ ra thực là giản dị và dễ dàng quá... thực là giống như tôi tìm mấy vần thơ, sao mà khi nghĩ thì thấy khó khăn, thế mà khi nghĩ được rồi thì lại thấy sao nó giản dị và dễ dàng quá như vậy?

Thấy Ba hứng chí và muốn nói nhiều, Trúc Tâm gật đầu cười bảo:

- Ông không nên nói nhiều vì điều đó cũng hơi nguy hiểm... Tôi hãy ví dụ: cụ Lang Sặt hiện đã đến trước cửa phòng này và đứng lặng tậm nghe chúng ta bàn bạc ở trong này!

Ba thất sắc luống cuống nhìn ra phía cửa phòng nhưng Trúc Tâm đã nói ngay cho chàng yên trí:

- Tôi ví dụ thế thôi ông ạ, bây giờ hãy còn sớm lắm mà cụ Lang làm việc rất khuya, chắc bây giờ mới dậy có phải đúng như thế không ông Ba?

Nhưng Ba không nói gì hết chỉ lặng lẽ đánh diêm hút thuốc lá và không ngớt luôn luôn liếc ra cửa phòng một cách lo lắng vô cùng!

Những phút hồi hộp của Ba có lẽ dài tưởng chừng như vô tận! Cho đến lúc có tiếng hắng đặng, tiếp đó là tiếng se sẽ gõ cửa... Không cần phải đợi nghe thấy tiếng dệu dàng phía ngoài hỏi: “Ông Ký đã dậy chưa đấy nhỉ?”, Ba cũng đã biết chắc đó là cụ Lang Sắt, ông già buôn xác chết!

Ba hốt hoảng đứng dậy, lay vai Trúc Tâm vì chàng trinh thám đã ngả đầu vào vách ghế và ngủ một giấc ngon lành lúc nào rồi!

Trúc Tâm sẽ vươn vai và ngáp dài. Ba luống cuống ra hiệu và chỉ ra phía cửa. Trúc Tâm gật đầu, không vội vàng, nhẹ nhẹ mở cánh cửa tủ và bước vào...

Một phút sau, Ba đợi cho kịp trấn tĩnh tinh thần lại được xong xuôi, mới ra mở cửa.

Cụ Lang Sắt mỉm cười, xin lỗi:

- Tôi làm phiền ông ký lắm, phải không? Được ngày chủ nhật nghỉ ngơi, ngủ trưa trưa một tí, lại bị tôi lên những nhiều... Nhưng ông ký cũng thứ lỗi cho tôi nhé! Đó chỉ là vì tôi nóng ruột muốn thí nghiệm cái môn thuốc “cải tử hoàn sinh” của tôi xem sức công hiệu của môn thần dược ấy ra sao? Ông ký tha lỗi đừng nổi giận trách một ông già lẩn thẩn như tôi nhé!

Ba liếc nhìn về phía tủ vẫn im lìm. Chàng lo lắng tìm lời khiêm tốn nói:

- Cụ cứ dạy quá lời, chỗ hàng xóm láng giềng với nhau khi tắt lửa tối đèn có mặt, cần đến thì gọi nhau có gì là lạ!

Cụ Lang Sắt cười ha hả rồi lắc đầu:

- Lạ lắm chứ vì cái ông hàng xóm lẩn thẩn là tôi lại sang nhờ ông hàng xóm quý hóa là ông tìm giúp cho... một cái xác chết! Mà chắc là hôm nay ông đã tìm được cho tôi rồi...

Ba luống cuống liếc nhìn phía tủ áo, vẫn thấy yên lặng không thấy động tĩnh làm cho Ba sợ hãi nghĩ thầm: “Chết chưa hay cái ông thám tử đói ngủ

lại làm một giấc ngon lành trong tử thì nguy.”

Cụ Lang Sặt thấy Ba chưa trả lời gì thì cho chàng còn lưỡng lự vội nói tiếp:

- Không có gì là khó khăn ông ký ạ! Nghĩa là trong khi ở sở, ông chỉ có việc đến xem người ta có đưa xuống nhà xác xác nào thuộc loại vô thừa nhận, bất cứ là đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ, béo hay gầy... Sau đó ông xem lại kỹ xem hình dáng xác chết thế nào, cao chừng bao nhiêu, tuổi ước bao nhiêu, có một vài đặc điểm hay vết sẹo hay nốt ruồi trên thân thể... rồi lập tức báo cho tôi biết. Thế là công việc của ông xong, tôi sẽ có cách làm thế nào để... xin nhận được cái xác ấy đem ra, ông không cần phải lo đến. Công việc của ông chỉ có thế là xong rồi. Và thế là ông tự nhiên có ngay được một món tiền khá lớn... Vả lại, sự thực, trong thâm tâm ông, ông cũng không đến nỗi phải thắc mắc điều gì, vì lẽ rất dễ hiểu là tôi cam đoan danh dự với ông rằng, tôi sẽ dùng xác chết ấy vào một việc vô cùng nhân đạo...

Ngay lúc này, cánh cửa tử mở toang. Thám tử Trúc Tâm ung dung bước ra, vui vẻ cúi chào con người kỳ dị:

- Xin chào cụ Lang! Tôi chính là người muốn được gặp cụ để mong cụ rộng lòng chỉ giáo cho biết cái việc nhân đạo ấy của cụ là việc gì.

Cụ Lang Sặt thở dài, rồi liếc nhìn Ba như trách móc:

- Người ta thường bảo các thi sĩ thực lẫn thần quả không ngoa... Tôi xưa nay vẫn không muốn làm việc gì với hạng người lẫn thần này, khốn nhưng trời oái oăm lại xui khiến thi sĩ làm cái nghề canh xác chết...

Ba lúng túng tìm cách chối lỗi:

- Cụ chẳng nên trách tôi... Vì cái việc cụ cậy nhờ tôi là một việc xưa nay chưa từng thấy...

Trúc Tâm đỡ lời Ba:

- Cụ Lang cũng không nên trách ông Ba, vì lẽ bốn phận người công dân là phải cho các nhà chức trách biết để đề phòng, khi người ấy ngờ rằng sẽ có những việc làm trái pháp luật!

Cụ Lang Sắt gật đầu:

- Ông nói đúng lắm, nhưng chỉ tiếc một điều rằng: Trước sau tôi vẫn nói việc tôi làm là một việc vô cùng nhân đạo!

Trúc Tâm mỉm cười nhìn thẳng vào cụ Lang:

- Tôi chắc rằng cụ cũng biết tôi không phải là hạng ngây thơ có thể tin cái món thuốc “cải tử hoàn sinh” của cụ?

Cụ Lang cũng cười, gật đầu, rồi vỗ vai Trúc Tâm mà nói:

- Tôi biết lắm! Vậy xin mời ông quá bộ xuống chơi dưới nhà tôi, rồi ông sẽ hiểu mọi chuyện.

Ngoảnh lại phía Ba, cụ già kỳ dị lại tiếp:

- Nhưng còn ông thi sĩ, thì quả thực tôi không còn dám tin cậy gì ông nữa... Bởi vậy tôi không dám mời ông xuống, chỉ e rằng ông biết những việc bí mật của tôi, thì ông lại... làm thơ đăng báo, hỏng hết mọi công cuộc kinh doanh của tôi!

Chính Trúc Tâm cũng không hiểu vì cớ gì... mà mình lúc sắp bước chân vào trong gian nhà của cụ Lang Sắt cũng thấy như lạnh lẽo ghê rợn thế nào... Cụ mở khóa cửa rồi giơ tay mời Trúc Tâm vào trước nhưng thám tử mỉm cười:

- Xin cụ đi trước, tôi theo sau.

Nghe Trúc Tâm nói câu ấy và thấy thám tử đó tay nắn túi quần để súng, cụ Lang Sắt mỉm cười:

- Ông cẩn thận đề phòng cũng phải, song với tôi thì rồi ông sẽ biết là thừa.

Trúc Tâm không nói gì, theo cụ Lang bèn gót. Ngọn đèn vừa bật, một ánh sáng màu xanh dịu đủ cho Trúc Tâm thấy căn phòng bày biện rất trang nhã. Một bàn làm việc trên bày đủ văn phong tứ bảo, mấy chậu cảnh, một lọ hoa tươi, trên tường, dăm ba bức cổ thi, cổ họa. Một tủ thuốc và dao cầu,

cối tán, chứng tỏ cái tên cụ Lang của ông già kỳ dị chẳng phải là một hư danh.

Trúc Tâm cũng lại nhận thấy ngay mùi thơm rất hắc của những vị hồi hương, đinh hương, quế chi, long não, mà chính Ba đã nói trước cho mình biết.

Cụ Lang Sắt mời Trúc Tâm ngồi, rồi mới nói:

- Lẽ tất nhiên, bây giờ thì tôi không còn dám giấu giếm ông nữa. Tôi chỉ mong ông xét việc này cho thực sáng suốt mà thôi, như vậy, tôi được ơn ông nhiều lắm! Trước hết tôi xin nói ngay rằng, nghề của tôi chính là nghề lang thuốc, khốn nhưng ông còn lạ gì trong cái thời mà các thuốc penixilin và đadênăng tràn ngập khắp thành thị thôn quê thì dù có đến Hoa Đà Biển Thước tái sinh bây giờ cũng đến ế hàng chết đói nhẵn răng...

Ngừng lại một lát, cụ Lang Sắt lại tiếp:

- Trong khi trong xã hội, ông Ba của chúng ta có thể nghĩ việc làm thợ, không sống với vắn với điệu, tạm qua ngày bằng cái nghề canh xác chết thì lẽ tất nhiên một ông lang như tôi cũng phải bỏ dao cầu thuyền tán mà tìm một nghề khác để sinh sống hơn... Nghĩ như vậy, nhưng sự thực đem thực hành ý nghĩ ấy chẳng phải là dễ dàng gì... Người khôn của khó, mật ít ruồi nhiều, kéo bè kéo cánh, toàn là trở ngại lớn cho dân chúng thất nghiệp trong lúc này... Riêng may mắn cho tôi là còn biết một nghề mà không sợ ai cạnh tranh hết: đó là nghề “ướp xác người chết”. Ông hẳn đọc nhiều sách du ký, tất có thấy nói ở Cao Miên và Xiêm La, người ta thường có tục thiêu xác người. Nhưng riêng những nhà vương giả, quyền quý thì mỗi khi có thân nhân qua đời lại dùng các thứ thuốc riêng mà ướp xác chết, cốt giữ làm sao cho xác chết ấy chỉ có khô đi chứ dù có để hàng bao nhiêu năm, hình hài vẫn nguyên vẹn, không hề hư hỏng.

Trúc Tâm gật đầu, ngắt lời:

- Xiêm và Miên thì tôi không rõ nhưng ở Ai Cập thì tôi được thấy nhiều sách viết; nghề ướp xác người rất thịnh vượng, trên các ngôi mộ cổ Ai Cập, người ta tìm thấy được nhiều di hài vua chúa chết đã mấy nghìn năm trước đây mà vẫn nguyên vẹn hoàn toàn như người sống...

Cụ Lang Sắt gật đầu:

- Sự thực đúng như vậy, xác chết muốn giữ được lâu hàng trăm năm cũng không khó khăn gì cho lắm, miễn là các thứ thuốc phải chọn lọc và khi ướp thuốc phải công phu... Tôi vốn là một người lưu lạc giang hồ từ nhỏ. Tôi đã ở Xiêm La và Cao Miên rất lâu, có lấy một người vợ Xiêm, sinh hạ với tôi được một người con gái nhưng sau đó ít năm thì vợ tôi chết để lại tôi sống trong cảnh gà trống nuôi con... Tôi cùng Điệp, con bé cháu, lang thang hết Miên lại Xiêm, trước còn sinh sống bằng nghề lang thuốc chữa bệnh, sau giao du với những nhà chuyên môn làm nghề ướp xác chết, tôi lại chuyên việc đi tìm các thứ lá thuốc mang về sao chế cho họ. Do đó, mà không bao lâu, tôi cũng được biết rõ tinh vi cái nghề bí hiểm này...

Ngừng lại một lát, cụ Lang Sắt trầm ngâm suy nghĩ rồi thở dài:

- Người Việt Nam ta thường tin rằng những kẻ theo nghề huyền bí thường hay vô tự, có lẽ đúng chẳng? Ngay chính riêng tôi, thì biết được cái nghề bí hiểm kia chẳng bao lâu, con Điệp bỗng mắc bạo bệnh rồi chết...

Hai mắt quắc sáng như vô cùng tức giận trước nỗi bất công của tạo hóa, cụ Lang Sắt cương quyết tiếp:

- Trời Phật muốn giết của tôi đứa con yêu dấu nhưng tôi nhất định không chịu. Con Điệp còn phải ở cạnh tôi suốt cả một đời. Tôi không chịu để nó phải tan thân nát thịt dưới ba thước đất. Với những điều hiểu biết về khoa ướp xác, tôi để hết tâm trí, tìm những vị thuốc thực quý hiếm nhất và ướp xác con Điệp. Tôi có thể tự hào rằng xác nó đã được ướp một cách công phu cẩn thận hơn hết thấy xác các vị vua chúa quyền thế giàu mạnh nhất Xiêm, Miên...

Vùng nắm tay thám tử Trúc Tâm, ông già đáng thương kéo chàng đi về phía buồng trong, đẩy mạnh cánh cửa vào rồi bật đèn lên, kéo chiếc màn lụa đào, chỉ một chiếc quan tài nhỏ làm bằng mặt kính khung sắt mạ kền bóng loáng mà bảo rằng:

- Đây, ông xem, con gái yêu dấu của tôi nằm kia, thực có khác gì đương ngủ một giấc say sưa “nàng công chúa ở trong rừng” chỉ còn hoàng tử đẹp trai đến là thức dậy?

Trúc Tâm nhìn qua tấm kính của chiếc quan tài, quả nhiên thấy người con gái của Lang Sắt tuổi chừng mười hai, mười ba tuổi như đang nằm ngủ, bên cạnh con búp bê mũm mĩm hồng hào...

Ông già đau khổ lại tiếp:

- Đáng lẽ thì con gái tôi sẽ được nằm ngủ giấc ngàn thu một cách yên lặng không hề bị ai quấy nhiễu... Khốn nhưng vì tình thế sinh kế bắt buộc, tôi đành lại phải tìm cách sống bằng cách thi thố nghề xưa... Tôi để ý xem có những nhà nào có người chết, mà tang gia lại là người thực lòng thương yêu kẻ đã khuất không muốn rời xa... Tôi lập tức lại điều đình nhận việc ướp xác và muốn tỏ rõ kết quả sẽ thu lượm được như thế nào, lẽ tất nhiên, tôi phải dẫn họ về đây và chỉ cho họ xem cái xác quý báu đã ướp của con gái tôi...

Trúc Tâm ngắt lời:

- Từ khi ông kinh doanh nghề mới lạ này ở đây, đã có nhiều... khách hàng chưa?

Cụ Lang Sắt gật đầu:

- Tôi cũng đã có vài ba người giao phó cho công việc. Nhưng tôi cần phải nói trước ngay với ông rằng dù ông có bẻ răng, kéo lưỡi tôi, cũng không bao giờ tôi chịu nói tên cho ông biết họ là ai! Tôi phải giữ bí mật cho khách hàng hơn nghề nào hết!

Trúc Tâm lại hỏi:

- Nhưng tại sao ông lại còn hỏi ông Ba để kiếm một xác vô thừa nhận nữa? Hay là ông còn muốn thí nghiệm thêm?

Bị chạm lòng tự ái về phương diện chuyên môn, cụ Lang Sắt cau mặt:

- Đã đạt được kết quả hoàn toàn như ông thấy trước mặt đây, tôi còn cần gì phải thí nghiệm nữa? Nhưng tôi muốn kiếm thêm một xác chết vô thừa nhận chính là vì muốn ướp xác ấy để làm “mẫu hàng” cho các khách xem... Tôi nghĩ rằng nếu cứ dùng con gái tôi để làm một thứ chiêu hàng thì... tui vong linh nó quá!

Cụ Lang Sặt kéo chiếc màn điều, phủ chiếc quan tài kỳ dị... Rồi cụ kéo Trúc Tâm ra phòng ngoài nhìn thẳng vào mặt chàng mà hỏi:

- Bây giờ ông đã thấy rõ hết sự thực! Ông hẳn cũng nhận rằng công việc của tôi làm hoàn toàn nhân đạo giúp ích cho đồng loại được bớt nỗi thương đau của sự cách biệt mất còn... Tôi không dám hại ai hết... Tôi kiếm sống một cách lương thiện hoàn toàn.

Trúc Tâm nghe nói, không biết trả lời làm sao hết!

Vì sự thực, chàng cũng không biết cãi lại ông già thế nào! Vì chàng cũng tự nhận thấy trong xã hội còn có chán vạn người sống một cách bất lương chưa hề bị truy tố mà vẫn cứ hãnh diện nhơn nhơn!

Trước mặt hăn là cả một bộ “đồ lễ” của họa sĩ nếu chúng ta không muốn làm méch lòng hăn mà mệnh danh cho hăn một cách nôm na là... anh thợ vẽ! Điều này, đối với hăn, quan trọng lắm, vì sự thực, hăn có quyền được ngồi vào chiếu nghệ sĩ như ai!

Mặc dầu, bây giờ, hăn chỉ là một anh thợ vẽ chuyên môn vẽ hồ, cái thứ hồ thờ mà người ta vẽ rất nhiều trong dịp Tết!

Hăn nguệch ngoạc mấy nét vào bộ ria của ông ba mươi trước mặt, rồi bỗng quăng bút mà bảo tôi rằng:

- Không hiểu có phải là vì tất niên năm Hồ mà cái món hàng Hồ cuối năm nay, nghe chừng chạy lắm! Trong mấy phiên chợ Tết, có lẽ tôi vẽ đến hơn trăm ông rồi, thôi thì đủ các màu sắc: bạch hồ, thanh hồ, hoàng hồ và... vân vân hồ!

Sẽ nhún vai, hăn lạnh lùng tiếp:

- Thôi, nhờ thời thì phải chiều thời, qua đình làng nào, thì ta chào đình làng ấy vậy. Bây giờ làm cái nghề vẽ hồ, đối với khách hàng, tôi phải hết sức cung kính mà gọi là các ngài chứ thời xưa chính các ngài ấy bằng xương và bằng thịt, tôi cũng chỉ coi là muối tép!

Hăn có một cái nhìn mơ mộng, xa xôi và giọng nói nhẹ nhàng như giọng nói một cô con gái, đượm chút buồn rầu.

Trước đây, hăn chính là một nghệ sĩ, biểu diễn trong gánh xiếc lớn nhất nước ta, trong vai Người Hồ. Tất cả công việc của hăn là phải vào trong một chuồng hồ lớn nhiều khi đông tới bảy, tám con rồi đùa giỡn với chúng, miễn là làm sao cho khán giả càng “sồn tóc gáy” là càng được hoan nghênh nhiệt liệt!

Sự thực, đối với con người bình thường và mơ mộng ấy, cái nghề kỳ lạ kia chẳng có gì là ghê gớm... Từ tỉnh này qua tỉnh khác và cũng đã từng qua Cao Miên, Xiêm La, Quảng Châu, Hương Cảng, hẳn chỉ thấy những ngày biểu diễn đó là một chuỗi thời gian chán nản, giống nhau, không có chi là hứng thú.

Còn đàn hổ dữ? À phải, hẳn đã có nhiều lần đánh nhau thực sự với chúng! Nhưng cũng vẫn chỉ là sự thường. Có gì là khó khăn đâu, bất cứ ai gan dạ một chút, có ngọn roi con trong tay là có thể trị được lũ “mèo dữ” ấy như chơi. Có một lần con hổ dờ chừng. Nó cứ định xông vào vỗ hăn. Nhưng cứ một khi nó tiến đến, thì hăn lại dùng ngọn roi, vụt mạnh một cái đúng vào mũi hổ, làm cho con thú hoảng hốt bước lùi... Một lát sau, chú ba mươi hiểu kế hoạch ấy cũng xông đến nhưng lùi lùi cúi gầm mặt xuống. Nhưng con người bao giờ cũng ranh hơn. Hăn giơ một chân ra và dọa đá hất, con hổ vội ngẩng tránh, thế là cái roi kia lại vụt trúng mũi hổ như thường...

Hăn kể lại những câu chuyện trên này bằng một giọng đều đều, rồi vén tay áo cho tôi xem những vết sẹo trên người hăn. Thôi, thực là đủ các vết ngang dọc, chẳng chịt, một vết sâu hơn cả, do một bàn tay hổ tát, lõm vào gần tới xương, thành một vết dài suốt từ vai cho đến ngang lưng hăn. Nhưng tất cả các thứ đó, cũng không có gì đáng kể: hơi phiền một chút là hồi gần đây, luống tuổi, hễ trở gười thì các vết thương hơi đau ê ẩm ít nhiều.

Nhưng bỗng đôi mắt hăn quắc sáng, có lẽ vì có một kỷ niệm vừa chợt vụt qua trong trí nhớ! Thấy một nhà văn lại thăm trong dịp cuối năm, nhất là giữa lúc cần bài đăng báo Tết, có lẽ hăn cũng muốn tặng tôi một chuyện ly kỳ... Hăn bỗng chỉ tay vào đám tranh hổ trước mặt hăn mà hỏi tôi rằng:

- Ông có biết giống vật có bao giờ để tâm mà thù nhau không nhỉ?

Chẳng đợi tôi kịp trả lời, hăn tiếp luôn:

- Giống vật thì tôi không biết, chứ giống... người thì tôi thấy thù nhau ghê gớm lắm! Tôi có biết một gã thù một Người Hổ lắm! Lão ta được nổi danh là Người Hổ chỉ là vì trong nghề xiếc của lão, đặc biệt ở chỗ đêm nào hăn ta cũng thò đầu vào trong miệng một con hổ lớn, răng nanh nhọn hoắt!

Gã kia thù lão, nhưng không làm gì được lão đành cứ đêm đêm đến xem lão Người Hồ diễn trò và hy vọng một đêm kia sẽ được thấy tai nạn bất ngờ xảy ra, con hổ dở chứng ngậm miệng và nghiêng hai hàm răng lại!

Thế là gã dò theo gánh xiếc đi từ tỉnh này tới tỉnh khác, lẻo đẻo như bóng với hình... Năm tháng dần trôi... Gã già, lão Người Hồ cũng già và chính con hổ cũng già! Nhưng rồi tới một đêm kia, gã ngồi ngay hàng ghế đầu, cũng chính mắt mình được trông thấy lão Người Hồ bị con hổ già dở chứng, chột nghiêng hàm răng lại. Lão Người Hồ chết tươi, không kêu lên được một tiếng, trong khi gã kia, hả hê đứng dậy, lạng lẽ trở về!

Bằng một giọng hơi có vẻ buồn, hăn kể tiếp:

- Kể ra một người thù như thế cũng đã gọi được là khá kiên nhẫn. Nhưng ở đời, không phải ai thù cũng kiên nhẫn được như vậy!

Chẳng hạn như thằng cha ném dao, cùng làm với tôi trong một gánh xiếc được ba năm liền. Hăn tên là Quế và có một cô vợ rất xinh. Vợ hăn là một tài tử đánh đu bay số một, tên là Mộng Ngọc.

Tính Quế rất nóng nảy, nhưng đôi tay hăn thì thực là nhanh nhẹn một cách dị thường. Có một lần, không hiểu vì tức khí nhau thế nào mà giữa lúc diễn trò, hăn đẩy anh chàng đi dây đứng sát ngay vào tấm gỗ thông, rồi không để cho anh chàng kia kịp trở tay đã phóng liên tiếp ngay mười mấy lưỡi dao nhọn, cắm phập vào tấm gỗ, mũi dao nào cũng vừa sát sạt người chàng kia, chỉ vừa vụn làm cho rách áo...

Mọi người phải rút hết những lưỡi dao ấy mới có thể gỡ được anh chàng đi dây ra vì anh chàng đúng là bị “đóng chặt vào tấm ván” không còn nhúc nhích được mảy may!

Sau khi việc xảy ra, ai cũng phải gờm gờm Quế! Và đối với Mộng Ngọc, vợ hăn, người ta cũng không dám trò chuyện gì nhiều mặc dầu, nàng rất xinh đẹp và vui chuyện... Người nào cũng sợ, nhỡ ra mà Quế nghi ngờ, máu ghen nổi lên thì chỉ một lưỡi dao của hăn phóng ra cũng đủ làm cho mất mạng!

Nhưng có một người - Người Hồ - Hăn không coi Quế vào mui gì cả! Mà có lẽ trong đời, hăn cũng không hề biết cái sợ là gì. Người Hồ cũng

chuyên một nghề dạy hổ báo, đêm đêm đùa giỡn với đàn thú dữ trong chuồng sắt, sẵn sàng chui đầu vào trong miệng cọp để gây một cảm giác lạ lạ cho công chúng.

Con hổ mà chàng Người Hổ này ưa hơn hết là một con cọp gấm! Con hổ mới to lớn làm sao, lông vẫn vừa vàng, vừa đen, vừa hung hung như gấm dệt! Cặp mắt nó đỏ ngầu như máu, những vuốt thì nhọn sắc như gươm dao mà hai hàm răng nanh thì mỗi khi nhe ra đủ làm cho những người thường chết khiếp!

Nhưng Cọp Gấm quả thực là tri kỷ của Người Hổ. Chung sống với Người Hổ liền trong ba năm nay, không hề qua một lần nào, Cọp Gấm lộ ra chút nào là... dở chứng!

Vào trong chuồng sắt, ôm lấy chân, bá lấy cổ, thò đầu vào trong miệng Cọp Gấm, Người Hổ thấy dễ dàng như một trò đùa...

Nàng Mộng Ngọc có lẽ cũng cảm Người Hổ vì cái gan dạ phi thường của hân. Nhiều khi Mộng Ngọc đắm đuối nhìn... Người Hổ cũng nhìn Mộng Ngọc một cách say sưa!

Nhưng chúng ta chớ quên cái nhìn nẩy lửa của Quế, nhìn cả Người Hổ và Mộng Ngọc!

Chúng tôi đều biết thế, nên có lần đã bảo cho Người Hổ hãy liệu mà coi chừng! Nhưng hân chỉ nhún vai cười nhạt, cũng như một lần hân cười nhạt khi tóm lấy cổ Quế vì hân xun xoe dám đứng trước mặt Người Hổ mà thách thử đấu dao.

Quế cắn răng không nói một lời nào nhưng trong cặp mắt hân, tôi thấy rõ ràng ngọn lửa dữ dội mà đôi khi thường lóe sáng trong mắt các con thú dữ sắp sửa dở chứng.

Nhưng rồi mấy tháng qua, không xảy ra điều gì đáng tiếc. Có lẽ vì Người Hổ hồi sau này, cũng không để ý mấy đến Mộng Ngọc nữa, vì hân còn mãi theo đuổi một tiểu thư khuê các con một vị hữu quan, đã “phải lòng mặt” hân, không một đêm nào không mua vé hàng đầu vào ngồi xem xiếc.

Cho đến một hôm cuối năm, một buổi diễn tất niên của gánh xiếc, thu được bao nhiêu tiền sẽ chia hết cho các tài tử chi dùng trong hai đêm nghỉ

trước buổi diễn đêm mừng một Tết, khai xuân...

Đêm diễn tất niên ấy, lẽ tất nhiên chúng tôi đều hết sức cố gắng để biểu diễn tài nghệ, kể cả Người Hổ.

Hắn đêm nay vận bộ quần áo sát liền vào da thịt màu sa tanh đỏ tươi, có đính nhiều mặt thủy, óng ánh như sao! Đầu hắn chải mượt, bóng loáng, có lẽ anh chàng hôm nay định hết sức làm dáng cho vừa mắt người tình...

Nhưng trong mắt Quế, anh phóng dao, chồng của Mộng Ngọc đêm nay, tôi cũng thấy lóng lánh một ánh sáng khác thường.

Chính vì nhận thấy thế, cho nên tôi lo ngại xiết bao, khi tới lúc Người Hổ phải vào biểu diễn trong chuồng hổ. Trước đó một phút, tôi thấy Quế loay hoay sửa soạn tấm gỗ thông mà hắn sẽ phải diễn trò ở sau chỗ Người Hổ đứng... Rồi thấy Quế mấy lần rút chiếc khăn tay lụa của hắn ra, rồi vuốt vuốt mái tóc mình, lúc đầu hắn và đầu Người Hổ đứng sát chụm vào nhau không cách xa mấy chút!

Rồi tiếng kèn nổi lên hùng dũng. Một vài con hổ hoảng hốt gầm lên trong khi con Cọp Gấm thuần thục nhảy lên ngồi thu lu trên chiếc hòm gỗ sơn tím.

Người Hổ tay không, ung dung bước vào trong chuồng sắt, giữa tiếng hoan hô của mấy ngàn khán giả. Hắn qua lại giữa những ông chúa sơn lâm.

Biểu diễn mấy trò bắt hổ nhảy qua vòng dao, vòng lửa, cuối cùng mới tới trò then chốt: Người Hổ thò đầu vào miệng cọp.

Như chúng ta đã biết, con Cọp Gấm vốn là người bạn trung thành của Người Hổ hơn ai hết!

Như không biết tại sao, con Cọp Gấm ấy, đêm nay, lúc Người Hổ vừa thò đầu lọt vào trong miệng nó thì đột nhiên nó bỗng nghiêng chặt hai hàm răng nanh nhọn hoắt lại!

Giống hệt như ở nhà quê, ta rình trộm và chẹn hàng răng bừa nhọn hoắt vào cổ chú Trích dám cả gan đào ngạch định lén vào khoảng một mẻ tất niên!

Thế là đêm diễn tất niên này của Người Hồ cũng cáo chung một đời người mạo hiểm!

“Sinh ư nghệ, tử ư nghệ”, người ta không lấy việc này làm lạ. Nhưng riêng tôi vẫn muốn biết sự thực trong tai nạn bất thường này! Tôi đã đỡ cái đầu bị nghiền nát bét của Người Hồ ra mà xem kỹ lại! Tôi đã ngửi thấy nồng nực mùi hạt tiêu cay sè, làm cho tôi phải hắt hơi luôn mấy cái!

Trời ơi, tôi đã hiểu rồi! Tôi nhớ lại trước khi vào chuồng hổ mấy phút, Người Hồ có đứng sát cạnh Quế và Quế, kẻ tử thù đã giơ cao mùi xoa lên rũ nhẹ...

Thì ra Người Hồ đã thò cái đầu bóng loáng dính đầy hồ tiêu ấy vào miệng con Cọp Gấm.

Và con Cọp Gấm, người bạn trung thành của Người Hồ đã... hắt hơi, chứ nào có dở chứng muốn nghiền nát đầu ai?

Bến Sáu Kho độ này càng tấp nập bao nhiêu thì các khách sạn trong thành phố cũng lại càng đông khách bấy nhiêu.

Vì độ này, có nhiều người thừa tiền nên quá lo xa tìm mọi cách để có thể vào Sài Gòn trong một thời gian và nếu gặp cơ hội thuận tiện thì qua Pháp!

Trong thời tao loạn, những ý tưởng ru rú trong lũy tre xanh của người nhà quê bị gạt bỏ một cách bất đắc dĩ thì ý tưởng muốn du lịch xa xôi của những kẻ phú quý ở tỉnh thành cũng đến một cách đột ngột không ngờ...

Nhưng còn nhiều việc không ngờ hơn nữa trong số những người đương sửa soạn... đi xa ấy!

Chúng ta hãy lấy ví dụ như ông Hàn Thiết!

Ông tần ngần đứng ở bến Sáu Kho, nhìn theo con tàu biển quay mũi vào Nam... Ông cầm chiếc mùi xoa trắng vẩy vẩy, giống như hệt một sen chia ly vẫn chiếu trên màn ảnh.

Vì hôm nay, ông Hàn Thiết tiễn vợ xuống tàu vào Nam, rồi từ lúc ông nhìn mặt vợ một lần cuối cùng, ông bỗng thở dài, bước trở lên bờ... Nói “nhìn vợ một lần cuối cùng” có lẽ cũng không lấy gì làm quá đáng nếu ta nghe rõ được lúc bấy giờ ông bước trên cầu tàu, miệng lầm bầm:

- Thôi, nghĩa tử là nghĩa tận!

Ông đứng tần ngần mãi, cho đến lúc con tàu khuất hẳn. Và ông chậm chạp bước trở về phía bờ sông lấp...

Nhưng ông Hàn Thiết bỗng loay hoay gỡ chiếc bọc giấy ông cầm ở trên tay, xem ngẫm một vật gì rồi đột nhiên ông bỗng kêu rú chạy như bị ma đuổi về phố Đầu Cầu.

Ông vừa chạy vừa kêu như một thằng điên và khi chạy ngang đường chỗ giữa phố Bô-nan thì bị một chiếc xe hơi cán phải, chết ngay lập tức vì bị vồ sộ!

Chờ ông về nhà xác, người ta khám thấy trong túi ông có một chiếc chìa khóa có ghi số buồng của khách sạn Hoàng Hôn, 5.000 đồng bạc, một giấy căn cước và... hai chiếc cốc nhỏ, thứ cốc uống rượu mùi ngày Tết!

Các nhà chuyên trách mở cuộc điều tra, tại khách sạn Hoàng Hôn, biết được rằng ông Hàn Thiết vừa mới ở Hà Nội xuống Phòng được hai ngày, đi cùng với vợ. Trong đám hành lý của ông Hàn, nhà chuyên trách còn tìm thấy được một bức điện tín của một bác sĩ ở thủ đô vừa mới gửi xuống, nhưng khi fắc-tơ đưa lại thì ông Hàn đã tiễn vợ ra bến tàu rồi nên điện tín chưa được bóc ra.

Nhà chuyên trách mở thư ra đọc, thấy trong thư cũng không có gì quan trọng, chỉ nói về bệnh tình, sức khỏe và mọi việc thuốc men cho bà Hàn mà thôi!

Được tin vô tuyến điện báo cho biết tai nạn của chồng, bà Hàn Thiết đợi tàu cập bến Sài Gòn rồi lập tức lại đáp phi cơ ra Hà Nội rồi xuống Phòng ngay. Trả lời cuộc phỏng vấn, bà Hàn khai không hiểu tại sao chồng bà lại có cử chỉ lạ lùng quái lạ để đến nỗi xảy ra tai nạn như vậy.

Và kết cuộc thì Sở Công an đất Cảng cũng bỏ lãng việc này, không lý gì tới nữa!

Vì việc một người bị xe hơi cán chết trong một thành phố hàng ngày ít nhất cũng có dăm ba tai nạn xe cộ thì quả thực là một việc không lấy gì làm nghiêm trọng lắm!

Nhưng đối với những người thực có óc trình thám thì đây quả là một câu chuyện đáng để luận lý lắm!

Thực vậy, một ông giàu có, danh giá, tiễn vợ xuống tàu sau lúc đã chăm lo chỗ ăn nằm cho vợ xong xuôi, trở lên bờ, đứng nhìn theo con tàu rời bến. Nhưng rồi ông bỗng bỏ chạy vào trong phố, vừa chạy vừa kêu như một

thằng rồ dại để rồi bị xe cán chết một cách thực là oan uổng! Trong câu chuyện này có một chỗ khó hiểu làm cho ta phải tức mình. Chính vì cái chỗ tức mình ấy mà có người tò mò tìm cho ra sự thực như sau:

Theo lời những người lân bang của ông Hàn Thiết thì ông này chỉ được cái hình thức đứng đắn, chữ hành vi của ông có nhiều chỗ không lấy gì làm đáng khen cho lắm! Ông đã lấy bà vợ này vì bà có một số vốn kếch sù. Nhưng rồi sau khi có tiền trong tay, ông Hàn sinh ra chơi bời, rượu chè, cờ bạc làm cho vợ ông vốn người chẳng khỏe mạnh gì, suy nghĩ nhiều sinh ra ốm đau, héo hắt!

Bà Hàn thường đêm đêm trằn trọc không ngủ được và theo lời khuyên của bác sĩ - cũng hiểu gia cảnh nhà này - đã nhân dịp nhộn nhạo mà đi xa... Xa chồng, đỡ nghĩ ngợi buồn phiền, bà Hàn may ra có lấy lại sức khỏe được chút ít nào không?

Ông Hàn Thiết - chẳng biết tự bao giờ, vẫn rắp tâm muốn hại vợ - người mà sau khi ông đào mỏ, đã biến thành một “chướng ngại vật” khó chịu. Ông vốn biết vợ ông hàng ngày vẫn dùng những viên thuốc ngủ do bác sĩ chế riêng cho bà nên đã lấy cắp dần dần, cho đến hai chục viên của vợ.

Để đề phòng mọi sự nghi ngờ tới mình, con người thủ đoạn này đã cẩn thận khi xuống tới Phòng, viết một bức thư cho bác sĩ, tỏ ý lo lắng về sức khỏe của vợ nhất là vì bà “thường dùng thuốc ngủ một cách nhiều quá độ”...

Rồi tới hôm ông Hàn tiễn vợ xuống tàu vào Nam ông mang theo xuống tàu một chai rượu mạnh, hai chiếc cốc nhỏ, và lẽ tất nhiên có cả số hai chục viên thuốc mà ông đã cẩn thận tán ra nhỏ biển.

Bữa rượu tiễn vợ trên tàu biển không kéo dài là mấy. Ông Hàn Thiết lén pha thuốc ngủ vào trong cốc rượu của vợ rồi ép vợ uống, gọi là một chút “tiễn biệt quan bà”. Ông biết chỗ thuốc ngủ quá độ ấy pha vào rượu đủ giết chết một nhà lực sĩ, huống hồ là một người ốm yếu như bà Hàn? Mà bà Hàn có chết, người ta cũng cứ cho là bà chán nản vì đau ốm mà tự tử hoặc là vì đã uống thuốc ngủ quá độ mà ngộ độc, đúng như lời trong thư mà ông Hàn trước đó đã gửi cho bác sĩ, tỏ ý lo lắng về điều này!

Tối đây, mới có sự tình cờ mà làm đảo lộn.

Chính vì thế mà khi ông Hàn Thiết từ biệt vợ, lên bờ, đứng đợi cho con tàu quay mũi rồi mới lững thững vào phố, yên trí chỉ nội trong hai giờ, vợ ông sẽ thở hơi cuối cùng, đúng như kế hoạch ông đã định sẵn.

Ông tự phụ mình là người cẩn thận mang theo hai chiếc cốc xuống tàu rồi lại mang về, như vậy thì nhà chuyên trách còn đào đâu ra tài liệu để tìm ra sự thực nữa!

Ông tần mẩn mở bọc, lấy hai chiếc cốc ra xem lại và bỗng lạnh toát người khi thấy trong cả hai chiếc cốc đều có dính cặn thuốc cả.

Ông sức nhớ lại cái thói quen của vợ vẫn hay sể bột rượu vào cốc rượu của mình và như thế, ông đã “bị đầu độc một cách vô tình” và ông sẽ bị chết đến nơi?...

Ông hoảng hốt quá, như một kẻ điên cuồng, định đi tìm thầy thuốc để rửa ruột giải độc nhưng không may bị xe cán chết.

Có người nói: “Giời có mắt, thực đáng đời kẻ độc ác có dã tâm giết vợ, định bỏ thuốc độc cho người thì lại chính mình bị uống nhầm thuốc độc”.

Nhưng người ta còn phải suy nghĩ về luật “quả báo” như thế nào, nếu được biết rõ thêm điều này nữa:

- Nếu không bị xe chẹt chết thì ông Hàn Thiết chẳng chết đâu, dù ông có uống nhầm phải hai chục hay là cả đến hai trăm viên thuốc ngủ của vợ.

Ông sẽ không chết và cũng không hốt hoảng gì hết nếu ông kịp về tới khách sạn, giờ đọc bức thư trả lời của bác sĩ đã trả lời ông một cách rành mạch như sau:

“Ông chớ ngại, bà dùng thuốc ngủ quá độ vì thứ thuốc ấy tôi chế ra không có một tý thuốc ngủ nào ở trong đó cả. Tôi nói thế chỉ cốt để bà được yên trí, khỏi suy nghĩ vẩn vơ ngủ được yên giấc đó thôi!”

Đã lâu lắm tôi không gặp Kỳ Phát!

Thì trong cái thời tao loạn này, một sớm yên vui bỗng thành tan tác, mấy ai đã có thể chắc là biết rõ được tin tức của nhau?

Nhưng được cái vắng tin Kỳ Phát, người ta chưa đến nỗi quên hẳn được chàng thanh niên có kỳ tài nhất là vì hồi gần đây, nhiều người lại nhắc nhở đến các câu chuyện cũ hào hùng...

Nhưng Tết năm nay, tôi bỗng nhận được một mẫu giấy con, mời lại nhà một người bạn cũ, ông Phủ Thuyết, người bạn vong niên của chúng tôi... để uống rượu mừng Xuân và để mừng ngày Kỳ Phát trở về.

Tôi tưởng chừng như mơ ngủ! Và ngay từ lúc giao thừa, tôi đã ngong ngóng đợi sáng để được gặp người bạn đã cách biệt sáu, bảy năm giờ.

Nhưng tại sao Kỳ Phát lại hẹn gặp tôi ở nhà Phủ Thuyết? Vì tôi cần phải nói ngay rằng: trong cuộc giao du giữa tôi và Phủ Thuyết, vẫn còn một điều bí mật mà tôi đã cố gắng tìm biết nhiều lần không kết quả! Hỏi Phủ Thuyết thì không tiện, nhưng tôi đã từng hỏi Kỳ Phát:

- Phủ Thuyết thực là một người lạ! Trước đây, khi còn tại chức, Phủ Thuyết là một quan tham ô lại vào bậc nhất, cho tới khi hẵn thấy tai tiếng quá, xin từ chức, thì về nhà tậu ấp và đồn điền, hẵn lại là một tên sét-ty số một. Chẳng những vậy có thể nói rằng không một việc táng tận lương tâm nào mà Phủ Thuyết không làm, miễn là có tiền...

Kỳ Phát thấy tôi nói một hơi, chỉ nhìn chăm chú mà mỉm cười, khi tôi đã ngừng lại, chàng mới hỏi:

- Nhưng bây giờ Phủ Thuyết không thể nữa là thôi, chứ anh còn muốn gì hơn nữa?

Tôi gật đầu:

- Kỳ Phát, anh nói đúng! Phải, bây giờ Phủ Thuyết thay đổi hẳn: có thể nói rằng hẳn không phải là Phủ Thuyết trước nữa. Xưa kia, tàn ác, bất nhân, khổ nạn bao nhiêu thì bây giờ đại độ, khoan hồng, nhân từ bác ái bấy nhiêu! Trước kia, hẳn là Sa Tăng yêu quái thì bây giờ hẳn lại là Phật tử, là Thiên thần! Bao việc phúc đức hẳn làm, hẳn muốn giấu kín nhưng người ta cũng biết, chẳng khác gì trước kia hẳn muốn bưng bít những việc bất lương mà vẫn chẳng xong! Chính tôi đương muốn biết cái gì đã có phép màu nhiệm biến hóa tâm hồn con người một cách lạ lùng ghê gớm như vậy. Tôi muốn biết tại sao mà Phủ Thuyết, đương là một ông Ác bỗng biến thành ông Thiện, tôi muốn biết...

Không để tôi nói hết câu, Kỳ Phát vỗ vai tôi nhẹ nhàng bảo:

- Anh không nên tham lam quá như vậy. Ở đời còn bao nhiêu việc bí hiểm mà nhiều người muốn biết, có biết được đâu? Chúng ta hãy tự cho là đủ, khi anh đã nhận thấy điều cốt yếu này: đó là một con người đã cải ác vi thiện!

Cho đến cái Tết năm nay, hai điều lạ đồn dập tới: Kỳ Phát đã về và Kỳ Phát lại hẹn tôi họp mặt mừng Xuân ở chính ngay nhà Phủ Thuyết!

Tôi thấy cái đêm giao thừa sao mà dài thế! Nhưng thì rồi cũng sáng và tôi lại cố gắng đợi cho qua mấy giờ đồng hồ để tránh cái tiếng đến xông đất nhà người ta từ bánh mứt!

Kỳ Phát gặp tôi mừng rỡ như thế nào, tôi không cần phải nói nhiều, vì chúng ta trong thời tao loạn, nhiều khi đã từng biết cái phút gặp gỡ mừng mừng tủi tủi thực chẳng khác gì gặp được kẻ đã chết đi, vừa sống lại!

Tôi nắm chặt hai tay Kỳ Phát, hỏi:

- Anh về bao giờ, trước đây anh ở đâu? Cách mặt bao năm, anh hẳn là có lắm chuyện ly kỳ...

Kỳ Phát vỗ vai tôi, mỉm cười:

- Có, có lắm chuyện lắm nhưng anh phải để dần dần chứ tôi có bao nhiêu cái mồm mà kể hết một lúc cho anh nghe được... Bây giờ thì chúng ta hãy sửa soạn uống rượu mừng Xuân đã!

Phủ Thuyết lấy ra bốn chiếc cốc và sửa soạn mở một chai rượu quý, Kỳ Phát nhìn những chiếc cốc pha lê rồi hất hàm bảo tôi:

- Có bốn chiếc cốc, anh ạ, vì uống rượu mừng Xuân, chúng ta tất cả có bốn người...

Tôi ngắt lời:

- Bạn bè của anh thì nhiều, nhưng thân thiết thì rất ít nên tôi chưa đoán được ra ai là người thứ tư được anh mời đến hôm nay?

Kỳ Phát lắc đầu:

- Anh không thể đoán được vì đây là một người tôi quen biết... Đối với tôi, hẳn không gọi là thân được nhưng tôi muốn cùng hẳn và chúng ta uống rượu hôm nay là có ý muốn tiễn hẳn qua thế giới khác!

Ngay lúc này, có một chàng thanh niên bước vào. Hẳn trạc khoảng trên dưới 30, trông có vẻ thông minh và hoạt bát... Kỳ Phát tươi cười giới thiệu chúng tôi, rồi quay sang phía người mới đến:

- Còn đây là ông Tuệ, một người vì phần uất quá mà sinh ra chán đời...

Để cắt nghĩa cho chúng tôi hiểu, Kỳ Phát tiếp luôn:

- Tình cờ vừa bước chân về Hà Nội thì tôi gặp ông Tuệ. Khi ông biết đích là tôi thì ông lập tức nhờ tôi giúp cho ông một tay để giết mấy thù địch...

Tuệ đỡ lời:

- Phải nói ngay rằng chúng nó không còn phải là người nữa, chúng nó đã tâm hại tôi, hại cả nhà tôi và còn hại biết bao nhiêu kẻ khác nữa. Tôi nhất định giết nó để báo thù, chẳng những cho tôi mà còn giúp cho bao nhiêu người khác nữa. Nhưng tôi chỉ sợ việc lớn không thành nên rất mừng khi được gặp ông Kỳ Phát, nhờ ông giúp một tay...

Kỳ Phát cười, nói tiếp lời Tuệ:

- Tôi từ chối và khuyên ông không nên nóng nảy nhưng ông nhất định không nghe... Nhận thấy chỉ còn có một vài ngày nữa là hết năm, tôi có yêu cầu ông một điều là hãy lại đây cùng chúng ta uống một cốc rượu thưởng Xuân sau đó sẽ hay cũng chưa có gì là muộn...

Tuệ ngồi phịch xuống ghế và nắm chặt bàn tay gân guốc:

- Tôi đã lĩnh ý ông hôm nay... Nếu sau đó ông vui lòng giúp tôi thì hay nhất, bằng không thì tôi xin nói trước: tôi nhất định giết bọn thù, thành hay bại rồi thì tôi cũng chết...

Kỳ Phát cười ngất:

- Tôi thấy ông hăng hái quá, lại nhớ đến ngày xưa, cũng đã có lần tôi quả quyết giết người, chẳng khác gì ông bây giờ... Năm mới nói chuyện cũ, tôi muốn nhân chuyện này kể lại cho ông nghe.

Và quay lại phía tôi, Kỳ Phát tiếp:

- Và đây cũng là món quà tôi tặng anh, để cho anh khỏi thắc mắc bao lâu về Phủ Thuyết...

Suốt từ lúc này đến giờ, Phủ Thuyết, ông bạn vong niên của chúng tôi chỉ chăm lo việc lau ấm chén để pha một chén trà thực ngon đãi khách, không nói năng một câu gì, chỉ thỉnh thoảng điểm một nụ cười đồng ý với Kỳ Phát.

Chàng trình thám trẻ tuổi trình trọng rót rượu ra cốc rồi mời chúng tôi cùng uống rồi bắt đầu kể chuyện:

- Trước đây, khoảng tám, chín năm chúng ta đều biết Phủ Thuyết là một người tàn ác bất lương số một, một việc vô nhân đạo đến đâu, Phủ Thuyết cũng dám làm, miễn là có tiền... Ngoài những việc tham tàn không thể kể xiết, Phủ Thuyết còn có một cách làm tiền, cực kỳ là dã man, tàn ác. Hắn có dưới tay một bọn thanh niên đẹp trai, thuyết giỏi mà hắn thường nhận là bà con xa gần, sinh viên trường đại học này, trường chuyên khoa khác... Nhà Phủ Thuyết thường tổ chức luôn luôn các bàn tổ tôm, chạc-sếch, mạt chược... mà trong số những người tới “giải trí” có rất nhiều vợ các người giàu có, quyền quý trong thành phố. Bọn thanh niên tay sai của Phủ Thuyết nhằm vào bọn phụ nữ ăn không ngồi rồi này, làm cái mục tiêu tán tỉnh,

phình phờ. Và một số lớn những bà nhẹ dạ tin người ấy đã mắc vào con đường tình tội lỗi. Lẽ tất nhiên phải có những cuộc gặp gỡ vụng trộm, những thư từ tâm sự, hẹn hò, toàn là những chứng cứ cụ thể của cuộc tình duyên tội lỗi. Nằm trong tay những tài liệu ấy, Phủ Thuyết mới đứng trung gian mở cuộc săn-tan dọa nạt mấy người đàn bà đại dột kia: nếu không có tiền mua lại những tài liệu ấy thì chúng sẽ làm tan hoang, phá hủy toàn gia đình hạnh phúc. Có bà chạy tiền không được, sợ nhục nhã hổ thẹn đã phải tự tử cho thoát tội. Vậy mà đã xong đâu, không làm tiền nổi vợ, bọn Phủ Thuyết lại xoay ra làm tiền chồng, chúng dọa nếu không có tiền thì chúng sẽ tìm cách làm vỡ lở việc ra và kẻ thiệt thân bị bôi nhọ vong hồn đã đành, kẻ còn sống mang tiếng mọc sừng cũng phải lấy tiền ra mà bưng bít...

Ngừng lại một lát, Kỳ Phát lại tiếp:

- Chính tôi có một người em gái họ đã bị thiệt mạng vì tay Phủ Thuyết, còn chồng người đàn bà đại dột vì không đủ tiền mua các tài liệu, sợ mang xấu, thêm vì buồn bực đã bỏ nhà ra đi, chẳng biết qua nước nào nữa... Tôi tức giận vô cùng, và - cũng như ông Tuệ hiện bấy giờ - nhất quyết thế nào cũng giết bằng được Phủ Thuyết.

Nhưng tôi muốn nói rằng vụ án mạng này sẽ được tổ chức một cách vô cùng khoa học, khó lòng có một thám tử nào có thể điều tra ra được... Trước hết, tôi hãy thay hình đổi dạng, đóng vai một tay chơi sừng sỏ miền Nam Việt đến điều đình một việc có thể rất nhiều tiền. Tôi cho Phủ Thuyết biết trong ba ngày nữa, tại biệt thự Thanh Liễu, sẽ có một dạ tiệc rất long trọng. Sau tiệc rượu, sẽ có nhiều trò vui suốt sáng, nên tôi định sẽ lên vào trong phòng ngủ của nữ chủ nhân biệt thự ấy, lấy trộm hết tất cả các đồ tư trang, rồi bỏ gọn vào trong một túi da... Vì phòng ngủ ấy ở trên tầng gác thứ ba, dạ hội lại mở ở tầng thứ hai nên nếu tôi và Phủ Thuyết ăn ý với nhau về thời gian thì rất có thể Phủ Thuyết tới đúng giờ phút ấy ra đứng ngoài hàng hiên và lập tức túi châu ngọc kia sẽ tự nhiên như từ trên trời rơi xuống... Phủ Thuyết sẽ điềm nhiên trở vào trong phòng dạ hội và như vậy thì không còn ai có thể nghi kị Phủ Thuyết là thủ mưu vụ trộm này...

Mỉm cười, Kỳ Phát lại tiếp:

- Thế là ông Phủ Thuyết của chúng ta lấy lại giờ cho đúng khít với đồng hồ của tôi, rồi chỉ còn đợi cái túi tiền năm, sáu triệu đồng kia rơi vào tay mình mà không e ngại nguy hiểm gì hết. Nhưng cũng vào giờ phút ấy, tôi đóng đô sẵn sàng ở một căn gác nhà xế bên, với một khẩu súng trường cùng một viên đạn. Tôi nói *một viên đạn* là vì với cái tài thiện xạ của tôi thì chắc chắn viên đạn ấy phải gọn gàng xuyên trúng vào góc sống mũi, giữa hai cặp mắt độc ác của Phủ Thuyết.

Đạn đã nạp vào súng sẵn sàng, tôi đặt súng lên vai và đợi... Chỉ còn hai phút nữa Phủ Thuyết sẽ y hện ra, không phải nhận chiếc túi năm triệu đồng mà nhận lấy một viên chì, dùng làm giấy thông hành qua bên kia thế giới.

Chỉ còn 10 tích tắc. Tôi để ngón tay vào cò súng, trong thâm tâm cũng không lấy gì làm hồi hộp hơn lúc nhắm bắn một con sơn dương, hay con gấu ngựa!

Bỗng tôi thấy rõ Phủ Thuyết ung dung từ trong phòng dạ hội bước ra ngoài hàng hiên, không chậm hay sớm một giây nào cả.

Tôi lạnh lùng bấm mạnh cò súng.

Nhưng không có tiếng nổ mà chỉ có tiếng kêu tách...

Viên đạn độc nhất của tôi đã bị thối.

Thấy Kỳ Phát vừa ngừng lại, Phủ Thuyết cũng vừa pha xong ấm chè, vội đỡ lời ngay:

- Có lẽ vì linh tính báo cho biết, trong giây phút chết hụt ấy, tôi thấy lạnh gáy rợn người... Tôi ngẩng lên nhìn, và rõ ràng trông thấy ông Kỳ Phát cùng cái lỗ tròn tròn tối om của miệng nòng súng. Có lẽ ông Kỳ Phát cũng đã biết tôi trông thấy ông, nên ông ngang nhiên đến ngay trước mặt tôi một cách rất anh hùng... Ông không tiếc lời giảng giải cho tôi một bài học xứng đáng...

Nhìn thẳng vào mặt chúng tôi, Phủ Thuyết tiếp:

- Phát súng của ông Kỳ Phát bấm cò mà không nổ ấy, tuy vậy cũng đã giết được một người, đã làm chết được hãn tên Phủ Thuyết bất nhân tàn ác kia và đã làm sống lại một Phủ Thuyết hiểu biết được thế nào là cái sung sướng của một người được làm những việc nhân từ, bác ái...

Ngừng lại một lát, Phủ Thuyết lại tiếp:

- Chính vì thế cho nên cái Tết này, cũng như mấy cái Tết vừa qua tôi cho là cái Tết của một người đã chết. Mỗi một lần Xuân đến là tôi lại tính thêm một giỗ cho cái tên Phủ Thuyết độc ác đã bị ông Kỳ Phát ám sát một cách... nhân từ!

Kỳ Phát vỗ vai Tuệ, lúc này như có vẻ trầm ngâm suy nghĩ nhiều lắm, mà bảo con người khát máu ấy rằng:

- Ông Tuệ ạ, cái ngày đầu Xuân này chúng ta nên để cho thần trí nghỉ ngơi... Ông hãy uống cùng chúng tôi chén trà thơm, ly rượu mạnh, rồi nếu sau đây, ông còn có ý tưởng muốn giết ai nữa thì chúng ta sẽ lại liệu sau...

Tôi gật gù tiếp:

- Hay nhân dịp đầu Xuân này chúng ta hãy bỏ hẳn mọi ý nghĩ quá nóng nảy chém giết ấy đi có lẽ cũng hay hay, có phải không, ông Tuệ? Riêng còn một điều, ông Kỳ Phát có nói, ông có nhiều chuyện ly kỳ sau bao năm cách biệt, vậy nhân dịp này, ông...

Kỳ Phát nâng cốc rượu mời chúng tôi, rồi cười khà khà ngắt lời tôi:

- Nhân dịp này, Kỳ Phát chỉ muốn rượu thực say để mừng cho ông Tuệ rằng Xuân đến sẽ làm cho nhiều kẻ bất lương chết đi, để rồi sẽ sống lại một cách có nhân cách hơn, giống như ông Phủ Thuyết!

Năm ấy, tỉnh Hồ Bắc phải chịu một nạn đói ghê gớm, đây là một thiên tai tệ hại nhất, trong số ba “nạn giời” mà các nhà du lịch thường vẫn nói: nước Tàu thường vẫn bị đe dọa luôn luôn bởi nạn thủy涝 của sông Hoàng Hà, nạn dịch tả và nạn đói!

Thì năm đói ấy, tỉnh Hồ Bắc gặp nạn trầm trọng hơn cả. Toàn dân trong tỉnh phải ăn rau, ăn củ và trừ những trường hợp bất thường lắm, người ta mới dám dùng đến gạo, coi như quý chẳng kém gì châu bảo.

Khổ nhất là những người già nua tuổi tác, rụng răng, trơ lợi mà phải cố nhai những thứ rễ cây rắn như đá. Mà khổ hơn nữa, lại là lão già họ Phương.

Người ta thường vẫn gọi lão là Phương ngũ gia vì họ chỉ biết lão họ Phương và là con thứ năm trong nhà thì phải. Lão đến tỉnh Hồ Bắc này đã lâu lắm. Và cùng đến với lão là tất cả những sự chém giết ghê gớm. Vì lão chính là một tên giang hồ luân lạc, khó biết được rằng hắn đã làm tướng cướp hùng cứ những phương nào hoặc đã chịu bao nhiêu án đi đầy biệt xứ? Người ta chỉ biết rằng ngày ấy, giữa mấy huyện giáp giới địa đầu Hồ Bắc có những vụ tranh chấp đất đai ghê gớm lắm. Dân chúng đã kiện nhau chán chê, đã chửi rửa nhau hết lời và chỉ còn độc một phương cách giải quyết vấn đề tương tranh này bằng võ lực, lẽ phải tự muôn đời bao giờ cũng thuộc về phần kẻ khỏe.

Dân chúng từng cá nhân trong địa phương đánh nhau chán, lại rủ từng bè lũ gây hấn, kết quả chẳng bên nào là khỏi bị thiệt hại: kẻ bị thương, người mất mạng... Và khi đã đem ra tranh chọi hết kẻ tài ba hắn chúng lại đi tìm kiếm những tay giang hồ võ sĩ tứ phương về đàn áp nhau, các cuộc đấu tranh mỗi lúc một thêm lớn và lan rộng...

Phương ngũ gia đến Hồ Bắc chính là vào dịp cuối cùng của cuộc hiềm khích lưu huyết này. Lão đến cùng dăm tên thủ hạ, đứa nào cũng mạnh

khỏe gan dạ, thân đầy chàm trổ, đầu mặt đầy vết sẹo.

Chúng đến là do dân huyện Thanh Kỳ mời về, để đối phó với bọn giặc Ngọa long cương ghê gớm, có tài dùng dao tẩm thuốc, phóng ra trăm phát không sai một. Rồi cuộc thách thử khiêu khích bắt đầu. Bọn sáu thầy trò Phương ngũ gia há phải là những người sợ chết. Họ coi thường lưỡi dao tẩm thuốc của lũ giặc Ngọa long cương cũng như họ đã coi thường dao kiếm lợi hại của anh hùng trong thiên hạ.

Cuộc giao đấu thực là gay go. Trước tiên, họ còn biểu diễn các món tài nghệ để dọa dẫm nhau hòng đối phương thấy ghê gớm mà tự xin rút lui một cách hòa bình, trật tự. Nhưng rồi sau, bên tám lạng kẻ nửa cân, chẳng ai chịu phục ai và những trận tỉ thí bắt đầu. Họ đánh nhau đây mục đích chính chỉ là vì tiền. Nhưng họ cũng thi thố tài năng để bảo toàn danh dự. Bởi vậy cho nên mỗi một đường quyền, lưỡi kiếm của họ là một mong muốn cho địch thủ phải bại vong dù có phải chính mình thiệt mạng. Bên này có kẻ chết thì rồi bên kia cũng có kẻ thở hơi cuối cùng! Và kết cuộc thì đôi bên không còn một người nào, riêng chỉ có còn lại trơ độc một lão già họ Phương với một vết thương của dao tẩm thuốc ở trên cánh tay phải.

Đồng bọn đã mạng vong, cuộc giao tranh giữa hai địa phương hiềm khích cũng tạm thời đình chỉ... Phương ngũ gia chán nản trước cuộc kết liễu đau đớn của mình, đành ở lại đây để chữa thuốc. Cánh tay phải của lão từ nay thành ra tê liệt, cái danh tiếng bách chiến bách thắng từ thời xưa đến nay không còn đem ra dùng được việc nữa.

Con hổ xám dữ tợn của rừng thiêng từ nay đành thúc thủ ở một huyện nhỏ, với cái nghề chỉ dẫn cho dân làng tập luyện võ nghệ. Phương ngũ lão, cũng không thể làm được một võ sư nữa, vì cánh tay bị tê liệt hẳn rồi, còn có thể biểu diễn - phải, chỉ biểu diễn thôi - quyền thuật được nữa đâu!

Nhưng thời bình trở lại, võ nghệ đối với dân làng cũng không cần thiết cho lắm nữa, người ta đua nhau học hành văn chương thi phú, và những kẻ dùng đến võ biên không ngoài mấy bọn tuần đinh có nhiệm vụ canh gác cho dân hàng huyện.

Danh vọng của Phương ngũ lão vì thế cũng mỗi ngày một xuống. Nhưng lão không phải vì thế mà không đủ sinh nhai... Lão còn có một nghề nữa mà mỗi khi ta dùng đến thì lại thuê tiền bạc lão, một số tiền lớn khả dĩ có thể chi dùng hàng năm sáu tháng.

Đó là nghề... chém người!

Các đức tính gan dạ liều lĩnh của kẻ giang hồ tứ chiếng đó là một điều không ai dám bàn cãi. Mà một cánh tay phải kia bị tê liệt không phải đã làm cho con hổ dữ hết cách hại người. Với một cánh tay trái khỏe như sắt và mạnh như chớp, Phương ngũ lão vẫn còn có thể hạ sát một cách nhanh chóng và gọn ghẽ dễ dàng. Ai có kẻ thù muốn cho về châu tiên tổ thì hãy tìm đến lão. Với một số tiền xứng đáng, lão có thể hứa chắc chắn ngày... hạ huyết của kẻ vô phúc trên đường đời trong lúc này, gặp lão!

Những cuộc chém giết có hiểm, thì cái mạng con người mới có giá trị. Phương ngũ lão cũng căn cứ vào cái luật thiên nhiên mà kiếm sống một cách dễ dàng.

Nhưng, như ta đã thấy, tình Hồ Bắc năm ấy lại gặp một nạn đói ghê gớm. Cái chết vì thiên tai đe dọa kinh khủng quá, đến nỗi người ta không còn nghĩ đến chém giết ai nữa mà chỉ lo giữ cho mình khỏi chết - chết đói!

Phương ngũ lão bỗng nhiên thành... thất nghiệp! Và chính lão cũng sợ hãi chưa biết rõ sinh sống bằng cách nào: lão không sợ chết gươm dao nhưng lão không khỏi ngại ngùng khi nghĩ đến cái cảnh chết lả dần dần vì dạ dày bị trống rỗng hàng tháng...

Phương ngũ lão lại khổ sở hơn nữa, vì lão năm nay đã già, hàm răng rụng gần hết, các thứ rễ cây tạm thời còn cứu sống được bọn người trai trẻ qua ngày thì lão không làm sao mà gặm được.

Lão bán dần các áo và đồ đạc.

Những thứ vô ích cho đời sống lúc này còn đáng giá được bao lăm?

Cuối cùng, lão đành bán cả mũi chùy, sắc như nước, một vật mà từ xưa đến nay, không bao giờ rời lão!

Mũi chủy ấy đã lập được nhiều chiến công oanh liệt cho Phương ngũ lão, vậy mà bây giờ mang bán cũng chẳng được bao tiền. Lão vẫn còn tiếc rẻ mọi vật đã bao năm không rời lão nên cuối cùng lão chỉ xin cầm chứ không bán đứt. Mụ già họ Tương xem ngắm mũi chủy, gật gù bảo lão Phương rằng:

- Mũi chủy này chỉ đáng giá ở cái chuôi bằng bạc chạm trổ công phu, nhưng thời này, ai dùng đến binh khí nữa. Vậy cái chuôi bạc, người ta sẽ đúc lại là làm các đồ trang sức, còn cái lưỡi kia, có tiếc thì tra thêm chiếc cán gỗ vào, dùng làm dao chọc tiết lợn thì chắc cũng tốt!

Trời ơi, lão Phương nghe mụ Tương nói dùng mũi chủy đã từng thấm máu anh hùng thiên hạ làm dao chọc tiết lợn, có khác gì Quan Vân Trường thấy người bán dùng con Xích thố để làm ngựa kéo xe...

Nhưng thời thế đã mất anh hùng!

Việc chính lúc này không phải là đem bán giá trị của mũi chủy, mà chỉ là điều đình cách nào cho mụ Tương bằng lòng cầm mũi chủy cao thêm được vài ba đỉnh bạc!

Đã năm ngày hôm nay, Phương ngũ lão không hề có một hạt cơm vào bụng. Ông già giang hồ ấy thấy mình khó còn cách nào sống được vì ngoài bộ quần áo lót mình, lão không còn có lấy một vật gì khả dĩ đổi lấy được một chén gạo hầm để nấu cháo nữa.

Lão lang thang ngoài đường, giống hệt những con chó đói vô chủ, gầy gò, dơ xương sườn, xương sống. Bỗng lão chợt nghe thấy tiếng người vui vẻ hỏi:

- Phương ngũ gia đi đâu đấy?

Phương lão nhìn lại, thấy người vừa gọi mình đó chính là Lý Sinh, anh chàng bán hàng tơ lụa. Lý Sinh vốn là con nhà gia thế, trước kia đã theo học và đã nổi tiếng là một nho sinh có văn tài. Nhưng mấy cơn bạo bệnh liên tiếp đến làm cho Lý Sinh bỗng trở nên ốm yếu, người gầy nhom, trí nhớ kém cỏi, hai mắt mờ quáng, gân tay run rẩy, không thể theo học được nữa. Thực là một tai hại cho nhà họ Lý vì từ xưa đến nay, ai cũng biết dòng

dôi Lý gia thế phiệt trâm anh, không năm nào mở khoa thi mà không có người thi đậu bảng vàng...

Không có sức khỏe để theo học, Lý Sinh đành phải bỏ bút nghiên mà trở về theo nghề của mẹ là nghề buôn vóc lụ. Cũng vì yếu ớt mà trong năm đói, tuy buôn bán thua lỗ, Lý Sinh cũng vẫn phải ăn cơm, ăn mỗi bữa một bát để cầm hơi thôi, chứ không thể nào ăn rế, ăn củ được.

Lúc ấy, Lý Sinh đang sửa soạn ăn cơm... Chàng vui vẻ mời Phương lão:

- Lão trưởng hãy vào đây xơi chén trà nóng đã!

Phương lão bước vào hàng... Hơi cơm nóng thơm ngát làm cho Phương lão như tỉnh táo hẳn lên. Lý Sinh hỏi:

- Lão trưởng độ này phát tài chứ? Người đã dùng cơm chưa?

Phương lão thở dài:

- Trong năm đói này, người ta chẳng cần giết ai nữa, vì cứ để nguyên cũng đủ chết đói rồi...

Phương lão không nói dối... Vì chính lão lúc này đói quá, cũng đã hoa mắt, lao đao suýt ngã gục xuống nếu không kịp với tay vịn được vào thành trường kỷ.

Lý Sinh hình như hiểu ý vội vàng nói:

- Chắc người đi chơi sớm, chưa kịp dùng cơm, và tiện đây hãy xin ăn một bát cho vui...

Phương lão hết lời từ chối nhưng Lý Sinh nhất định xơi cơm và ép nài. Cầm lấy đĩa cơm, Phương lão ngần ngại:

- Nhưng còn tiên sinh?

- Xin lão trưởng đừng ngại, văn sinh vừa mới xong rồi, bát hãy còn để kia!

Nhìn theo tay chỏ của Lý Sinh, Phương lão trông thấy trong gầm tủ hàng có úp một chiếc bát thực, Phương lão cảm ơn rồi ăn cơm... Nguồn sinh lực như trở lại với con người đã năm, sáu ngày chưa có hột cơm nào vào bụng. Lý Sinh nhìn ông già ăn một cách ngon lành bỗng thở dài:

- Ông trời sinh ra mạnh khỏe như lão trượng cũng là một hạnh phúc không gì bì được!

Phương lão ngừng tay đũa, mỉm cười:

- Khỏe mạnh vũ dũng như lão cũng chẳng gì! Vẫn chết đói, thì yếu ớt ngay như tiên sinh lại còn hơn.

Lý Sinh lắc đầu... Một lát chàng mới nói:

- Văn sinh nói như thế là vì trong đời văn sinh đã bị một cái nhục vô cùng nhục mà không làm gì được chỉ vì yếu ớt. Hôm ấy, vào buổi chợ, tên hung đồ Hoàng Mãnh vào cửa hàng của văn sinh hỏi mua hàng, chỉ toàn mua rẻ, văn sinh không bán cho hắn nên hắn tức tối hất cả chồng tơ lụa xuống đất rồi sỉ nhục văn sinh rằng: “Mi tưởng còn cao quý lắm ư? Là con nhà văn học mà bây giờ phải ngồi bán hàng đầu chợ thế này, chẳng phải đó là kết quả nghiệp chướng nhà họ Lý bạc ác bất nhân lắm đó sao?” Bị sỉ nhục và bêu riếu tổ tôn, văn sinh tức chết đi được, đứng dậy toan đánh Hoàng Mãnh nhưng hắn đã gạt tay nhẹ một cái làm cho văn sinh ngã bò lăn ra đất, trong khi Hoàng Mãnh cười kiêu hãnh bỏ đi...

Phương lão lúc này đã ăn xong, đặt bát xuống và đỡ lấy chén trà Lý Sinh vừa pha đưa mời... Phương lão dọn bát đũa thì Lý Sinh vội nói:

- Thôi lão trượng cứ để mặc văn sinh thu dọn.

Nhưng Phương lão không nghe... với tay lấy chiếc bát úp dưới gầm tủ hàng toan chồng cả vào nhau rồi mang đi rửa. Ngạc nhiên hết sức, Phương lão thấy chiếc bát rạch mà Lý Sinh nói vừa mới ăn rồi bỏ vào đó vẫn sạch nguyên, tỏ rõ Lý Sinh đã nói dối, chàng đã nhịn ăn mà đãi khách.

Bát cơm Siêu Mẫu lúc này thực đáng giá nghìn vàng...

Phương ngũ lão như có vẻ suy nghĩ nhiều lắm. Con người giang hồ tóc bạc đã nhận thấy mình đã chịu một cái ơn quá nặng.

Từ cửa hàng họ Lý ra, Phương ngũ gia đến thẳng ngay nhà mộ Tương. Thấy lão hỏi đến mũi chủy còn để đấy hay đã đem bán, mộ Tương thờ dãi trả lời:

- Thời đói kém này, người ta cần ăn hơn chơi nên mũi chủ của lão trượng đã bày chán chê cũng chẳng có anh đồ tể nào hỏi mua, tôi lại vất ở xó hòm kia!

Phương lão năn nỉ xin mục Tương cho mượn lại mũi chủ trong một buổi thôi rồi cam đoan lại mang trả. Mục Tương biết Phương lão nói không sai lời bao giờ nên bằng lòng cho mượn. Cầm mũi chủ thân mến trong tay, Phương ngũ gia thấy sung sướng như một người mẹ đi vắng lâu ngày mới được trở về bỗng bế con yêu...

Rồi lão bỏ mũi chủ vào trong tay áo, thẳng lối ra Đông môn. Gặp Hoàng Mãnh đương ngồi uống rượu trong một hàng thịt chó, Phương ngũ gia ung dung bảo:

- Lão muốn gặp ngài nói chuyện riêng một phút ngay bây giờ!

Hoàng Mãnh nhìn dáng điệu lão Phương, đoán biết thế nào cũng có sự không hay nên liếc mắt ra hiệu cho một thằng bé con tay xách giỏ nhãn đứng gần đó. Thằng bé hiểu ý, bước đến gần Hoàng Mãnh, giơ giỏ nhãn mời:

- Xin mời ngài, hãy mua giúp cho tôi chùm nhãn, ăn cho khỏi tanh miệng!

Hoàng Mãnh thò tay lấy chùm nhãn. Nhưng cùng một lúc hắn cũng lấy cả khẩu súng lục liên giấu ở trong giỏ, rồi nhanh nhẹn bỏ súng vào túi áo mình. Ngóảnh nhìn Phương lão, Hoàng Mãnh hỏi:

- Xin lão trượng đi trước, tôi sẵn sàng đi theo nghe chuyện...

Phương ngũ gia bước ra khỏi hàng thịt chó, rồi đứng lại. Ung dung, Phương lão nói:

- Hoàng Mãnh hắn nhớ trước đây đã có lần sỉ nhục Lý Sinh... Vậy hôm nay ta đến đây gặp người để trả thù ấy!

Chưa nói dứt lời, nhanh như chớp mũi chủ đã tung ra, Hoàng Mãnh ngã gục xuống. Nhưng trước khi tắt thở, hắn còn kịp thu hết tàn lực rút súng nhắm bắn theo Phương lão liền ba phát...

Phương lão trúng đạn, cố gắng lão đảo về đến nhà Lý Sinh thì gục xuống. Kẻ giang hồ tóc bạc chỉ còn kịp dặn lại một câu:

- Tiên sinh nhớ mang giả ngay mũi chủ cho mục Tương, không có mục thấy lâu lại tưởng lão sai lời hứa!



PHẠM CAO CÙNG

VẾT TAY TRÊN TRẦN

TRINH THẨM



**THẨM
TỬ KỲ
PHÁT**



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Table of Contents

VẾT TAY TRÊN TRẦN

1 GIẤU ĐẦU HỞ ĐUÔI

2 CHIẾC Ô ĐÀN BÀ

3 OAN THỊ KÍNH

4 CÁNH TAY ĐEN

5 BÓNG ĐEN HAY BÓNG TRẮNG

6 CHIẾC LỌ CỔ VÀ KHÚC XƯƠNG TAY

7 VẾT TAY TRÊN TRẦN

8 TIẾNG CHIÊNG ĐỒNG TRONG RỪNG THẮM

9 ÁC GIẢ ÁC BÁO

BA VIÊN NGỌC BÍCH

1 BỨC DANH THIẾP ĐÁNG NGỜ

2 MỘT VỤ TRỘM LẠ

3 THẲNG XE KHẢ NGHỊ

4 MỘT THỦ PHẠM

5 HAI THỦ PHẠM

CON MA CÂY VẢ

BA ĐỐT NGÓN TAY

ÔNG GIÀ BUÔN XÁC CHẾT

BUỔI DIỄN TẤT NIÊN CỦA NGƯỜI HỒ

QUẢ BÁO

CÁI TẾT CỦA NGƯỜI ĐÃ CHẾT

BÁT CƠM SIÊU MẪU